

Số: /BC-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố.

Căn cứ Thông báo số 58/TB-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND Thành phố về nội dung, chương trình kỳ họp thường lệ cuối năm 2024 (Kỳ họp thứ 20) của HĐND Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025” như sau:

Phần I TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

Kinh tế - xã hội năm 2024 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược gay gắt; xung đột leo thang ở Ukraina, Trung Đông, Biển Đỏ, căng thẳng gia tăng ở bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan; giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản, cước vận tải biến động mạnh; kinh tế, thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc¹; tổng cầu, đầu tư toàn cầu sụt giảm; tỷ giá, lãi suất biến động khó lường; thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thách thức, tác động đến kinh tế toàn cầu.

Ở Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng, trách nhiệm của người đứng đầu được tăng lên cùng sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị khi vừa phải linh hoạt, hiệu quả trước những biến động bên ngoài; vừa phải chỉ đạo, điều hành khắc phục những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm và phải dành nhiều thời gian, nguồn lực giải quyết những vấn đề đột xuất, phát sinh, nhất là ứng phó, khắc phục cơn bão số 3 (YAGI) gây hậu quả tại một số quận, huyện, thị xã.

Trước tình hình đó, Thành phố đã bám sát, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; của Thành ủy, HĐND Thành phố, với tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm, kỷ cương; chủ động, linh hoạt và quyết tâm đổi mới sáng tạo mạnh mẽ trong điều hành,

¹ Các tổ chức quốc tế lớn dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 ở mức 2 - 3%, thấp hơn hoặc tương đương năm 2023. Trong đó: IMF dự báo: Thế giới tăng 3,2%, Hoa Kỳ 2,6%, EU 0,9%, Trung Quốc 5%, Nhật Bản 0,7%; WB dự báo: Thế giới tăng 2,6%, Hoa Kỳ 2,5%, EU 0,7%, Trung Quốc 4,8%, Nhật Bản 0,7%; OECD dự báo: Thế giới tăng 3,2%, Hoa Kỳ 2,6%, EU 0,7%, Trung Quốc 4,9%, Nhật Bản -0,1%.

nhất là tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành và địa phương thực hiện hiệu quả các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng, khắc phục hậu quả bão số 3 để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Tập trung chỉ đạo, triển khai quyết liệt, đồng bộ, thực chất, hiệu quả, có trọng điểm, trọng tâm các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là Thông báo số 95-TB/VPTW ngày 21/8/2024 về kết quả chuyến thăm và làm việc của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm với Ban Thường vụ Thành uỷ Hà Nội với tinh thần năng động, sáng tạo, quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức; đoàn kết, quyết liệt, “Kỷ cương - Trách nhiệm - Hành động - Sáng tạo - Phát triển”, gắn với nâng cao trách nhiệm giải quyết công việc theo tinh thần Chỉ thị 24 của Ban Thường vụ Thành uỷ, các cơ quan trong hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở quyết liệt thực hiện đồng bộ, có hiệu quả 10 chương trình công tác, 5 định hướng lớn, 3 khâu đột phá, 20 chỉ tiêu và 14 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Thành phố nhiệm kỳ 2020-2025, cụ thể hóa và đưa Nghị quyết Đại hội 13 của Đảng, Nghị quyết Đại hội 17 Đảng bộ Thành phố từng bước đi vào cuộc sống, đạt được nhiều kết quả tích cực; thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên và đột xuất đạt kết quả quan trọng, toàn diện, nổi bật trên nhiều lĩnh vực, đóng góp quan trọng vào thành tựu chung của khu vực Đồng bằng sông Hồng, khu vực phía Bắc và cả nước.

2. Phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, đột phá trong việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, kết luận của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XVII về KTXH, tài chính - ngân sách và đầu tư công năm 2023-2024; các nghị quyết của HĐND Thành phố về kế hoạch phát triển KTXH, dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp Thành phố năm 2024; các nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH, dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024, số 02/CP-NQ ngày 05/01/2024 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024. UBND Thành phố đã ban hành Chương trình hành động số 04/CTr-UBND ngày 14/3/2024 về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTXH, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2024 đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, với chủ đề xuyên suốt là “*Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển*”; 05 trọng tâm chỉ đạo điều hành thực hiện, 24 chỉ tiêu và 94 nhiệm vụ cụ thể, gắn trách nhiệm và tiến độ hoàn thành của từng sở, ban, ngành và địa phương với quyết tâm phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu nhiệm vụ trên tinh thần 05 rõ: “*Rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, tiến độ, rõ kết quả, sản phẩm*”.

3. Rà soát, đánh giá tình hình và dự kiến kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của Thành phố, chỉ đạo quyết liệt các giải pháp hoàn thành hiệu quả, toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết của HĐND Thành phố đã đề ra về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 với tinh thần “đổi mới trong tư duy, cách nghĩ, cách làm” để có bước đột phá rõ nét, tăng tốc sớm về đích các chỉ tiêu.

4. Tập trung thực hiện 3 khâu đột phá chiến lược, nhất là về đẩy mạnh công tác hoàn thiện thể chế và xây dựng nền quản trị hiện đại, hoàn thiện các chính sách phát triển Thủ đô, UBND Thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện 3 nội dung công việc quan trọng: Xây dựng và trình Quốc hội thông qua xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi); Lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. Thành phố đã báo cáo các Quy hoạch với Bộ Chính trị, Quốc hội cho ý kiến; đã hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét để phê duyệt. Tổ chức hội nghị, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

5. Thúc đẩy thực hiện kế hoạch đầu tư công – một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024, UBND Thành phố đã ban hành các Kế hoạch: số 42/KH-UBND ngày 31/01/2024 tăng cường, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2024; khắc phục tồn tại, hạn chế về giải ngân kế hoạch đầu tư công ở cấp thành phố và cấp huyện; số 143/KH-UBND ngày 07/5/2024 thúc đẩy triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024, năm 2025 và các công trình trọng điểm của Thành phố; Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 30/10/2024 thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024.

6. Chỉ đạo quyết liệt công tác phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, bảo đảm an toàn cho người dân và tài sản, khắc phục nhanh chóng hậu quả cơn bão số 3. Triển khai khẩn cấp các giải pháp khắc phục thiệt hại do bão gây ra, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản và đời sống của nhân dân.

7. Tập trung triển khai tổng thể, toàn diện công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 của Chính phủ; chỉ đạo đẩy mạnh phát triển dữ liệu, phát triển ứng dụng, các dịch vụ công trực tuyến gắn với đời sống người dân, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; nâng cao chất lượng phục vụ, minh bạch trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp. Chỉ đạo hoàn thành Đề án Trung tâm Phục vụ hành chính công giữ vai trò điều phối chung, là công cụ hiệu quả để phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo của Lãnh đạo UBND Thành phố.

8. Phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2024). Tích cực triển khai các hoạt động hướng tới chào mừng 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2024), trong đó, tập trung chỉ đạo công tác tổ chức 03 Chương trình lớn: Lễ kỷ niệm cấp quốc gia kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô, Chương trình nghệ thuật đặc biệt “Thành phố Hoà bình - Thành phố Rộng bay”, Chương trình “Ngày hội Văn hóa vì hòa bình”; khánh thành các công trình kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô tạo dấu ấn và truyền cảm hứng hân hoan, tự hào cho đông đảo quần chúng nhân dân Thủ đô;

9. Chỉ đạo duy trì hoạt động của hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; đảm bảo cung cấp điện, nước, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường, chiếu sáng và chỉnh trang đô thị, trọng tâm là các dịp lễ, Tết, sự kiện văn hóa, thể thao; đảm bảo sắp xếp hàng quán, dịch vụ trông giữ xe, giao thông, an ninh trật tự, an toàn thực phẩm; xử lý nghiêm tình trạng chèo kéo, ép giá, trộm cắp, cờ bạc... Thực hiện kịp thời, đầy đủ

chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và các giải pháp bảo đảm an sinh xã hội; xóa toàn bộ nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Chương trình phát động của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh công tác quản lý và phát triển nhà; tăng cường quản lý đất đai, trật tự xây dựng...

10. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng địa phương; đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chỉ đạo bố trí lực lượng tuần tra và ứng trực đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông trên những tuyến giao thông quan trọng, khu vực diễn ra các sự kiện chính trị, văn hóa, khu vui chơi, lễ hội; tăng cường thực hiện các giải pháp phòng chống cháy nổ. Tiếp tục tăng cường và mở rộng quan hệ quốc tế, thúc đẩy đối ngoại toàn diện trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa... từng bước nâng cao vị thế Thủ đô, thúc đẩy thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại, quảng bá, phát triển du lịch và dịch vụ...

B. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC

I. TẬP TRUNG HOÀN THÀNH XÂY DỰNG THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH, TẠO LẬP CÁC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN MỚI VỚI TẦM NHÌN DÀI HẠN PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ

1. Quốc hội thông qua Luật Thủ đô (sửa đổi): Luật Thủ đô (sửa đổi) được Quốc hội thông qua với những cơ chế vượt trội để phát triển Thủ đô; UBND Thành phố đã ban hành các Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô; theo đó, đã xác định tổng số văn bản cần ban hành là 114 văn bản (gồm 94 văn bản quy phạm pháp luật, 20 văn bản cá biệt). Tổ công tác triển khai thi hành Luật Thủ đô đã phối hợp với các bộ, ngành Trung ương xây dựng 3 nghị định cần ban hành trong năm 2024 quy định chi tiết về: Tổ chức, hoạt động của UBND phường của Thành phố Hà Nội; Về việc thực hiện liên kết giáo dục giữa cơ sở giáo dục công lập của Thành phố và cơ sở giáo dục nước ngoài; Về thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực văn hoá, thể thao. Đến ngày 23/11/2024, HĐND Thành phố đã thông qua 12 Nghị quyết về triển khai thi hành Luật Thủ đô tại kỳ họp bất thường. Các nội dung khác tiếp tục được triển khai theo kế hoạch đề ra.

2. Đẩy mạnh công tác quy hoạch, tạo lập không gian phát triển mới cho Thủ đô

Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thành phố đã phê duyệt cập nhật Danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị trong các Kế hoạch phát triển nhà ở của Thành phố giai đoạn 2021-2025 (Đợt 3) (Quyết định số 4321/QĐ-UBND ngày 19/8/2024), gồm 36 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư với 10 dự án đang triển khai dự kiến hoàn thành giai đoạn 2021 – 2025 và 26 dự án dự kiến hoàn thành giai đoạn sau 2025; 85 các dự án đang thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư.

Trong 10 tháng đầu năm, Thành phố đã phê duyệt 17 đồ án quy hoạch phân khu tại đô thị vệ tinh với tổng diện tích khoảng 8.617,99 ha, nâng tổng số đồ án quy hoạch phân khu được duyệt lên thành 23/26; 86 nhiệm vụ và đồ án quy hoạch khác, gồm: 06 nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, 27 đồ án quy hoạch chi tiết (bao gồm cả điều

chính), 16 đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu, 10 quy hoạch phương án tuyến hạ tầng kỹ thuật. Đến nay tại khu vực đô thị đã có 80/83 đồ án được phê duyệt, đạt 96%; tại khu vực các huyện ngoài phạm vi phát triển đô thị, UBND Thành phố đã phê duyệt 13/13 nhiệm vụ quy hoạch. HĐND Thành phố thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Hà Nội (Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 02/7/2024 của HĐND Thành phố) và Chương trình phát triển đô thị thành phố Hà Nội đến năm 2035 tạo lập khung pháp lý cho các hoạt động quy hoạch và định hình rõ các mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai, góp phần nâng cao chất lượng sống và tối ưu hóa không gian đô thị.

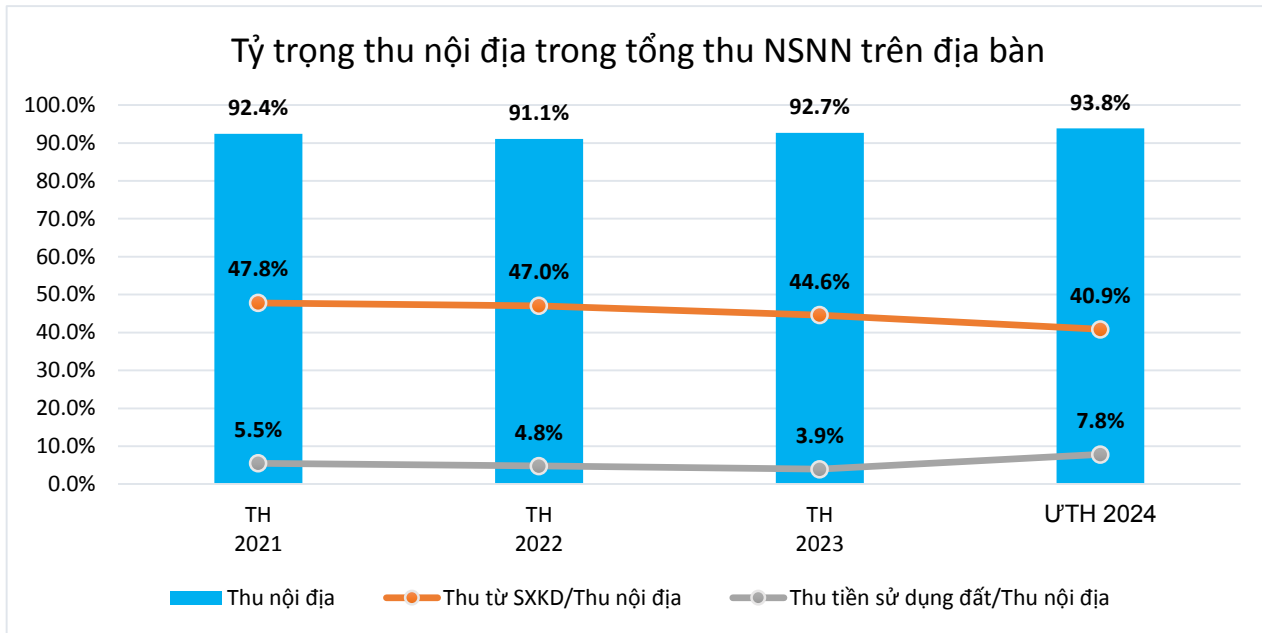
Thành phố đã thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Hà Nội và Chương trình phát triển đô thị đến năm 2035, tạo lập khung pháp lý cho các hoạt động quy hoạch và định hình rõ các mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai, góp phần nâng cao chất lượng sống và tối ưu hóa không gian đô thị.

3. Chuyển đổi số được chỉ đạo thực hiện với các giải pháp tổng thể, đồng bộ

Ngày 30/12/2022, Thành ủy Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TU về chuyển đổi số, xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Mục tiêu đặt ra là đến năm 2030, Hà Nội sẽ cơ bản trở thành một thành phố thông minh, hiện đại, kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong khu vực và thế giới. UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 239/LH-UBND ngày 27/9/2024 về chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 nhằm xây dựng các chính sách khuyến khích áp dụng và có lộ trình từng bước áp dụng các bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định, hướng dẫn liên quan đến xây dựng phát triển đô thị, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và quản lý phát triển đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh, thành phố thông minh

III. CÁC CÁN ĐỐI LỚN ĐƯỢC ĐẢM BẢO, HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN LỰC, CÁC NGÀNH KINH TẾ CÓ BƯỚC PHÁT TRIỂN TỐT

1. Thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn vượt dự toán, đảm bảo cho các khoản chi ngân sách; Tổng thu NSNN trên địa bàn Thành phố thực hiện 10 tháng đầu năm 2024 là 423.529 tỷ đồng, đạt 103,7% dự toán, tăng 21,3% so với cùng kỳ, trong đó: Thu nội địa: 397.116 tỷ đồng, đạt 104,9% dự toán, tăng 22,0% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2024 tổng thu NSNN là **492.309 tỷ đồng**, đạt 120,5% dự toán, tăng 19,6% so với cùng kỳ, trong đó: Thu nội địa 461.922 tỷ đồng, chiếm 93,8%, đạt 122% dự toán, tăng 21,2% so với cùng kỳ. Tỷ trọng thu từ sản xuất kinh doanh trong thu nội địa là 188.742 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 40,9% trong thu nội địa, đạt 107,3% dự toán, tăng 10,6% so với cùng kỳ; Thu từ nhà, đất: 48.590 tỷ đồng, đạt 114,0% dự toán, tăng 129,1% so với cùng kỳ (Riêng thu tiền sử dụng đất: 36.100 tỷ đồng, đạt 100% dự toán, tăng 140,5% so với cùng kỳ). *(Xem biểu đồ bên dưới)*



Tổng chi ngân sách địa phương thành phố Hà Nội ước thực hiện 10 tháng đầu năm 2024 là 77.318 tỷ đồng, đạt 54,0% dự toán đầu năm, tăng 20,9% so với cùng kỳ, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 34.802 tỷ đồng, đạt 45,0% dự toán giao đầu năm, tăng 27,9% so với cùng kỳ; Chi thường xuyên là 42.452 tỷ đồng, đạt 74,2% dự toán, tăng 15,5% so với cùng kỳ. Ước thực hiện năm 2024, tổng chi ngân sách là **125.449 tỷ đồng**, đạt 85,7% dự toán đầu năm và 90,3% dự toán sau điều chỉnh, tăng 13,5% so với cùng kỳ, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 68.088 tỷ đồng, tăng 19,3% so với cùng kỳ; Chi thường xuyên là 58.387 tỷ đồng, đạt 102,0% dự toán giao đầu năm và 96,4% dự toán sau điều chỉnh, tăng 9,4% so với cùng kỳ.

2. Thực hiện hiệu quả các chính sách tiền tệ, tín dụng trên địa bàn góp phần hỗ trợ nền kinh tế; tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận tín dụng và hấp thụ vốn. Mặt bằng lãi suất tiếp tục giảm so với năm 2023. Lũy kế 10 tháng đầu năm, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn đạt **5,692 triệu tỷ đồng**, tăng 6,68% so với 31/12/2023 (cùng thời điểm năm 2023 giảm 1,22%). Dự kiến đến 31/12/2024, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn đạt 5,753 triệu tỷ đồng, tăng 7,82% so với 31/12/2023. Tổng dư nợ của các TCTD 10 tháng đầu năm đạt 4,153 triệu tỷ đồng, tăng 14,83% so với 31/12/2023 (cùng thời điểm tăng 10,85%). Dự kiến đến 31/12/2024, tổng dư nợ của các TCTD trên địa bàn đạt 4,201 triệu tỷ đồng, tăng 16,15% so với 31/12/2023. Để hỗ trợ thiệt hại của cơn bão số 3, các TCTD đã áp dụng hình thức miễn giảm lãi vay từ 0,5-2% cho khách hàng đang có khoản vay hiện hữu bị ảnh hưởng với cơn bão số 3 với tổng dư nợ khoảng 5,313 triệu tỷ đồng; cho vay để phục hồi sản xuất kinh doanh với lãi suất ưu đãi 5-7%/năm với dư nợ khoảng 843 tỷ đồng.

3. Kim ngạch xuất, nhập khẩu phục hồi ấn tượng. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 10 tháng đầu năm 2024 đạt **15,467 tỷ USD**, tăng **12,3%** so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ giảm 1,4%), trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 9,04 tỷ USD, chiếm 58,4%, tăng 15,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 6,43 tỷ USD, chiếm 41,6%, tăng 11,8%. Các mặt hàng nông sản; may, dệt; điện tử máy tính, linh kiện, phương tiện vận tải và phụ tùng... đóng vai trò sản phẩm chủ lực trong xuất khẩu. Dự kiến cả năm kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 11%, vượt mục tiêu cả năm

tăng 5%. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa 10 tháng đầu năm 2024 đạt 33,2 tỷ USD, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ giảm 9,5%), trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 27,6 tỷ USD, tăng 10,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 5,6 tỷ USD, tăng 6,9%.

4. Chỉ số giá tiêu dùng tăng cao so với cùng kỳ và mục tiêu cả năm: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 10 tháng đầu năm tăng 4,61% - cao hơn cùng kỳ năm 2023 (tăng 1,51%) và mục tiêu cả năm (dưới 4%); trong đó 10/11 nhóm hàng tăng: Nhóm giáo dục tăng 20,98% (tác động làm CPI bình quân chung 10 tháng năm nay tăng 1,66%²); Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,04%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 5,05%; Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,74%; Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,44%; giao thông tăng 1,02%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,74%; văn hóa, giải trí, du lịch tăng 1,39%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,17%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,66%. Riêng nhóm bưu chính viễn thông giảm 1,23%. Thành phố chỉ đạo, điều hành giá linh hoạt, kiểm soát lạm phát thông qua công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; bình ổn giá, đảm bảo cân đối cung - cầu các mặt hàng thiết yếu... Thành phố đang tập trung chỉ đạo kiểm soát chỉ số này, đảm bảo CPI cả năm đạt kế hoạch dưới 4%.

5. Công tác tài chính, ngân sách được chỉ đạo thường xuyên, kịp thời; Đẩy mạnh xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá trong các ngành, lĩnh vực góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế

Thực hiện cơ cấu lại các khoản chi NSNN theo hướng tiết kiệm chi thường xuyên, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN³. Chi ngân sách được điều hành chủ động, linh hoạt, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định và đảm bảo cân đối ngân sách các cấp để thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH, đảm bảo an sinh xã hội và quốc phòng, an ninh. Tập trung nguồn lực cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên nguồn lực cho các dự án trọng điểm như đường Vành đai 4, các dự án giao thông, các dự án thuộc kế hoạch đầu tư 03 lĩnh vực (y tế, di tích và giáo dục)... Kịp thời rà soát các khoản chi thường xuyên, các nhiệm vụ không có khả năng thực hiện trong năm trình UBND Thành phố quyết định điều chỉnh dự toán chi thường xuyên đáp ứng các nhiệm vụ phát sinh của các sở, ngành, đơn vị góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và hạn chế tình trạng hủy dự toán hoặc chuyển nguồn lớn sang năm sau. Tích cực xây dựng cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách trong Luật Thủ đô (sửa đổi).

Thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình thu, chi ngân sách năm 2024. Thành phố đã đề nghị Bộ Tài chính thưởng và bổ sung có mục tiêu số thu vượt dự toán ngân sách Trung ương năm 2023. Tính đến thời điểm hiện nay, Thành phố có tổng số 2.631 đơn vị đã được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; 156/168 đơn vị theo Kế hoạch năm 2024 đã nâng được mức tự chủ chi thường xuyên (trong đó: cấp Thành

² Do 3 tháng đầu năm 2024 các trường công lập trên địa bàn Hà Nội áp dụng mức thu học phí theo Nghị quyết 03/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố, đồng thời một số trường dân lập, tư thục cũng áp dụng mức tăng thu học phí trong năm học 2022 - 2023,

³ HĐND Thành phố đã thông qua phương án sử dụng 2.000 tỷ đồng thưởng vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố; đầu tư trở lại từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên của ngân sách trung ương năm 2023.

phố có 118/129 đơn vị; cấp huyện có 38/39 đơn vị). Thành phố đã ban hành 45 định mức kinh tế kỹ thuật (03 định mức lĩnh vực giao thông; 22 định mức lĩnh vực công thương; 16 định mức lĩnh vực lao động; 04 định mức lĩnh vực thông tin); 249 đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố thuộc lĩnh vực tài nguyên, giao thông, lao động. Thực hiện thẩm định giá đất đối với 14 dự án tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm; 08 dự án thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trả 01 lần, nghĩa vụ tài chính bổ sung. Sắp xếp lại, xử lý 29 cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Thành phố; tổ chức kiểm tra hiện trạng 30 cơ sở nhà, đất.

Đẩy mạnh công tác sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; phân đấu hoàn thành công tác sắp xếp, cổ phần hóa 02 doanh nghiệp, thoái vốn nhà nước đầu tư tại 23 doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án sắp xếp riêng đối với 04 doanh nghiệp. Tiếp tục vận hành tốt các Chương trình phần mềm dùng chung ngành Tài chính; thẩm định, cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách đảm bảo đúng quy định; hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu về giá của thành phố Hà Nội; hoàn thành phê duyệt dữ liệu tài sản công của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố để lưu trữ vào cơ sở dữ liệu tài sản công của Thành phố.

6. Tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công được quan tâm đẩy mạnh

Thành phố xác định việc thực hiện và thúc đẩy giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2024 là nhiệm vụ quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế. Thành phố quyết liệt chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế, tăng cường, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và quán triệt các đơn vị có giải pháp đẩy nhanh kế hoạch giải ngân ngay từ những ngày đầu năm 2024 với tinh thần thực hiện như “thi công 3 ca 4 kíp”; “làm việc xuyên ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết”... UBND Thành phố đã ban hành các kế hoạch⁴ tăng cường, đẩy nhanh thực hiện và giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2024, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024, năm 2025 và các công trình trọng điểm của Thành phố; Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 30/10/2024 về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024. Tiếp tục đưa kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024 thành một tiêu chí để đánh giá thi đua năm 2024 đối với các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.

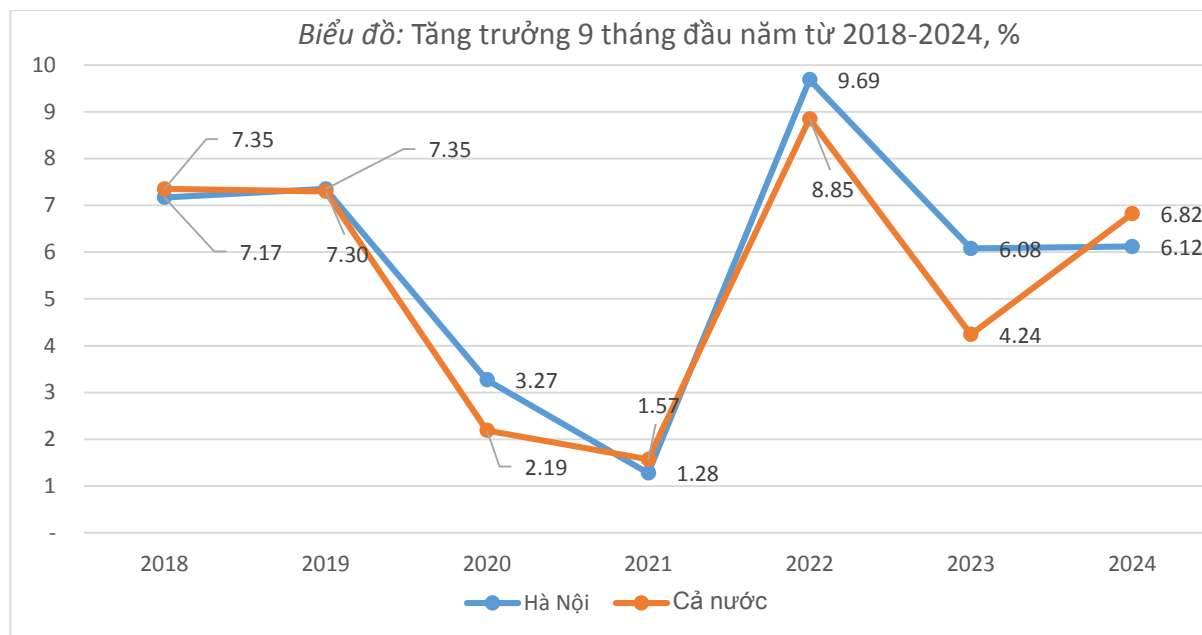
Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đã giao là 81.033 tỷ đồng, gấp 1,72 lần năm 2023. Đến ngày 15/11/2024, giải ngân kế hoạch đầu tư công toàn Thành phố là 37.066 tỷ đồng, đạt 48,1% dự toán.

7. Tăng trưởng GRDP được duy trì, đạt cao hơn mức tăng cùng kỳ, có nhiều triển vọng phát triển. GRDP 9 tháng đầu năm tăng **6,12%** cao hơn cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ tăng 5,99%), thấp hơn mức tăng trưởng chung của cả nước⁵. Trong bối cảnh tình hình thế giới căng thẳng chính trị leo thang, diễn biến phức tạp; ở trong nước các tỉnh, thành phố phía Bắc chịu thiệt hại nặng nề do cơn bão số 3 gây

⁴ Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 31/01/2024 và Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 07/5/2024

⁵ Tăng trưởng: Cả nước 6,82%; TP HCM 6,85%; Đà Nẵng 6,47%; Cần Thơ 6,25%; Hải Phòng 9,77%; các chỉ tiêu khác xem Phụ lục 06

ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân và sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, kinh tế Thủ đô đạt mức tăng trưởng trên là rất quan trọng và đáng ghi nhận.



Tốc độ tăng trưởng GRDP các quý có xu hướng chững lại, riêng Quý I và Quý III/2024 đạt thấp hơn kịch bản đề ra đầu năm (Quý I tăng 5,44%, quý II tăng 6,81% và quý III tăng 6,06%) tuy nhiên 9 tháng đầu năm cao hơn cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ tăng 5,99%) nhưng mức tăng trưởng thấp hơn so với cả nước (*xem biểu đồ*). Các ngành duy trì tăng trưởng, riêng ngành dịch vụ có xu hướng giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2023: Dịch vụ tăng 6,7% (cùng kỳ tăng 7,2%); Công nghiệp và xây dựng tăng 5,74% (cùng kỳ tăng 4,57%); Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng 2,47% (cùng kỳ tăng 2,5%); Thuế sản phẩm tăng 3,54% (cùng kỳ tăng 3,03%).

Tổng cục Thống kê dự kiến lần 1 (tháng 5/2024), GRDP Hà Nội năm 2024 đạt 6,11%; Kết quả 9 tháng GRDP tăng 6,12%. Trong quý IV, Thành phố đã tổ chức nhiều sự kiện văn hóa, thể thao, ... nhân dịp kỷ niệm 70 năm Giải phóng Thủ đô đã thu hút lượng lớn khách du lịch, góp phần kích cầu tăng trưởng kinh tế nên dự kiến GRDP quý IV tăng cao, ước cả năm GRDP đạt cao hơn dự kiến lần 1.

8. Các ngành kinh tế tiếp tục phát triển gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ

8.1. Ngành thương mại, du lịch tiếp tục duy trì tăng trưởng khá; ngành vận tải hành khách, vận tải hàng hoá tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ

Thành phố Hà Nội triển khai công tác phát triển thương mại, dịch vụ văn minh, hiện đại; kết nối về thương mại điện tử với chủ đề “Doanh nghiệp Việt trong kỷ nguyên số”. Công tác liên kết vùng giữa Hà Nội và các tỉnh, thành phố tiếp tục được đặc biệt quan tâm đẩy mạnh. Nhiều sự kiện lớn trong và ngoài nước được tổ chức, tham dự đạt hiệu quả cao về kích cầu và quảng bá hình ảnh, sản vật Thủ đô, kết nối liên kết với 53 tỉnh, thành phố trong cả nước⁶.

⁶ Tham gia Hội nghị kết nối giao thương giữa 5 thành phố trực thuộc Trung ương với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và một số tỉnh Đông Nam Bộ; Hội chợ Công Thương cấp vùng Tây Nguyên - Kon Tum 2024; quảng bá, kết nối sản phẩm OCOP, đặc sản, làng nghề Hà Nội; Tổ chức 04 Tuần hàng trái cây, nông sản các tỉnh, thành phố.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10 tháng đầu năm 2024 đạt 699,148 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ tăng 10,5%), trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 441,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 63,1% tổng mức và tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 10,8%). Doanh thu khách sạn, nhà hàng đạt 95,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 13,6% tổng mức và tăng 11,1% (cùng kỳ tăng 10,7%). Doanh thu du lịch lữ hành đạt 23,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 26,6% và tăng 40,1% (cùng kỳ tăng 59,5%). Doanh thu dịch vụ khác đạt 139 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,9% và tăng 6,5% (cùng kỳ tăng 5,4%).

Du lịch tiếp tục tăng trưởng khá, khách du lịch tăng cao với nhiều sản phẩm tour đêm thu hút được đông đảo sự tham gia và đánh giá cao của du khách như: Đêm Thiêng Liêng của Khu di tích Nhà tù Hỏa Lò, Giải mã Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu - Quốc Tử Giám “Tinh hoa đạo học”, “Ngọc Sơn - đêm huyền bí”, tour du lịch văn học “Chữ Tâm chữ Tài”,... Ngành Du lịch đã khai trương 02 sản phẩm du lịch mới: tuyến du lịch Trung tâm Hà Nội - Thanh Oai - Ứng Hoà - Mỹ Đức với chủ đề “Con đường di sản Nam Thăng Long Hà Nội”, Điểm đến du lịch cộng đồng bản Miền tại xã Ba Vì, huyện Ba Vì và tiếp tục nâng cấp các sản phẩm du lịch đường sông kết nối các điểm đến du lịch dọc khu vực sông Hồng, tuyến du lịch Chương Dương Độ - Bát Tràng - Đền thờ Chữ Đồng Tử; hợp tác với các tỉnh thành phố phát triển các tuyến: du lịch văn hóa tâm linh Hà Nội - Hà Nam - Ninh Bình; du lịch khám phá, trải nghiệm Hà Nội - Sơn La, Hà Nội - Lào Cai - Lai Châu.

10 tháng đầu năm 2024, tổng số lượng khách du lịch đến Hà Nội đạt 23,11 triệu lượt khách (5,1 triệu lượt khách lưu trú), tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó: khách du lịch quốc tế ước đạt 4,95 triệu lượt khách, tăng 35,8% so với cùng kỳ năm 2023 (bao gồm 3,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế có lưu trú), khách du lịch nội địa ước đạt 18,16 triệu lượt khách, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng thu từ khách du lịch ước đạt 90.065 tỷ đồng, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2023. Dự kiến năm 2024, ngành Du lịch Thủ đô thu hút được trên 27 triệu lượt khách, tăng 9,2% so với năm 2023, trong đó có trên 5,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế (gồm 3,8 triệu lượt khách có lưu trú), tăng 16,4% so với năm 2023 và trên 21,5 triệu lượt khách nội địa, tăng 7,5 % so với năm 2023. Tổng thu từ khách du lịch đạt trên 109,41 nghìn tỷ đồng, tăng 28,2% so với năm 2023. Công suất sử dụng phòng trung bình của cơ sở lưu trú, khách sạn đạt 62%, tăng 3 điểm % so năm 2023.

Tổng doanh thu hoạt động vận tải, dịch vụ hỗ trợ và bưu chính chuyển phát 10 tháng đầu năm 2024 đạt **181,6 nghìn tỷ đồng**, tăng 13% (cùng kỳ tăng 16,9%); trong đó: số lượt hành khách vận chuyển đạt 349,6 triệu lượt, tăng 12,9% (cùng kỳ tăng 20,2%), doanh thu đạt 18,5 nghìn tỷ đồng, tăng 16,3%; khối lượng hàng hóa vận chuyển 1,35 tỷ tấn, tăng 15,1% (cùng kỳ tăng 17,7%); doanh thu đạt 76,5 nghìn tỷ đồng, tăng 14,3% (cùng kỳ tăng 19,6%). Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải 75,59 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% (cùng kỳ tăng 13,5%). Doanh thu dịch vụ bưu chính chuyển phát 11,02 nghìn tỷ đồng, tăng 14,6% (cùng kỳ tăng 17,9%).

8.2. Sản xuất công nghiệp tăng mạnh, mức tăng khá cao so với cùng kỳ

Hoạt động sản xuất công nghiệp có nhiều tín hiệu tích cực khi các đơn hàng tiếp tục tăng. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 10 tháng đầu năm 2024 **tăng 5,6%** (cùng kỳ tăng 2,6%); trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,0%; sản xuất và

phân phối điện tăng 9,6%; cung cấp nước và xử lý rác, nước thải tăng 10,9%; công nghiệp khai khoáng giảm 0,3%.

Công nghiệp chế biến, chế tạo có 20/23 ngành sản xuất chỉ số IIP tăng so với cùng kỳ, trong đó một số ngành tăng khá như: Sản xuất máy móc, thiết bị tăng 26,3%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 10,9%; sản xuất trang phục tăng 8,6%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế và công nghiệp chế biến chế tạo khác tăng 8,5%; dệt tăng 8,0%; chế biến thực phẩm tăng 7,4%... Bên cạnh đó, 4 ngành sản xuất có chỉ số IIP giảm so với cùng kỳ: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ giảm 4,8%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan giảm 0,8%; sản xuất xe có động cơ giảm 0,8%; sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị giảm 0,1%. 10 tháng năm 2024, chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lao động đang làm việc trong doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước giảm 4,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 0,7%; khu vực Nhà nước tăng 1,7%.

Thành phố đã tổ chức khởi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật 09 cụm công nghiệp (CCN)⁷, nâng tổng số CCN đã được động thổ, khởi công lên 29/43 CCN đã có quyết định thành lập giai đoạn 2018-2020. Trong đó: 05 CCN đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đủ điều kiện để thu hút đầu tư; 01 CCN cơ bản đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật; 06 CCN hoàn thành hạ tầng kỹ thuật đạt từ 90%; 03 CCN hoàn thành hạ tầng kỹ thuật đạt từ 50%.

Ngành điện tiếp tục thực hiện tốt việc cung ứng an toàn, liên tục, ổn định, chất lượng phục vụ các hoạt động, sự kiện chính trị, văn hóa, ngoại giao, hoạt động KTXH và nhu cầu của người dân, kịp thời đảm bảo điện ứng phó với mưa lớn do hoàn lưu bão số 3, nguy cơ ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, khắc phục sự cố lưới điện sau cơn bão số 3 tại các khu vực chịu ảnh hưởng nặng (*huyện Thường Tín và Chương Mỹ*). Bảo đảm an toàn lưới điện cao áp, xử lý được 93/98 điểm vi phạm còn tồn tại.

8.3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng ổn định; Xây dựng nông thôn mới (NTM) tiếp tục được đẩy mạnh

Thành phố đã khẩn trương khắc phục hậu quả cơn bão số 3 mặc dù nhiều đồng lúa, hoa màu, thủy sản bị đổ, ngập, hư hỏng. Ước tính thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp sau cơn bão số 3 và mưa lũ sau bão là trên 2.286 tỷ đồng. Tổng diện tích gieo trồng cả năm 2024 ước đạt 235,8 nghìn ha giảm 0,79% so với năm 2023; trong đó, diện tích lúa là 153.056,18 ha, đạt 100,96% KH cả năm; năng suất 59,69 tạ/ha, sản lượng 913.555,5 tấn. Cơ cấu giống lúa chất lượng cao, lúa nếp và các giống lúa thuần có năng suất cao tiếp tục được mở rộng. 10 tháng đầu năm, Toàn Thành phố gieo cấy được 71,9 nghìn ha lúa vụ Mùa, bằng 99,3% cùng kỳ năm trước; đã thu hoạch 97% diện tích gieo trồng (năng suất lúa ước đạt 55,3 tạ/ha, bằng 95,1% cùng kỳ năm 2023). Hiện Thành phố đẩy mạnh sản xuất vụ Đông, diện tích gieo trồng cây rau màu 19.974,6 ha đạt 68,7% so với kế hoạch.

Chăn nuôi định hướng theo vùng trọng điểm; thực hiện giám sát chặt chẽ dịch bệnh, tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm cơ bản ổn định. Đàn trâu hiện có 29,5 nghìn con, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò 125,1 nghìn con, giảm 2,3%. Đàn lợn hiện có 1,46 triệu con, giảm 1% so cùng kỳ năm trước; đàn gia cầm 42,4 triệu con, tăng 1,1% (đàn gà 28,4 triệu con, tăng 1,3%). Tính đến tháng 9 năm 2024,

⁷ Các CCN: Đông Phú Yên (Chương Mỹ); Tam Hiệp, Liên Hiệp gđ2, Nam Phúc Thọ gđ1, Long Xuyên (Phúc Thọ); Xà Cầu (Ứng Hòa); Kim Bài (Thanh Oai); Đình Xuyên (Gia Lâm); Ngọc Liệp gđ2 (Quốc Oai)

sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 1,6 nghìn tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước; thịt bò 8 nghìn tấn, giảm 0,1%; thịt lợn 193,7 nghìn tấn, tăng 2,7%; thịt gia cầm 125,4 nghìn tấn, tăng 3,5% (thịt gà 94,2 nghìn tấn, tăng 3,7%); trứng gia cầm 2.209 triệu quả, tăng 4,8% (trứng gà 1.080 triệu quả, tăng 4,3%); sản lượng sữa bò tươi đạt 33 nghìn tấn, tăng 1,8%. Tổng diện tích đưa vào nuôi trồng thủy sản 9 tháng đầu năm đạt 19.821 ha. Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 91.300 tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2023; Sản lượng khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố đạt 1.232 tấn giảm 5,52 % so với cùng kỳ năm 2023.

Thành phố đẩy mạnh rà soát hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp; thực hiện kế hoạch “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ Xuân Giáp Thìn 2024”. Thực hiện Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”, Thành phố đã huy động nguồn lực, đầu tư thực hiện Chương trình; dự kiến năm 2024-2025 diện tích trồng rừng tập trung đạt 41,2ha rừng sản xuất, tương đương 412,3 nghìn cây; trồng cây xanh phân tán 444,7 nghìn cây. Thành phố đã trồng khoảng 397.000 cây xanh các loại tại các công trình công cộng, khu di tích, trường học, đường giao thông, đạt 78,8% kế hoạch.

Phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh. Đến nay, đã có 18/18 huyện, thị xã đạt chuẩn NTM; 382/382 (100%) xã đạt chuẩn NTM; 188/382 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (49,2%), 76 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu - đạt Kế hoạch năm 2024. Huyện Thanh Trì đã được Thủ tướng chính phủ công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tại Quyết định số 1057/QĐ-TTg ngày 30/9/2024. Hồ sơ nông thôn mới nâng cao 03 huyện: Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức đang được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hội đồng thẩm định Trung ương thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ. Thành phố đang thúc đẩy thực hiện chương trình mỗi địa phương một sản phẩm (OCOP); Đã phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được 2.924 sản phẩm (bằng 89% so với mục tiêu giai đoạn đến hết năm 2025 là 3.054 sản phẩm); trong đó: 6 sản phẩm 5 sao, 12 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 1.473 sản phẩm 4 sao, 51 sản phẩm tiềm năng 4 sao và 1.382 sản phẩm 3 sao.

9. Thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp

Vốn đầu tư phát triển xã hội tiếp tục tăng trưởng, 9 tháng đầu năm đạt **351.849** tỷ đồng, tăng 9,7% - cao hơn so với cùng kỳ năm 2023 (tăng 9,0%), trong đó vốn đầu tư nguồn ngoài Nhà nước tăng 5,2%, nguồn trực tiếp nước ngoài tăng 7,7%. Dự kiến năm 2024, vốn đầu tư phát triển xã hội tăng 10,5% - đạt Kế hoạch.

UBND Thành phố đã tổ chức 06 Hội nghị Đối thoại tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đối với các doanh nghiệp đầu tư theo từng chuyên đề trong các lĩnh vực văn hóa – xã hội, doanh nghiệp hoạt động tại các khu, cụm công nghiệp, hoạt động tại các làng nghề, về vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn, hoạt động trong lĩnh vực nhà ở xã hội, bến bãi đỗ xe, môi trường. Thành phố thiết lập và duy trì hệ thống thông tin theo phương thức trực tuyến (Zalo, website...) theo thời gian thực để tương tác, trao đổi và thu thập các phản ánh, kiến nghị, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp, nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Thu hút đầu tư nước ngoài tăng khá, lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, Thành phố thu hút 1.623,5 triệu USD vốn FDI (tăng 47% so với cùng kỳ), trong đó: có 233 dự án đăng ký mới với tổng vốn đầu tư đạt 1.134,3 triệu USD; 160 lượt tăng vốn với

tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt 184,2 triệu USD và 192 lượt góp vốn, mua cổ phần với giá trị vốn góp đạt 208,1 triệu USD. Dự kiến năm 2024, Thành phố thu hút 2.015 triệu USD - đạt KH năm 2024.

Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm nhưng doanh nghiệp hoạt động trở lại tăng; 10 tháng đầu năm 2024, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 25.020 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 244.636 tỷ đồng (giảm 5,4% về số lượng doanh nghiệp và giảm 5% vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước), 8.408 doanh nghiệp hoạt động trở lại (tăng 13% so với cùng kỳ). Tổng số doanh nghiệp đăng ký trên địa bàn thành phố Hà Nội đến hết tháng 10/2024 là 399.620 doanh nghiệp.

IV. VĂN HÓA, CON NGƯỜI ĐƯỢC QUAN TÂM ĐẦU TƯ, AN SINH XÃ HỘI BAO PHỦ TOÀN DIỆN

1. Công tác xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Thủ đô đáp ứng yêu cầu phát triển được chú trọng

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong việc xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng yếu, thường xuyên, Thành ủy Hà Nội đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 19/2/2024. Thành phố xác định nhiệm vụ cốt lõi là tập trung xây dựng thành phố tiêu biểu về lối sống, phong cách ứng xử có văn hóa và nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh.

Công tác đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích tiếp tục quan tâm; Chú trọng công tác quản lý Di sản văn hóa phi vật thể, đưa di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Hà Nội vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia⁸. Các hoạt động văn hóa - thể thao diễn ra sôi nổi; Đã tổ chức tuyên truyền, cổ động trực quan, hoạt động văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và Thủ đô. Đặc biệt, chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2024), Thành phố đã ghi dấu ấn với nhân dân Thủ đô, trong nước và bạn bè quốc tế thông qua 02 sự kiện lớn (1) “Ngày hội Văn hoá vì hoà bình”; (2) Lễ kỷ niệm cấp quốc gia kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô và 35 hoạt động có ý nghĩa: Tổ chức đợt phong trào thi đua; Tổ chức tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Thủ đô và đất nước; Hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, đảm bảo an sinh xã hội (sửa chữa nhà cho các hộ nghèo, cận nghèo); Khánh thành, khởi công tác công trình chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô; tổ chức các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể thao từ cấp xã, phường, thị trấn; cấp quận, huyện, thị xã...

Hoạt động văn hóa, nghệ thuật diễn ra sôi nổi tạo nên bức tranh phong phú về đời sống tinh thần của nhân dân. Các di tích thu hút đông đảo du khách và nhân dân đến thăm quan với nhiều trải nghiệm độc đáo như: “Đêm thiêu liêng 2” và “Đêm thiêu liêng “3 tại Nhà tù Hỏa Lò; chương trình “Tinh hoa Đạo học” tại Văn Miếu và ra mắt Chương trình “Ngọc Sơn - đêm huyền bí” tại di tích Quốc gia đặc biệt đền Ngọc Sơn... Chỉ tiêu về doanh thu phí và số lượt khách tham quan tại các di tích tăng mạnh; lũy kế 10 tháng Thành phố đã tổ chức được 1923 buổi diễn (đạt 84,8% kế hoạch trong đó: 330 buổi diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại; 1593 buổi diễn

⁸ “Xôi Phú Thượng (quận Tây Hồ)” đã được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia tại Quyết định số 344/QĐ-BVHTTDL ngày 16/02/2024 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

doanh thu); tổng doanh thu 10 tháng là 44,6 tỷ đồng (hoàn thành 82,34% kế hoạch) thu hút trên 634.830 lượt khán giả (hoàn thành 92,2% kế hoạch).

Công tác xây dựng nếp sống văn hóa được đẩy mạnh, dự kiến năm 2024 hoàn thành 03 chỉ tiêu quan trọng gồm: (1) Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa": 88%; (2) Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu "Làng văn hóa": 64,5%; (3) Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa": 74%.

Thể thao thành tích cao của thành phố Hà Nội luôn duy trì ổn định vị thế dẫn đầu cả nước. Trong năm 2024, lĩnh vực này tiếp tục vững vàng trong vai trò trụ cột của thể thao Việt Nam trên các đấu trường quốc tế, với nhiều thành tích đáng tự hào. Tính đến ngày 15/10/2024 đạt được: 2914 huy chương các loại, trong đó 2664 huy chương trong nước (1001 HCV, 792 HCB, 871 HCD); 250 huy chương Quốc tế (102 HCV, 68 HCB, 80 HCD).

2. Chất lượng giáo dục và đào tạo tiếp tục giữ vững, 12 năm liên tiếp dẫn đầu cả nước về số học sinh giỏi quốc gia.

Năm 2024, Thành phố ban hành 06 cơ chế, chính sách⁹ mới nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tương lai. Công tác đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện được đẩy mạnh ở các cấp học, bậc học đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Hà Nội có tổng 184 giải, tăng 43 giải so với năm học trước (trong đó: có 14 giải Nhất, 61 giải Nhì, 54 giải Ba và 55 giải Khuyến khích), đây là năm thứ 12 liên tiếp Hà Nội dẫn đầu cả nước về số học sinh giỏi Quốc gia. Năm nay, số học sinh của Hà Nội lọt tiếp vào vòng 2 để chọn các đội tuyển dự thi Olympic Quốc tế là 15 em. Ngoài ra, Hà Nội đạt nhiều giải cao tại các kỳ thi quốc tế¹⁰. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT được giữ vững và từng bước được nâng lên, năm học 2023-2024 đạt 99,8% (năm 2022-2023 đạt 99,56%, tăng 5 bậc so với năm 2023).

Tiếp tục thực hiện quyết liệt để hoàn thành Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND Thành phố, Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND Thành phố về đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập để đủ điều kiện đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo. Tích cực đầu tư xây dựng **130** trường học theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, sinh hoạt của giáo viên và học sinh đảm bảo phù hợp các tiêu chí trường chuẩn quốc gia.

Tập trung đầu tư xây dựng 7 Trường phổ thông có nhiều cấp học tiên tiến, hiện đại, chất lượng cao, hiện Thành phố đã phê duyệt chủ trương đầu tư 06 dự án trường. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia (CQG) tiếp tục được chú trọng; tính đến ngày 23/10/2024, tỷ lệ trường đạt CQG sau khi loại trừ 186 trường quá hạn công nhận lại khỏi danh sách trường CQG của Thành phố là 57,9% (1.626/2.809), trong

⁹ HĐND Thành phố ban hành các Nghị quyết: số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND; số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024; số 03/NQ-HĐND ngày 29/3/2024; số 08/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024; số 18/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024; số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024

¹⁰ 04 huy chương (02 huy chương Bạc và 02 huy chương Đồng) trong kỳ thi Thiên văn và Vật lý Thiên văn Quốc tế lần thứ 16 năm 2023 tại Ba Lan, 02 huy chương Bạc và 03 huy chương Đồng (100% đạt huy chương) trong kỳ thi Thiên văn và Vật lý Thiên văn Quốc tế lần thứ 17 năm 2024 tại Brazil; 04 giải trong kỳ thi Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia năm 2023; tại kỳ thi Olympic Khoa học trẻ Quốc tế (IJSO) năm 2023 diễn ra tại Thái Lan, cả 6 học sinh Hà Nội đại diện Việt Nam tham dự kỳ thi đều giành huy chương...

đó công lập là 71,4% (1.607/2.251), không tính các trường đặc thù (có học sinh khuyết tật). Chuẩn bị tốt điều kiện cho năm học mới 2024-2025. Dự kiến đến hết tháng 12/2024 hoàn thành việc công nhận mới đạt 114 trường; công nhận lại đạt 300 trường (hoàn thành kế hoạch giao). Đến nay, Thành phố đã công nhận được 23 trường chất lượng cao, trong đó có 17 trường công lập (có 07 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 05 trường THCS và 02 trường THPT) và 06 trường ngoài công lập.

3. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo được đẩy mạnh và có nhiều tiềm năng phát triển mạnh mẽ

Thành phố đã thực hiện thẩm định công nghệ 14 dự án, cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho 48 tổ chức KHCN và chi nhánh của tổ chức KHCN; Tiếp nhận 08 Giấy chứng nhận doanh nghiệp KHCN do Bộ KHCN cấp; Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KHCN cho 06 doanh nghiệp. Thúc đẩy các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đã hoàn thành nghiệm thu 38 nhiệm vụ cấp Thành phố, 38 nhiệm vụ cấp cơ sở. Các quận, huyện, thị xã tích cực triển khai ứng dụng KHCN gắn liền với chuyển đổi mô hình cơ cấu kinh tế nông nghiệp cây trồng, vật nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao. Thành phố có 393 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong đó: có 224 mô hình thuộc lĩnh vực trồng trọt, 144 mô hình thuộc lĩnh vực chăn nuôi, 25 mô hình thuộc lĩnh vực thủy sản.

Chú trọng khai thác và phát huy tiềm lực trí tuệ, đặc biệt là “chất xám” của đội ngũ trí thức, đã trở thành một yếu tố quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Thành phố đã xây dựng một hệ sinh thái giáo dục và nghiên cứu mạnh mẽ với 124 cơ sở giáo dục đại học, 113 viện nghiên cứu và 14 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Đặc biệt, với đội ngũ giảng viên và nhà nghiên cứu có trình độ cao, trong đó giáo sư chiếm 74,1%, phó giáo sư chiếm 64,1%, và tiến sĩ chiếm 52,5% tổng số tiến sĩ của cả nước, thành phố đang khai thác hiệu quả tài năng và chuyên môn của đội ngũ trí thức, giúp tạo ra sản phẩm khoa học chất lượng, mà còn đóng góp vào việc phát triển nền kinh tế tri thức.

Thị trường khoa học và công nghệ không ngừng được mở rộng; Thành phố tổ chức thành công sự kiện “Kết nối công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2024 - Techconnect and Innovation Vietnam 2024”. Theo kết quả do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố ngày 12/3/2024, Thành phố Hà Nội dẫn đầu xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2023. Thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Thành phố tổ chức 04 sự kiện lớn để lan tỏa và phát triển mạnh mẽ của mạng lưới các Câu lạc bộ Khởi nghiệp, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tạo ra môi trường thuận lợi trong việc chia sẻ dữ liệu chung và đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho các doanh nghiệp.

Công tác sở hữu trí tuệ được quan tâm; tổ chức thành công Triển lãm thành tựu khoa học và công nghệ Thủ đô năm 2024; Phối hợp Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thành công Hội nghị quản lý nhà nước về SHTT và các sự kiện bên lề; Tổ chức nghiệm thu cấp Thành phố 12 nhiệm vụ đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; Hoàn thành tổ chức 21 Hội đồng tư vấn tuyển chọn 21 nhiệm vụ KH&CN năm 2024;... Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ để sớm đưa vào vận hành “Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội”.

4. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được cải thiện; an toàn thực phẩm được tăng cường; dịch bệnh trên người được kiểm soát

Hệ thống giám sát, phát hiện bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng phòng chống dịch bệnh tiếp tục được duy trì. Cộng dồn từ đầu năm ghi nhận 227 ổ dịch sốt xuất huyết, giảm 80% so với cùng kỳ năm 2023... Đã có 84.121/102.963 trẻ dự kiến sinh năm 2024 (81,7%) được quản lý trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia. Hoạt động giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng tiếp tục được quan tâm¹¹.

Triển khai thực hiện mục tiêu 90-90-95 trong phòng, chống HIV/AIDS: Về chỉ tiêu phát hiện người nhiễm HIV: đạt 72,5%, tăng 0,3 điểm % so với năm 2023 (70,2%); Về chỉ tiêu điều trị ARV: tỷ lệ số người nhiễm HIV được duy trì điều trị là ARV 90,5%; Về tỷ lệ bệnh nhân có kết quả xét nghiệm tải lượng vi-rút dưới ngưỡng ức chế/tổng số bệnh nhân được làm xét nghiệm tải lượng vi rút: 99,2%. Hiện nay, toàn Thành phố có 22.495 trường hợp nhiễm HIV/AIDS, trường hợp còn sống là 14.866 (chiếm 5,5% cả nước trường hợp còn sống).

Tiếp tục triển khai thực hiện nâng cấp hệ thống y tế theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND Thành phố, Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 06/05/2022 của UBND Thành phố. Dự án xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội cơ sở 1 (P.Yên Nghĩa, Q.Hà Đông) đã đi vào hoạt động và là công trình trọng điểm của thành phố, chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày giải phóng thủ đô. Triển khai Đề án “Khám, chữa bệnh từ xa” với 05 bệnh viện¹² tuyến trên và 157 bệnh viện¹³ tuyến dưới. Thành phố đang triển khai thí điểm mô hình “Bệnh viện Chì - Em” giữa Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn và các đơn vị y tế tuyến huyện, xã tại huyện Ba Vì nhằm hỗ trợ y tế cơ sở trong khám, chữa bệnh, chuyển giao kỹ thuật, giảm bớt thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả điều trị cho người bệnh trên địa bàn và đang tiếp tục triển khai nhân rộng mô hình “Bệnh viện Chì - Em” giữa các bệnh viện tuyến trên đối với các bệnh viện tuyến huyện, Trung tâm Y tế.

Thực hiện cơ sở y tế “Xanh - Sạch - Đẹp”, giảm thiểu chất thải nhựa. xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách lĩnh vực y tế dân số. Thực hiện kế hoạch tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh, kế hoạch phát triển thể lực, tầm vóc người Hà Nội tiếp tục được quan tâm. Nâng cao hoạt động y tế cơ sở, năm 2024 có 85/85 xã, phường, thị trấn đủ điều kiện công nhận đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế; Thành phố Hà Nội tích cực chuyển đổi số y tế, nắm bắt xu hướng và đẩy mạnh giải pháp dự kiến hoàn thành Tiêu chí quốc gia về y tế xã đạt 100%.

Hoàn thiện phần mềm thí điểm Hồ sơ sức khỏe điện tử (HSSKĐT), đáp ứng yêu cầu kết nối với cơ sở dữ liệu Dân cư và VNeID do Bộ Công an quản lý. Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; dự kiến năm 2024, tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa đạt trên 80%; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt 45%; tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 95%. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP), dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn Thành phố tiếp tục được duy trì tại 100% xã, phường, thị trấn và 60 tuyến phố văn minh tại 30 quận,

¹¹ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 9,8% (giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2023); Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân còn 6,6% (giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2023);

¹² BV Tim Hà Nội, BV Phụ Sản Hà Nội, BV Ung Bướu Hà Nội, BV đa khoa Xanh Pôn, BV Thanh Nhàn

¹³ 13 bệnh viện tuyến Thành phố, 15 bệnh viện tuyến huyện, 07 bệnh viện ngoài công lập, 19 trung tâm Y tế quận/huyện/thị xã, 103 bệnh viện và Trung tâm Y thuộc các tỉnh khác

huyện, thị xã. Tiếp tục duy trì mô hình Nâng cao năng lực tự quản lý bếp ăn tập thể trường học tại 20 trường học của 10 quận, huyện và nhân rộng mô hình kiểm soát ATTP bếp ăn tập thể trường học cấp tiểu học tại 15 quận, huyện, thị xã với tổng số 324 trường.

Tính đến hết tháng 10/2024, số người tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) là 8.8082.246 người, tăng 2,8% so với cùng kỳ; tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 94,9% dân số. Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) là 2.064.785 người, tăng 5,48% so với cùng kỳ năm 2023; chiếm 44,1% lực lượng lao động trong độ tuổi. Số người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc 2.132.373 người, tăng 5,35%, chiếm 45,59% lực lượng lao động trong độ tuổi. Số người tham gia BHXH tự nguyện là 100.506 người, tăng 25,68% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 2,8% lực lượng lao động trong độ tuổi. Dự kiến năm 2024, hoàn thành vượt 4/4 chỉ tiêu kinh tế - xã hội về BHXH, BHYT, BHTN, trong đó: Số người tham gia BHYT là 8.170.000 người, tăng 2,5% so với năm 2023; tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 95,25% dân số (vượt 0,75%). Số người tham gia BHXH bắt buộc 2.150.823 người, tăng 4,5% so với năm 2023; chiếm 46% lực lượng lao động trong độ tuổi (vượt 1%). Số người tham gia BHXH tự nguyện tăng 17% so với năm 2023; chiếm 2,9% lực lượng lao động trong độ tuổi (vượt 0,4%). Số người tham gia BH thất nghiệp 2.069.500 người, tăng 4,7% so với năm 2023; chiếm 44,2% lực lượng lao động trong độ tuổi (vượt 4,2%).

5. An sinh xã hội được đảm bảo; công tác chăm lo đời sống cho nhân dân và đối tượng chính sách được thực hiện tốt; các chính sách xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng

Thành phố thực hiện quyết liệt các giải pháp tạo việc làm mới cho người lao động, 10 tháng đầu năm, toàn Thành phố giải quyết việc làm cho: 196.260 lao động, đạt 118,9 % KH năm, tương đương tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ có 186.177 lao động được giải quyết việc làm). Để hỗ trợ hiệu quả cho người lao động tìm kiếm việc làm, Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội đã tổ chức 215 phiên giao dịch việc làm, thu hút 15.436 người được tuyển dụng. Đồng thời, công tác tuyển sinh và đào tạo nghề cũng được tăng cường, với 226.500 người được tuyển sinh trong năm nay, đạt 96,4% kế hoạch đề ra, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm 2023¹⁴. Dự kiến năm 2024 hoàn thành Kế hoạch cả năm về tuyển sinh và chỉ tiêu lao động qua đào tạo đạt 74,2%.

Thành phố chú trọng thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người có công, thân nhân người có công. 10 tháng đầu năm, toàn Thành phố đã giải quyết trên 9.443 hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi với tổng kinh phí là 2.129,5 tỷ đồng (trong đó, thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời trợ cấp cho 78.678 người có công và thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng với số tiền 1.812 tỷ đồng; chi trả trợ cấp một lần 165 tỷ đồng; chi quà Lễ, Tết 71 tỷ đồng; chi điều dưỡng 81,5 tỷ đồng). Thành phố tổ chức tốt hoạt động tri ân, tôn vinh các anh hùng liệt sĩ nhân kỷ niệm 77 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ, đã vận động được 33,7 tỷ đồng vào Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, đạt 147,6% KH; Tặng 1.734 sổ tiết kiệm tình nghĩa với kinh phí gần 5,4 tỷ đồng, đạt 139,3% so với kế hoạch; tu sửa nâng cấp 53 công trình ghi công liệt sĩ với kinh phí gần 157,3 tỷ đồng, đạt 171 % so với kế hoạch; vận động xã hội hóa cho việc tu sửa nâng cấp 159 nhà ở cho người có công với cách mạng, kinh phí trên 6,5

¹⁴ 10 tháng đầu năm 2023, các cơ sở GDNN trên địa bàn Thành phố tuyển sinh và đào tạo cho 220.800 lượt người.

tỷ đồng đạt 119,5 % kế hoạch; 57/57 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các cơ quan đơn vị nhận phụng dưỡng.

Với tinh thần “*Hà Nội vì cả nước, cả nước vì Hà Nội*”, hưởng ứng Chương trình phát động hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước do Thủ tướng Chính phủ phát động, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội đã thống nhất chủ trương hỗ trợ tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Phú Thọ xóa nhà tạm, nhà dột nát với tổng kinh phí hỗ trợ là 265,004 tỷ đồng. Thành phố đã thực hiện hỗ trợ 21 tỷ đồng cho 03 tỉnh trong nước thực hiện công tác an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; đồng thời tặng quà cho các gia đình chính sách, người có công,... trong các chuyến đi thăm và làm việc với các địa phương trong nước¹⁵. Công tác vận động, hỗ trợ trẻ em cũng đã đạt được nhiều kết quả tích cực, với tổng kinh phí huy động lên tới 8,27 tỷ đồng, đã hỗ trợ cho 4.064 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Thành phố tiếp tục ủy thác hơn 9.500 tỷ đồng (*trong đó: NSTP: 8.441 tỷ đồng, NS cấp huyện: đạt 1.042 tỷ đồng*) qua Ngân hàng chính sách xã hội cho hơn 96 nghìn hộ khó khăn và các đối tượng chính sách được vay vốn... và là địa phương dẫn đầu cả nước.

Triển khai thực hiện chủ trương hỗ trợ các địa phương trong nước tại các Thông báo kết luận của Thành ủy Hà Nội, UBND Thành phố đã báo cáo HĐND Thành phố xem xét, phân bổ 191,094 tỷ đồng hỗ trợ 05 tỉnh trong nước¹⁶ để thực hiện các công trình/ dự án¹⁷ có ý nghĩa thiết thực, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, thúc đẩy mối quan hệ tốt đẹp giữa tỉnh/thành bạn với Thủ đô Hà Nội.

Công tác giảm nghèo được chú trọng, tính đến nay số hộ nghèo đã giảm 55% số hộ nghèo so với đầu năm (tương đương 380 hộ). Dự kiến đến hết năm 2024, giảm 490 hộ nghèo. Đến nay, toàn Thành phố có 19/30 quận, huyện không còn hộ nghèo (có thêm thị xã Sơn Tây so với cuối năm 2023), trong đó có 05 quận không còn hộ cận nghèo⁽¹⁸⁾. Xây dựng, sửa chữa nhà ở hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết 14/2023/NQ-HĐND: đến nay, đã hoàn thành việc xây dựng, sửa chữa nhà 714/714 hộ nghèo, hộ cận nghèo, đạt 100% KH.

V. TẬP TRUNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG, PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG THÔNG MINH, BỀN VỮNG

1. Xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, có tính kết nối cao; hoàn thành các tuyến đường quốc lộ, đường cao tốc, vành đai, các nút giao thông cửa ngõ... gắn với phát triển đô thị; công tác quản lý trật tự xây dựng được tăng cường

Thành phố đã tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là giao thông kết nối. Nhiều công trình khánh thành, nhiều dự án khởi công chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô. Hoàn thành thi

¹⁵ Huyện đảo Trường Sa, Điện Biên, Quảng Trị, Hà Giang,...

¹⁶ Điện Biên, Quảng Trị, Tuyên Quang, Lai Châu, Phú Thọ.

¹⁷ Hỗ trợ tỉnh Điện Biên 45 tỷ đồng hoàn thành dự án Sửa chữa, nâng cấp Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ; Hỗ trợ tỉnh Quảng Trị 61,373 tỷ đồng thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp Khu mộ liệt sĩ thành phố Hà Nội tại Nghĩa trang liệt sĩ quốc gia Trường Sơn; Hỗ trợ tỉnh Tuyên Quang 41,568 tỷ đồng để thực hiện dự án Sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Y tế huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Hỗ trợ tỉnh Lai Châu 21,8 tỷ đồng thực hiện dự án Xây dựng, nâng cấp một số hạng mục Khu di tích lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu và một số hạng mục thuộc cụm trường học xã Mường Kim, huyện Than Uyên; Hỗ trợ tỉnh Phú Thọ 21,263 tỷ đồng thực hiện dự án Tu bổ, tôn tạo hạ tầng cảnh quan Khu di tích lịch sử Đền Hùng.

⁽¹⁸⁾ 19/30 quận, huyện không còn hộ nghèo: (*gồm 12 quận và 07 huyện, thị xã: Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Đan Phượng, Thanh Trì, Mê Linh, Sơn Tây*); trong đó có 05 quận không còn hộ cận nghèo (*gồm: Hai Bà Trưng, Cầu Giấy, Ba Đình, Tây Hồ, Bắc Từ Liêm*).

công, lắp đặt thiết bị, thử nghiệm tích hợp hệ thống đoạn trên cao (Nhôn – Cầu Giấy) dài 8,5km thuộc Dự án đường sắt đô thị số 3, đoạn Nhôn – ga Hà Nội và bắt đầu vận hành thương mại từ ngày 08/8/2024; đoạn đi ngầm (Cầu Giấy – ga Hà Nội) dài 4km dự kiến đến 2027 hoàn thành. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ dự án đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô; hoàn thành dự án Đường Âu Cơ đoạn từ khách sạn Thăng Lợi - cầu Nhật Tân... Nhiều công trình giao thông trọng điểm hoàn thành chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày giải phóng Thủ đô, nổi bật là cầu vượt hướng đường Cổ Linh (qua đường Nguyễn Văn Cừ)... Thí điểm tuyến đường cho xe đạp trên tuyến đường ven sông Tô Lịch (*đoạn từ Cầu Giấy đến Ngã Tư Sở*) và triển khai thực hiện tuyến đường xe đạp bao quanh Công viên Hòa Bình thuộc quận Bắc Từ Liêm.

Thành phố tích cực rà soát, điều chỉnh Quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, báo cáo Thủ tướng Chính phủ thống nhất chủ trương. Tập trung phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng (VTHKCC) khối lượng lớn, mở mới các tuyến buýt; phát triển mới 98 điểm dừng, di chuyển, hợp lý hóa 86 điểm dừng xe buýt; cải tạo các vị trí điểm dừng xe buýt trên Quốc lộ 5 tổ chức lại hoạt động 08 tuyến buýt theo phương án tổ chức vận hành tại điểm trung chuyển Cầu Giấy (nhà ga S8) từ ngày 25/5/2024. Triển khai thí điểm nhân rộng vé điện tử liên thông đối với 25 tuyến, triển khai thẻ vé tháng ảo (thẻ phi vật lý) trên toàn mạng. Đến nay, tỷ lệ vận tải hành khách công cộng ước đạt 20% (KH là 22-25%); vận tải hành khách đường sắt đô thị đạt 9,5 triệu lượt, tăng 10,9% so với thực hiện cùng kỳ 2023, tăng 1,4% so với kế hoạch. Doanh thu đường sắt đô thị (2A và 3.1) là 62,1 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ 2023. Thành phố đã phê duyệt Đề án phát triển hệ thống giao thông vận tải công cộng bằng xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh trên địa bàn, đạt 100% vào năm 2035 (sớm hơn so với bình quân cả nước 15 năm).

Tiếp tục phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư; Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội năm 2024; Dự kiến năm 2024, hoàn thành 2,365 triệu m² sàn nhà ở. Diện tích bình quân đạt 28,8m² sàn/người.

- Về nhà ở xã hội: Đã có 30 dự án hoàn thành với khoảng 1,66 triệu m² sàn; 69 dự án đang triển khai với khoảng 4 triệu m² sàn, 60.480 căn hộ và có 83 ô đất có tổng quy mô sử dụng đất khoảng 43,58ha tại 48 dự án nhà ở thương mại, khu đô thị phải dành quỹ đất 20%, 25% để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định. UBND Thành phố đang tập trung chỉ đạo lập, phê duyệt chủ trương đầu tư 04 dự án khu nhà ở xã hội độc lập (tập trung) với khoảng 1 triệu m² sàn, làm cơ sở để tổ chức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư theo quy định. Hiện, UBND Thành phố đang xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư 02 dự án tại Tiên Dương, Đông Anh (tổng diện tích khoảng 80ha), phân đấu khởi công dự án trong Quý I/2025. Rà soát, bổ sung khoảng 15 khu đất mới có quy mô lớn để đầu tư xây dựng các dự án khu nhà ở xã hội tập trung, đồng bộ HTKT, HTXH (khoảng 2.000 căn hộ/khu), trong đó tập trung bố trí 2-3 khu đất xây dựng nhà ở công nhân tại khu vực gần các Khu công nghiệp. UBND Thành phố đang xây dựng cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn Hà Nội theo quy định của Luật Thủ đô 2024.

- Về nhà ở tái định cư (TĐC): trên địa bàn Thành phố có 25 dự án khoảng 11.903 căn TĐC, đã bố trí tái định cư cho các dự án GPMB khoảng 62-96% trên tổng số các

quỹ nhà TĐC. Nhu cầu về quỹ nhà ở tái định cư, bố trí chỗ ở tạm thời cho các dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025: 7.117 căn, tương đương khoảng 564.560 m². Thành phố đang triển khai 18 dự án phát triển nhà ở tái định cư có khả năng hoàn thành với 6.931 căn, tương đương khoảng 555.000m² sàn nhà ở, cơ bản đáp ứng nhu cầu tái định cư của Thành phố giai đoạn 2021-2025 (*Thời gian qua, ngoài việc sử dụng căn hộ tái định cư, Thành phố áp dụng đa dạng hình thức khác như: hỗ trợ kinh phí để tái định cư bằng tiền hoặc giới thiệu quỹ nhà ở xã hội cho các đối tượng tái định cư hoặc dành quỹ đất để bố trí tái định cư đối với một số địa bàn,...*). Nhu cầu quỹ nhà tái định cư đối với giai đoạn sau năm 2025 khoảng 1.333 căn cho các năm 2026 - 2027. Thành phố sẽ thường xuyên rà soát các căn hộ trống tại các tòa đã hoàn thành đầu tư xây dựng để tiếp tục bố trí cho các dự án, đồng thời đôn đốc tiến độ chuẩn bị đầu tư đối với 07 dự án đầu tư xây dựng nhà tái định cư theo Chương trình phát triển nhà ở của Thành phố giai đoạn 2021-2030.

Triển khai thực hiện Đề án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội, Thành phố đang tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; lựa chọn chủ đầu tư đối với từng dự án cải tạo, đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn 02 quận Ba Đình, Đống Đa. Dự kiến đến hết năm 2024 hoàn thành lựa chọn chủ đầu tư để khởi công xây dựng, cải tạo lại 1-2 khu chung cư cũ trong năm 2025. Thời gian thực hiện dự án trong khoảng 03 năm để tạo điều kiện cho người dân không phải tạm cư quá dài, tạo sự lan tỏa, thống nhất, tin tưởng để triển khai ở các khu chung cư khác trên địa bàn Thành phố.

2. Đẩy nhanh tiến độ cấp nước sạch; duy trì thoát nước, mở rộng diện tích cây xanh

Hiện nay, hệ thống mạng lưới cấp nước sạch tập trung được phủ kín với chỉ tiêu cấp nước khoảng 100÷150 lít/người/ngày đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của 100% dân cư đô thị và tiếp tục mở rộng cấp nước cho khu vực nông thôn. Thành phố đã đầu tư hoàn thiện mạng cấp nước tập trung khoảng 305/413 xã¹⁹ nâng tỷ lệ người dân nông thôn được tiếp cận nguồn nước sạch tập trung đạt trên 92%. Thành phố đã giao 10 đơn vị đang cấp nước trên địa bàn triển khai cấp nước cho các xã còn lại theo hình thức xã hội hóa, thời gian thực hiện hoàn thành năm 2025 và UBND huyện Ba Vì triển khai cấp nước cho 03 xã miền núi của huyện (không thể tiếp cận hệ thống cấp nước tập trung) thực hiện đầu tư công. Dự kiến hết năm 2024 tỷ lệ người dân nông thôn được tiếp cận nguồn nước sạch tập trung đạt 95%.

Tổ chức phát động phong trào trồng cây xanh trên địa bàn các quận và 05 huyện thực hiện đề án lên quận; Từ đầu năm đến nay, toàn Thành phố đã trồng mới được hơn 4.500 cây bóng mát.

Tăng cường kiểm tra, xử lý cắt tỉa hạ độ cao, chặt hạ cây nguy hiểm, gia cố cọc chống và sửa chữa, thay thế một số cột chiếu sáng, cần đèn chiếu sáng công cộng có nguy cơ gây mất an toàn mùa mưa bão năm 2024.

Hoàn thành “Quy định về quản lý xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị; quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn thành

¹⁹ Tính đến tháng 9/2024, đã tăng được 5 xã, cụ thể: Thạch Thất: 01 xã Cẩm Yên; 3 xã Phúc Thọ: Thượng Cốc, Vân Phúc, Xuân Đình; Mỹ Đức: TT Đại Nghĩa

phố Hà Nội”; thực hiện hạ ngầm đường dây, cáp viễn thông, điện lực tại 300 tuyến phố trên địa bàn 12 quận nội thành, huyện Thanh Trì và thị xã Sơn Tây.

VI. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, TÀI NGUYÊN, KHOÁNG SẢN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; RÀ SOÁT CÁC DỰ ÁN CHẠM TRIỂN KHAI ĐỂ KHƠI THÔNG NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

1. Công tác quản lý đất đai

Thành phố đã phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 đối với 18/18 huyện, thị xã (trong tổng số 30 quận, huyện, thị xã) theo đúng tiến độ, là căn cứ để tiến hành thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH, quốc phòng, an ninh của Thủ đô. Kịp thời ban hành các quy định về đấu giá quyền sử dụng đất²⁰, thực hiện điều chỉnh quy định và bảng giá đất các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội (Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 06/6/2024); đến nay Thành phố đã thu được 12.566/25.105 tỷ đồng, đạt 50% chỉ tiêu thu từ đấu giá quyền sử dụng đất. Tổng hợp nhu cầu đất dịch vụ để giao cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố là 360,52ha với 55.580 hộ; đã thực hiện giao đất dịch vụ cho 36.557 hộ với diện tích 248,33ha; số hộ chưa giao đất dịch vụ 19.023 hộ, diện tích 112,19ha. Hoàn thành Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô Hà Nội để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Thực hiện Dự án xây dựng tổng thể hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai Thành phố đến nay đã cơ bản thực hiện hạng mục đo đạc trên 27/27 địa bàn. Công tác đo đạc ngoại nghiệp đã hoàn thành 475/489 xã, phường, thị trấn; còn lại 14 phường, xã đang tiếp tục thực hiện công tác đo đạc. Công tác đo đạc nội nghiệp đã lập bản đồ 308/489 xã, phường thị trấn (còn lại 181 xã, phường thị trấn). Đã xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai 290/489 xã (trong đó 30 xã đã nhập dữ liệu; 160 xã, phường thị trấn còn lại đang thực hiện kê khai đăng ký đất đai)

Đã cấp Giấy chứng nhận (GCN) và kê khai, đăng ký đất đai lần đầu cho các hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư đạt 99,6%; cho người mua nhà tại dự án phát triển nhà ở đạt 89,24%; cho người mua nhà tái định cư đạt 95,86%; cho hộ gia đình, cá nhân sau dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp đạt 99,21%. Cấp GCN và đăng ký kê khai đất đai lần đầu cho các tổ chức được 25.373 thửa đất (trong đó: cấp GCN 23.026 thửa; cấp Giấy xác nhận đăng ký đất đai lần đầu 1.765 thửa); cho các cơ sở tôn giáo đạt 80,83%; cho các cơ sở tín ngưỡng đạt 87,75%.

2. Công tác bảo vệ môi trường

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đặc biệt trong năm 2024, Thành phố đã tập trung thực hiện đồng độ các giải pháp để bảo vệ môi trường trong đó tập trung vào việc triển khai các Nghị quyết, Kế hoạch của Trung ương và Thành phố để xử lý, khắc phục và từng bước nâng cao chất lượng môi trường sống, cảnh quan đô thị, nông thôn với mục tiêu hướng tới người dân trên địa bàn. Cụ thể:

2.1. Về thu gom, xử lý nước thải, làm sạch các dòng sông nội đô

Thực hiện tốt công tác quản lý, duy tu, duy trì và vận hành ổn định hệ thống thoát nước và các nhà máy/trạm xử lý nước thải; Trên địa bàn, có **6 nhà máy/trạm**

²⁰ Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017; số 27/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020; số 24/2022/QĐ-UBND ngày 03/6/2022; số 04/2024/QĐ-UBND ngày 19/01/2024

xử lý nước thải tập trung theo Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đã được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành. Tổng công suất các trạm xử lý nước thải tập trung hiện có là 314.300 m³/ngđ. Tổng khối lượng nước cấp đô thị hiện nay ước khoảng 1.270.000 m³/ngày đêm. Hiện nay, tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đến hết tháng 10/2024 đạt 30,9% tương đương số liệu đánh giá năm 2023. Dự kiến cuối năm 2024, Nhà máy xử lý nước thải Yên Xá đi vào vận hành chạy thử (sau khi được cấp giấy phép môi trường) và hoàn thành công tác rà soát các trạm xử lý nước thải phân tán trên địa bàn thành phố, nâng tỷ lệ xử lý nước thải đô thị năm 2024 phấn đấu đạt 40%. Để đảm bảo việc xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố đến năm 2030 đạt 65%, Thành phố đang chỉ đạo triển khai nghiên cứu, đầu tư xây dựng 09 Dự án Nhà máy, hệ thống thu gom XLNT theo quy hoạch²¹. Tỷ lệ cụm công nghiệp có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng đối với CCN, CCN làng nghề đã đi vào hoạt động ước đạt 95%; Thành phố đang tích cực tập trung chỉ đạo để khởi công 02 trạm xử lý nước thải còn lại vào cuối tháng 12/2024 để hoàn thành mục tiêu đạt 100%. Thành phố tập trung triển khai xây dựng **Đề án phục hồi chất lượng môi trường và phát triển hệ thống 04 sông nội đô Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét**; Đề án bảo vệ môi trường sông Nhuệ - Đáy giai đoạn 2021 – 2025.

2.2. Về thu gom, xử lý rác thải

Hiện nay trên địa bàn Thành phố, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh 6.800 – 7.500 tấn/ngày. Để giải quyết tốt vấn đề bức xúc về rác thải, Thành phố đã chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ, kêu gọi đầu tư, xã hội hóa các công trình, dự án xử lý rác thải. Năm 2023, Thành phố đã đưa Nhà máy điện rác Sóc Sơn với quy mô lớn và hiện đại nhất Đông Nam Á (công suất xử lý 4.000 tấn/ngày, công suất phát điện 90MW) vào hoạt động và tiếp tới sẽ đưa Nhà máy điện rác Seraphin công suất xử lý 2.250 tấn/ngày, công suất phát điện 30MW vào hoạt động. Trước mắt, 02 nhà máy trên đã cơ bản đáp ứng nhu cầu xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh hằng ngày.

Ngoài ra, để đảm bảo năng lực xử lý chất thải sinh hoạt dự kiến tiếp tục gia tăng trong thời gian tới, Thành phố tiếp tục kêu gọi xã hội hóa, đầu tư một số công trình, nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, bùn thải... hiện đại, phát điện, thân thiện môi trường để giải quyết triệt để nhu cầu xử lý rác thải, bùn thải trên địa bàn (tại các huyện: Sóc Sơn, Thường Tín, Chương Mỹ, Phú Xuyên).

Thành phố đã triển khai **mô hình thí điểm phân loại rác thải** sinh hoạt tại nguồn tại 05 quận (Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Nam Từ Liêm); dự kiến quý I/2025, sẽ nhân rộng thực hiện trên toàn địa bàn Thành phố. Đồng thời, tiếp tục rà soát, điều chỉnh, ban hành các chính sách, mô hình hoạt động với yêu cầu cao hơn nữa để sớm hiện đại hóa hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn Thành phố, đảm bảo xanh – sạch – văn minh, tương tự một số nước tiên tiến, trước mắt sẽ phấn đấu thực hiện tại các quận nội thành.

2.3. Về môi trường không khí

²¹(1) Xây dựng hệ thống thu gom và Nhà máy xử lý nước thải Kiến Hưng, quận Hà Đông, (2) Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Sơn Tây, thị xã Sơn Tây, (3) Xây dựng hệ thống thu gom và Nhà máy xử lý nước thải Tây sông Nhuệ, (4) Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải Cổ Loa giai đoạn 1, huyện Đông Anh, (5) Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải Yên Viên giai đoạn 1, huyện Gia Lâm, (6) Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải Nam An Khánh giai đoạn 1, huyện Hoài Đức, (7) Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Phú Đô, (8) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải An Lạc (Quận Long Biên), (9) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Phúc Đồng (Quận Long Biên).

Toàn Thành phố hiện có 10 KCN, khoảng 318 làng nghề đang hoạt động, gần 1,2 triệu ô tô, gần 7 triệu xe máy (hơn 70 % đã sử dụng trên 10 năm) lưu thông hàng ngày, cùng với các hoạt động xây dựng là nguồn phát thải gây ô nhiễm không khí chủ yếu trên địa bàn. Để đảm bảo xử lý tốt ô nhiễm không khí, năm 2024, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí thành phố Hà Nội đến năm 2030, định hướng đến năm 2035. Đồng thời, triển khai thực hiện các biện pháp cụ thể, cấp bách, như: xử lý, ngăn chặn hoạt động đốt rơm rạ, phụ phẩm cây trồng và chất thải khác; loại bỏ sử dụng bếp than tổ ong... Thành phố đã phê duyệt Đề án phát triển hệ thống giao thông vận tải công cộng bằng xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh trên địa bàn, đạt 100% vào năm 2035 (sớm hơn so với bình quân cả nước 15 năm).

Thực hiện Luật Thủ đô, tháng 12/2024, HĐND Thành phố xem xét ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xác định “vùng phát thải thấp” trên địa bàn thành phố Hà Nội, nhằm cải thiện chất lượng không khí và bảo vệ sức khỏe người dân. Tăng cường trồng cây xanh, lắp đặt thêm các trạm quan trắc để kiểm soát chất lượng môi trường, phục công tác thông tin, cảnh báo, điều chỉnh.

Căn cứ quy hoạch phát triển, Thành phố tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ hiện đại về quan trắc, xử lý ô nhiễm, thực hiện đồng bộ các giải pháp về bảo vệ môi trường đã đề ra, phấn đấu đến năm 2030 các thông số về không khí trên địa bàn cơ bản đạt chất lượng tốt, tạo môi trường sống xanh – sạch cho nhân dân.

3. Thực hiện rà soát các dự án chậm triển khai để khơi thông các nguồn lực phát triển

Thành phố là một trong những địa phương đầu tiên cả nước thành lập Tổ công tác đặc biệt tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư trên địa bàn. Đã tập trung nhận diện, rà soát rà soát, kiểm tra, lập danh mục 829 dự án chậm triển khai để chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ đưa đất vào sử dụng, vận hành hoạt động của từng dự án; kiên quyết xử lý thu hồi đất đối với các dự án vi phạm pháp luật, để hoang hóa, lãng phí. Cụ thể: Kiểm tra, phát hiện, thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý có kết quả cụ thể đối với 712 Dự án ngoài ngân sách có sử dụng đất chậm hoặc chưa đưa đất vào sử dụng²²; chỉ đạo thực hiện các biện pháp kiểm tra, xử lý đối với 117 dự án do UBND các quận, huyện, thị xã tự kiểm tra, phát hiện²³. Đặc biệt, Thành phố đã tập trung thực hiện nhiều biện pháp xử lý, tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, kể cả về quy định của pháp luật để đẩy nhanh tiến độ giao đất, cho thuê đất thực hiện các dự án, đưa đất vào sử dụng, không để

²²420/712 DA với tổng diện tích 9095,6 ha được đưa ra khỏi danh sách chậm triển khai, nhưng tiếp tục được giám sát. 292/712 DA với tổng diện tích 2.337,9 ha đã có chỉ đạo xử lý, thực hiện các biện pháp khắc phục, đẩy nhanh tiến độ, tiếp tục được giám sát, đôn đốc.

²³71/117 DA chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất: Đưa ra khỏi danh sách chậm triển khai đã hoàn thành hoặc chưa hình thành dự án đối với 03 dự án; chấm dứt thực hiện 03 DA; đôn đốc tiếp tục thực hiện 05 DA; thanh tra, kiểm tra xử lý đối với 36 DA; kiểm tra, đôn đốc, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ đối với 24 DA; 46/117 DA đã có quyết định về đất: Đưa 02 dự án với tổng diện tích 1,3 ha ra khỏi danh sách chậm triển khai do chưa có dự án hoặc đã khắc phục và đầu tư xây dựng. 01 dự án 2,9 ha chậm tiến độ, chậm đưa đất vào sử dụng: gia hạn sử dụng đất 24 tháng và Chủ đầu tư phải nộp thêm cho NN khoản tiền tương ứng với thời gian gia hạn 24 tháng. 04 dự án với tổng diện tích 90 ha đất đã có kết luận thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm: UBND Thành phố đã giao tiếp tục giám sát, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra. 39 dự án với tổng diện tích 1.373,7 ha đất: các sở, ngành Thành phố đang hoàn thành việc thanh tra, kiểm tra, kết luận.

chậm, gây lãng phí, hoang hóa, đã thu ngân sách rất lớn cho Nhà nước (*khoảng 250 ha để thực hiện dự án Khu đô thị mới tại Đông Anh; khoảng 261 ha để thực hiện dự án thành phố Thông minh tại huyện Đông Anh; khoảng 130ha để thực hiện dự án Khu đô thị tại huyện Đan Phượng....*). Đồng thời, Thành phố đã quyết định thu hồi đất đối với 8 dự án lớn trên địa bàn Thành phố vì vi phạm pháp luật, không đưa đất vào sử dụng, để hoang hóa, lãng phí với tổng diện tích 258,9 ha.

VII. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐƯỢC QUAN TÂM TRIỂN KHAI VỚI CÁC GIẢI PHÁP TỔNG THỂ, ĐỒNG BỘ

1. Hà Nội là địa phương tiên phong trong chuyển đổi số, tạo những tiền đề cần thiết để phát triển trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên số và khoa học công nghệ

Thành phố đã tổ chức quán triệt tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, cuộc cách mạng chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm tái cấu trúc quan hệ sản xuất phù hợp với sự tiến bộ vượt bậc của lực lượng sản xuất. Coi chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình xác lập một phương thức sản xuất mới tiên tiến, hiện đại – “phương thức sản xuất số”, là nguồn lực, động lực thúc đẩy sự chuyển mình của nền kinh tế trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên số và khoa học công nghệ.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, UBND Thành phố xác định quan điểm thống nhất với: “1 mục tiêu 3 nguyên tắc 6 phần đầu”; dựa trên “3 trụ cột và 1 nền tảng”, là một trong 09 địa phương được Chính phủ và Tổ đề án 06/ CP lựa chọn, tổ chức triển khai thí điểm; là địa phương thuộc nhóm dẫn đầu của toàn quốc về chuyển đổi số. Thành phố đã chủ động, quyết liệt triển khai chính quyền số, coi là nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TU về chuyển đổi số, xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Mục tiêu đặt ra là đến năm 2030 với mục tiêu cơ bản trở thành một thành phố thông minh, hiện đại, kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong khu vực và thế giới. Kết quả đạt được đáng ghi nhận, trong đó có 02 nhóm vấn đề nổi bật:

a) Về quyết tâm chính trị và chỉ đạo thống nhất thông suốt tạo sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị và ủng hộ, tham gia của người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn:

(1). Thành phố đã bám sát chủ trương, tranh thủ sự chỉ đạo và hỗ trợ của Tổ đề án 06/CP và các bộ ngành trung ương. Thành phố luôn tiên phong đề xuất Chính phủ và Tổ đề án 06/CP giao Hà Nội thí điểm triển khai những việc mới việc khó, trong đó chọn những việc đang bắt cập khó khăn, ách tắc mà khi chuyển đổi số sẽ đem lại lợi ích thiết thực cho Người dân, Người dân được hưởng thụ ngay.

(2). UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch để triển khai các nhiệm vụ trọng tâm Đề án 06 trên địa bàn Thành phố với 33 nhiệm vụ. Ban hành văn bản chỉ đạo triển khai những nhiệm vụ của Đề án 06/CP trên địa bàn Thành phố theo hướng thống nhất, đồng bộ công tác chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ liên quan về cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 (**đã hợp nhất 03 Ban Chỉ đạo** thành Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 Thành phố do đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố làm Trưởng Ban). **Ban hành 05 Kế hoạch**²⁴ Chuyển đổi số, xây dựng thành phố

²⁴ (1) Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 08/02/2024 về Chuyển đổi số, xây dựng thành phố Hà Nội thông minh năm 2024; (2) Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 29/3/2024 về triển khai xác định chỉ số Chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội năm 2024; (3) Kế hoạch số 245/KH-UBND ngày 15/8/2024 triển khai thực hiện Đề án "Kiến

Hà Nội thông minh năm 2024; đồng thời, ban hành các quy chế quản lý, vận hành khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Thành phố... Tích hợp các kế hoạch nằm ở nhiều nơi nhiều mảng thành một kế hoạch tích hợp **“động, mở và thông minh”**, thuận lợi cho việc theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, cho báo cáo và chỉ đạo kiểm tra giám sát, đảm bảo thống nhất và hiệu năng, hiệu quả.

(3). Triển khai Kế hoạch 239/KH-UBND của UBND Thành phố trên cả 3 trụ cột của chuyển đổi số (*Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số*): Về cơ sở dữ liệu: Bám sát khai thác hiệu quả CSDL dân cư và xác thực điện tử trong tất cả các hoạt động của các cấp và các ngành của Thành phố. Thành phố đã ban hành danh mục dữ liệu và danh mục mở dữ liệu của tất cả các ngành, lĩnh vực của Thành phố; xây dựng các CSDL chuyên ngành, kết nối, chia sẻ... Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo đã được kết nối liên thông, tạo ra kho dữ liệu dùng chung với hơn 2.000 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhu cầu khai thác, phân tích thông tin phục vụ báo cáo và phục vụ cho xây dựng chiến lược phát triển, việc ra quyết định của lãnh đạo Thành phố.

(4). Thành phố đã xây dựng và triển khai hệ thống văn phòng điện tử thống nhất, xuyên suốt từ cấp Thành phố đến cấp xã. Đến nay, hệ thống đã được triển khai tại trên 3.100 cơ quan, đơn vị và ba cấp, Thành phố thực hiện ký số toàn trình trên máy tính và thiết bị di động. Ước tính, mỗi năm tiết kiệm chi riêng giấy và mực in khoảng 160 tỷ đồng. Thành phố đã thiết lập và duy trì kênh liên lạc của các tổ chuyển đổi số cộng đồng thống nhất, xuyên suốt từ cấp Thành phố đến cấp cơ sở (toàn Thành phố hiện có gần 5.000 Tổ chuyển đổi số cộng đồng với hơn 30.000 thành viên đóng vai trò chính trong việc phổ cập công nghệ số, kỹ năng số tới từng người dân).

(5). Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước ban hành Nghị quyết hỗ trợ phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp qua ứng dụng định danh và xác thực điện tử (VN.eID); cũng là địa phương đầu tiên ban hành Nghị quyết quy định Mức thu bằng “không” áp dụng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ thực hiện 82 dịch vụ công theo hình thức trực tuyến.

(6). Thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội để giảm các đầu mối, các cấp trung gian, hướng tới phục vụ hoàn toàn trực tuyến mức độ 4 toàn trình, với mục tiêu không còn *“Cửa hành chính, khóa thủ tục”*, với xu hướng *“3 phi: phi địa giới, phi trung gian, phi vật chất”* với mục tiêu người dân và doanh nghiệp dù ở bất cứ nơi đâu, ở bất cứ thời điểm nào, trên thiết bị cầm tay thông minh đều có thể tiếp cận nhanh, dễ dàng các dịch vụ công, được cung cấp thông tin đầy đủ, được phục vụ kịp thời.

b) Tích cực chủ động phối hợp với cơ quan Thường trực Tổ Công tác triển khai Đề án 06/CP triển khai 19 mô hình điểm trên địa bàn, mang lại giá trị có tính chất định lượng cụ thể cho người dân, doanh nghiệp, điển hình như:

(1). Các Ứng dụng phục vụ công dân, doanh nghiệp, phát triển xã hội số được Thành phố chỉ đạo triển khai quyết liệt, đặc biệt là Ứng dụng Công dân Thủ đô số (iHaNoi) là nơi người dân, doanh nghiệp có thể tương tác trực tiếp với các cấp chính quyền Thành phố trên môi trường số nhanh chóng, kịp thời theo thời gian thực. Qua 5

toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn Thành phố; (4) Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 23/9/2024 về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia, Ngày chuyển đổi số thành phố Hà Nội trên địa bàn năm 2024; (5) Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 29/8/2024 về khắc phục một số tồn tại, hạn chế nhằm đảm bảo hoàn thành Kế hoạch Chuyển đổi số của thành phố Hà Nội trong năm 2024

tháng triển khai, ứng dụng đã có hơn 1.5 triệu tài khoản (hơn 70.000 đăng ký mới bằng tài khoản VneID - từ ngày 11/11/2024), Thành phố đã phối hợp với Cục C06 - Bộ Công an để tích hợp tài khoản định danh điện tử VNeID với iHanoi, để người dân có thể đăng nhập iHanoi bằng tài khoản VNeID; tiến tới, Người dân chỉ cần sử dụng một tài khoản định danh điện tử duy nhất (VNeID) để đăng nhập sử dụng các dịch vụ, ứng dụng của cơ quan chính quyền Hà Nội cung cấp như ứng dụng iHanoi, Cổng dịch vụ công thành phố Hà Nội,...).

Từ khi ra mắt đến nay, ứng dụng iHanoi đã thực hiện xử lý trên 19.000 phản ánh kiến nghị hiện trường và hơn 1.800 phản ánh kiến nghị về TTHC, hơn 55% đánh giá hài lòng. Đồng thời qua ứng dụng iHanoi, Thành phố đã truyền thông, cảnh báo trên 2.200 lượt thông tin. Triển khai sổ Sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID: đã tích hợp trên VNeID 1,76 tr sổ cho công dân Thủ đô, đạt tỷ lệ 25,57%.

(2) Triển khai 12 Kiosk khám sức khỏe: tại 04 bệnh viện với tổng số lượng bệnh nhân tiếp đón trên 190 nghìn người.

(3) Tỷ lệ cấp phiếu lý lịch tư pháp trên VNeID đạt trên 74%, hỗ trợ miễn phí cho người dân thực hiện thủ tục số tiền hơn 10 tỷ đồng.

(4) Ứng dụng “Thẻ vé giao thông Hà Nội” sử dụng thẻ QR động (thẻ ảo) được triển khai thử nghiệm cho vận tải hành khách công cộng. Triển khai ứng dụng giải pháp công nghệ để tìm kiếm và thanh toán giá dịch vụ trông giữ xe không sử dụng tiền mặt trên địa bàn Thành phố tại 332 bãi, điểm trông giữ phương tiện giao thông trên địa bàn 17/30 quận, huyện của thành phố với trên 703.145 lượt giao dịch không dùng tiền mặt, với số tiền 7,4 tỷ đồng (đạt 89%);

(5) Chi lương hưu và các chế độ BHXH, chi trả an sinh xã hội qua tài khoản cá nhân đều đạt trên 95%;

(6) Thu thuế khoán hộ kinh doanh; triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền tăng 6,5 % so với cùng kỳ 2023, Số thu: 3.507 tỷ đồng, tăng 55,29% so với cùng kỳ 2023....Trên 99% người nộp thuế kê khai và nộp thuế điện tử.

Đây là tiền đề để các địa phương nghiên cứu, tham khảo, chia sẻ kinh nghiệm; cũng như là cơ sở để Tổ Công tác triển khai Đề án 06/CP tham mưu với Thủ tướng Chính phủ “bấm nút” triển khai sổ sức khỏe điện tử, cấp phiếu lý lịch tư pháp trên VNeID trên toàn quốc vào ngày 02/10/2024, theo đó: Toàn quốc đã tích hợp 15,2 triệu thông tin công dân vào Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID. Từ 2/10/2024 đến 20/11/2024, đã có 55 địa phương triển khai cấp phiếu Lý lịch tư pháp trên VNeID với 33.025 hồ sơ (tăng 53 địa phương so với ngày 02/10/2024).

Kết quả chuyển đổi số của Hà Nội đã bước đầu được ghi nhận, với chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) do Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá tăng 19 bậc, riêng năm 2022 đã tăng đột phá 16 bậc so với năm 2021 (đánh giá và công bố năm 2023). Theo Báo cáo chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT năm 2022 (Báo cáo Vietnam ICT Index) được công bố vào tháng 10/2023, Hà Nội xếp thứ nhất Bảng xếp hạng chung về chỉ số công nghiệp CNTT. Theo Báo cáo chỉ số thương mại điện tử Việt Nam năm 2023 của Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam, Hà Nội tiếp tục đứng thứ 2 trong 7 năm liên tiếp về Chỉ số thương mại điện tử Việt Nam. Theo Báo cáo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam năm 2023, Hà Nội đứng thứ nhất về chỉ số Quản trị điện tử.

2. Cải cách hành chính được đẩy mạnh, đồng bộ giữa cải cách thủ tục và cải cách bộ máy, thể chế; thực hiện các quy định về phân cấp QLNN giữa các cấp chính quyền ở địa phương

Tiếp tục xác định cải cách thủ tục hành chính (TTHC) gắn với chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá của Thủ đô, UBND Thành phố đã ban hành 25 văn bản chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn Thành phố; đã thông qua phương án đơn giản hóa 33 TTHC thuộc các lĩnh vực; 36 Quyết định công bố danh mục TTHC, công bố danh mục sửa, đổi bổ sung TTHC, bãi bỏ, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC; xây dựng Bộ Chỉ số Cải cách hành chính áp dụng đối với các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại Thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành phố.

Tăng cường tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về TTHC và đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, đến nay, Thành phố đã tiếp nhận, xử lý theo quy định đối với 5109 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính qua đường dây nóng, zalo, địa chỉ hộp thư điện tử kiemsoatthutuchanhchinh@hanoi.gov.vn và trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; trên ứng dụng iHanoi đã tiếp nhận hơn 8.000 phản ánh, kiến nghị, trong đó đã xử lý hơn 6.000 kiến nghị, đạt trên 75%.

Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương. Thành phố đã chỉ đạo thực hiện rà soát chức năng nhiệm vụ của các cấp các ngành; xây dựng đề án phân cấp, ủy quyền theo tinh thần Nghị quyết số 04/2022/NQ-CP của Chính phủ, theo hướng “*Cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc trung gian kéo dài thời gian giải quyết ...*”, bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước nhưng phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương theo phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”. Ngày 21/9/2024, UBND Thành phố phê duyệt phương án mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế ủy quyền TTHC (Quyết định số 3204/QĐ-UBND). Luỹ kế, đã thực hiện phương án ủy quyền 653 TTHC (613 TTHC theo Quyết định 4610/QĐ-UBND và 40 TTHC mới), chiếm 34,8% TTHC trên toàn Thành phố, vượt chỉ tiêu 20% so với Chính phủ đề ra. Đã phê duyệt quy trình nội bộ 547 TTHC (gồm 459 TTHC theo Quyết định 4610/QĐ-UBND, 36 TTHC có phương án sửa đổi, bổ sung, 40 TTHC mới, 12 TTHC thay thế). Trong năm thứ 2 thực hiện Đề án phân cấp, ủy quyền, UBND Thành phố ban hành các Quyết định: số 28/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 quy định một số nội dung quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 02/2024/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 quy định quản lý và khai thác hồ Tây; số 14/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 về phân cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke. Thành phố đang chỉ đạo, tập trung xây dựng Nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội quy định chi tiết phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập (theo Khoản 6 Điều 14 Luật Thủ đô). Việc thực hiện phân cấp quản lý nhà nước trong 16 ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội tương đối ổn định, được vận hành thông suốt, đồng thuận từ cấp Thành phố đến cấp cơ sở.

Hà Nội hiện đi đầu trong thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công với định hướng cải tiến toàn diện, giảm từ 673 bộ phận "một cửa" còn 30 chi nhánh và không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong giải quyết thủ tục hành chính; giảm số lượng công chức, viên chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận "một cửa" (giảm từ 2.768 nhân sự còn 184 người), giúp tiết kiệm hơn 13,3 tỷ đồng/tháng ngân sách nhà nước trong trả lương, phúc lợi và các chi phí liên quan.

Một số kết quả thể hiện qua: Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) của Hà Nội năm 2023 đạt 83,57%, là năm thứ 6 liên tiếp đạt trên 80%, tăng 09 bậc so với năm 2022, xếp thứ 21/63 tỉnh, thành phố. Chỉ số Cải cách hành chính - PAR INDEX năm 2023 đạt 91,43 điểm (tăng 1,85 điểm), xếp thứ 03/63 tỉnh, thành phố, giữ nguyên thứ bậc so với năm 2022. Bên cạnh kết quả cải thiện xếp hạng của các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của Hà Nội năm 2023 mặc dù tăng 0,06 điểm, đạt 43,96/80 điểm nhưng giảm 03 bậc so với năm 2022, xếp thứ 15/63 tỉnh, thành phố. Thành phố đã xây dựng triển khai Báo cáo CCHC điện tử trên Hệ thống báo cáo của UBND Thành phố: <https://hethongbaocao.hanoi.gov.vn> làm cơ sở để xác định điểm Chỉ số CCHC.

3. Thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và biên chế

Hoàn thành việc cập nhật dữ liệu cán bộ công chức viên chức của Thành phố vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ công chức viên chức. Triển khai hiệu quả Nghị quyết 39-NQ/TU ngày 17/4/2015 của Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (trong 9 tháng đầu năm 2024, thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với 127 trường hợp).

Tập trung rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Trung ương và các Bộ, ngành; Đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của 22/24 sở và tương đương²⁵; Tổ chức lại các chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở²⁶. Các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp đi vào hoạt động ổn định, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng tham mưu triển khai các nhiệm vụ của Thành phố. Hoàn thành Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Hà Nội trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định.

Đã hoàn thành việc phê duyệt hoặc có ý kiến về Đề án vị trí việc làm các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố²⁷. Chuẩn bị triển khai thi hành Luật Thủ đô năm 2024 (*việc thực hiện mô hình chính quyền đô thị của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết 97/2019/QH14 và Nghị định 32/2021/NĐ-CP sẽ chấm dứt việc thí điểm và đi vào thực hiện chính thức theo quy định của Luật Thủ đô kể từ ngày 01/01/2025*). Triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra trong năm 2024 về việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng công chức, viên chức, công chức cấp xã, lao động hợp đồng đối với 03 đơn

²⁵ Riêng Ban Dân tộc giữ nguyên chức năng nhiệm vụ và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

²⁶ Kien toàn mô hình tổ chức, hoạt động của Ban Quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc, Trung tâm quản lý nhà ở công sở thuộc Sở Xây dựng, khối trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công và khối cơ sở cai nghiện ma túy thuộc Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội

²⁷ 24 Sở và cơ quan tương đương Sở, 30 quận, huyện, thị xã, 22 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố.

vị cấp huyện (Mê Linh, Chương Mỹ, Đông Anh), thanh tra việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng công chức, viên chức, lao động hợp đồng đối với 03 đơn vị cấp sở (Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài chính); kiểm tra công tác nội vụ tại 10 đơn vị khối sở, ngành, đơn vị sự nghiệp và 16 quận, huyện, thị xã. Tiếp tục tăng cường kiểm tra công vụ, đảm bảo kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Đến nay, các cơ quan, đơn vị của Thành phố đã thực hiện 580 cuộc kiểm tra công vụ (chủ yếu là kiểm tra đột xuất).

VIII. CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

1. Công tác dân tộc, tôn giáo tiếp tục được quan tâm thực hiện

Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô giai đoạn 2021-2030; tổng số dự án của Chương trình đã được cập nhật, điều chỉnh phê duyệt đến nay: 176 dự án với kinh phí là 2.648,920 tỷ đồng. Năm 2024, Thành phố hỗ trợ 677.400 triệu đồng cho 60 dự án. Đến nay đã giải ngân được 167.552/677.400 triệu đồng, đạt gần 25% kế hoạch vốn. Lũy kế đến nay, đã có 139/176 dự án với kinh phí 1.641,760 tỷ đồng; đã giải ngân 1.030,443 tỷ đồng.

Các chính sách dân tộc được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn Thành phố. Hướng dẫn thực hiện và giải quyết nhu cầu sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân tôn giáo, tín ngưỡng theo qui định của pháp luật.

2. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, lãng phí tiếp tục được chỉ đạo sát sao

Các cơ quan hành chính đã triển khai 283 cuộc thanh tra (gồm kế hoạch: 201 cuộc, đột xuất: 82 cuộc) tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực: quy hoạch, sử dụng đất đai; đầu tư xây dựng; tài chính, tài sản công; việc thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng,... Qua thanh tra đã phát hiện vi phạm, kiến nghị thu hồi 1.541 triệu đồng; kiến nghị xử lý hành chính đối với 26 tập thể và 151 cá nhân. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, các sở, ngành đã phát hiện và xử phạt 60.242 triệu đồng đối với các trường hợp vi phạm hành chính.

Đã tiếp nhận và xử lý 27.947 đơn các loại (giảm 14,7% so với cùng kỳ năm 2023). Về giải quyết khiếu nại, toàn Thành phố đã tiếp nhận và thụ lý theo thẩm quyền 1.960 (tăng 4,7%); đã giải quyết 1.401 vụ, đạt tỷ lệ 71,48%. Tiếp nhận và thụ lý theo thẩm quyền 992 vụ tố cáo (tăng 1,22%); đã giải quyết 531 vụ (đạt tỷ lệ 53,5%). Qua giải quyết khiếu nại, tố cáo đã thu hồi cho Nhà nước 2,16 triệu đồng, 23m² đất; trả lại cho tập thể, cá nhân 23 tổ chức; số người đã bị xử lý trách nhiệm 04 cá nhân. Đã thực hiện 1.069 quyết định giải quyết khiếu nại (đạt 85,79%); 464 văn bản thông báo kết luận nội dung tố cáo, văn bản xử lý tố cáo (đạt 57,76%).

Công tác Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Chỉ đạo Thành ủy quan tâm chỉ đạo triển khai bài bản, đồng bộ, gắn với đẩy mạnh toàn diện công tác xây dựng chính đôn Đảng và hệ thống chính trị; quyết liệt, đồng bộ từ thành phố đến địa phương. UBND Thành phố đã ban hành, thực hiện Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 19/01/2024 về công tác phòng, chống

tham những năm 2024, chỉ đạo các sở, ngành, quận, huyện, thị xã tập trung triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng. Hà Nội là thành phố đầu tiên trong cả nước thành lập Ban Chỉ đạo về thực hiện các biện pháp phòng, chống lãng phí do đồng chí Chủ tịch UBND thành phố làm Trưởng ban Chỉ đạo; thể hiện rõ hơn sự quyết liệt, đồng lòng, trách nhiệm trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng, chống lãng phí của Thành phố.

IX. QUỐC PHÒNG ĐƯỢC CƯỜNG CỐ, AN NINH, AN TOÀN ĐƯỢC ĐẢM BẢO, CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ ĐƯỢC ĐẨY MẠNH

1. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng địa phương; trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo

Bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối 115 lượt kỳ cuộc trọng tâm là các ngày lễ, tết và sự kiện chính trị quan trọng của Đảng, Nhà nước diễn ra trên địa bàn. Công tác quốc phòng tiếp tục được chỉ đạo thực hiện tốt, duy trì nghiêm công tác sẵn sàng chiến đấu, trực cứu hộ, cứu nạn, ứng phó hiệu quả với các tình huống thiên tai, cháy nổ. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được nâng cao; hoàn thành 100% chỉ tiêu giao nhận quân năm 2024. Diễn tập Khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội HN-2024 thành công tốt đẹp, được tổ chức với quy mô, phạm vi lớn nhất từ trước đến nay đã tạo ra thế và lực mới cho Thủ đô.

Chú trọng phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia phòng ngừa và đấu tranh, trấn áp tội phạm phục vụ phát triển kinh tế-xã hội. Công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm về trật tự xã hội được tăng cường; Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm 5% số vụ so với năm 2023 (năm 2023: 8.274 vụ); điều tra khám phá các vụ vi phạm đạt tỷ lệ 75%, tăng 13,9 điểm % so với năm 2023 (2023 đạt 61,1%). Tình hình cháy nổ trên địa bàn thành phố giảm cả số vụ, số người chết và giảm thiệt hại về tài sản. Tuy nhiên, nguy cơ cháy nổ vẫn luôn tiềm ẩn tại các khu nhà trọ, nhà tập thể cũ, nhà ở kết hợp kinh doanh.

2. Công tác đối ngoại đạt tiếp tục được quan tâm toàn diện, khẳng định rõ nét vai trò của Thủ đô trong hoạt động đối ngoại chung của cả nước

Năm 2024, Thành phố tiếp tục tăng cường tin cậy chính trị, mở rộng hợp tác, tạo những dấu ấn mới, củng cố vững chắc quan hệ với địa phương các nước láng giềng có vị trí và tầm quan trọng đặc biệt như: Trung Quốc, Lào, Campuchia, các nước ASEAN; đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các đối tác, đặc biệt là đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và đối tác quan trọng khác, trong đó có việc nâng tầm và tạo những đột phá trong quan hệ với: Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand, Nga, Đức, Pháp, Anh, Ailen, Italia, Hoa Kỳ; mở rộng quan hệ hợp tác với Mong Cổ, Argentina, Chi lê, Venezuela và với các nước đang thể hiện vai trò mới ở Trung Đông, châu Phi như Nam Phi, Ai Cập v.v... tạo thêm nhiều điều kiện thuận lợi quan trọng mới để phát triển quan hệ vững chắc, ổn định và thiết thực hơn nữa. Đối ngoại đa phương không ngừng được mở rộng và đi vào chiều sâu, Hà Nội tiếp tục là địa phương đi đầu trong tham gia các khuôn khổ, sáng kiến thương mại, kinh tế, đầu tư đa phương, qua đó mở rộng cơ hội hợp tác kinh tế với nhiều đối tác, tạo nên sức mạnh tổng hợp, đóng góp to lớn cho phát triển kinh tế

xã hội Thủ đô, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng, củng cố, nâng cao vị thế, uy tín của Hà Nội trên trường quốc tế.

Công tác ngoại giao kinh tế được quan tâm thúc đẩy, góp phần chủ động, tích cực vào việc phục hồi phát triển kinh tế - xã hội, tranh thủ các cơ hội đáp ứng yêu cầu phát triển mới của Thủ đô. Việc phát triển quan hệ chính trị để tạo thuận lợi cho hợp tác trong các lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị, giao thông bền vững, đường sắt đô thị, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản văn hóa, du lịch, đầu tư, thương mại, nông nghiệp v.v... Các vấn đề kinh tế, thương mại, đầu tư, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), khoa học - công nghệ, giao thông bền vững... là những nội dung lớn trong trao đổi giữa lãnh đạo Thành phố với các đối tác, đặc biệt trong các trao đổi, chuyên công tác tại các nước. Nhiều thỏa thuận hợp tác giữa Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan đơn vị và doanh nghiệp với các địa phương và các đối tác quốc tế đã được ký kết và thực hiện.

Công tác ngoại giao văn hóa của Thành phố được triển khai ngày càng bài bản và chuyên nghiệp, lan tỏa giá trị văn hóa, con người, quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế, tiếng nói của Thủ đô trên trường quốc tế; gắn kết và thúc đẩy thực hiện ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp của Thủ đô, phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo “sức hút”, thu hút nguồn vốn đầu tư.

Với phương châm “chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả”, công tác đối ngoại nhân dân đã có đóng góp quan trọng vào thành tựu chung trong công tác đối ngoại của Thủ đô. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức nhân dân đã tích cực thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các Thủ đô, thành phố các nước, qua đó góp phần củng cố, tăng cường, tạo nền tảng xã hội thuận lợi cho quan hệ đối ngoại của Hà Nội trong khu vực và trên thế giới.

X. CÔNG TÁC PHỐI HỢP VỚI ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM THÀNH PHỐ VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NGÀY Càng THIẾT THỰC, HIỆU QUẢ NÂNG CAO

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị, xã hội Thành phố đã thực hiện tốt quy chế phối hợp với UBND Thành phố triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, kế hoạch công tác gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đồng thời triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, các phong trào thi đua yêu nước; chủ động đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả, hoạt động, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết dân tộc, tăng cường sự đồng thuận xã hội, niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố Hà Nội đã duy trì thường xuyên hoạt động thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách, đối tượng có công, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn trong các dịp lễ, tết; phối hợp tổ chức các hoạt động gặp mặt, tri ân chiến sỹ Điện Biên, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến (trực tiếp tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ) nhân dịp kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ; tích cực triển khai cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; ủng hộ Quỹ “Vì biển, đảo Việt Nam”... Công tác thực hiện giám sát, phản biện xã hội; tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật,... tiếp tục được quan tâm triển khai.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Được sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền; phát huy vai trò, trách nhiệm và quyết tâm chính trị của người đứng đầu trong các cơ quan, tổ chức, chính quyền các cấp; sự nỗ lực, cố gắng của doanh nghiệp và toàn thể Nhân dân Thủ đô, mục tiêu chủ yếu phát triển KTXH năm 2024 được triển khai quyết liệt, đồng bộ, cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ đề ra. Dự kiến **hoàn thành 23/24 chỉ tiêu KH**, trong đó 06 chỉ tiêu vượt KH: (i) Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu (đạt 11% - KH là 5%); (ii) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (đạt 95,25% - KH là 94,5%); (iii) Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc (đạt 46% - KH là 45%); (iv) Tỷ lệ lao động tham gia BHXH tự nguyện (đạt 2,9% - KH là 2,5%); (v) Tỷ lệ đối tượng tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (đạt 44,2% - KH là 40%); (vi) Giảm 490 hộ nghèo (KH là 380 hộ).

1. Một số kết quả nổi bật:

(1). Tập trung thực hiện quyết liệt và đã hoàn thành xây dựng cơ chế, chính sách phát triển Thủ đô. Luật Thủ đô (sửa đổi) đã được Quốc hội ban hành, có hiệu lực từ 01/01/2025 tạo cơ hội để Thủ đô huy động nguồn lực cho xây dựng và phát triển; Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã hoàn thành, đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt sẽ mở ra không gian phát triển mới cho Thủ đô trong tương lai.

(2). Trong bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi) đến đời sống và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp... nhưng kinh tế Thủ đô duy trì tăng trưởng cao hơn cùng kỳ. GRDP 9 tháng đầu năm tăng 6,12% (cùng kỳ tăng 5,99%), Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,4% (cùng kỳ tăng 2,5%); Kim ngạch xuất khẩu tăng 11% (cùng kỳ giảm 2,4%); Khách du lịch quốc tế tăng 35,8%...

(3). Đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách và nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Tổng thu NSNN ước đạt 120% dự toán, tăng 19,1%, trong đó thu nội địa tăng 20,6%. Thực hiện hiệu quả các chính sách tài chính, tín dụng trên địa bàn, kịp thời đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Tổng dư nợ của các TCTD trên địa bàn ước tăng 16,15%, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ đối với lĩnh vực ưu tiên khoảng 3,6%/năm.

(4). Các hoạt động văn hóa, thể thao kỷ niệm 70 năm Ngày giải phóng Thủ đô đã để lại nhiều ấn tượng trong lòng nhân dân Thủ đô, người dân cả nước và bạn bè quốc tế. Qua đó, tôn vinh lịch sử và khơi dậy niềm tự hào, tình yêu Hà Nội và tinh thần trách nhiệm, cống hiến trong quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô.

(5). An sinh xã hội, chăm lo đời sống và mức hưởng thụ văn hóa, tinh thần của người dân được nâng cao; việc thực hiện việc mở tài khoản cho đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội và thực hiện chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt đạt kết quả cao (97,25% đối tượng đã mở tài khoản, 93,79% đối tượng đăng ký nhận trợ cấp qua tài khoản và được chi trả qua tài khoản). Thành phố đưa vào sử dụng mô hình khám, chữa bệnh sử dụng sinh trắc học, Kiosk tự phục vụ, triển khai miễn phí giải pháp KIOSK y tế thông minh đối với các cơ sở y tế. Chỉ tiêu hỗ trợ giảm nghèo vượt kế hoạch; hoàn thành hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 714 căn nhà ở tại 15 huyện, thị xã cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được, đạt 100% kế hoạch.

(6). Thành phố đã tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp, xây dựng 28 Mô hình điểm về chuyển đổi số để triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06/CP và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 trên địa bàn đạt được nhiều kết quả tích cực; Chuyển đổi số của Thành phố đứng đầu cả nước. Trong đó, thí điểm ứng dụng quản lý, cảnh báo cháy gần với xác thực định danh số nhà, căn hộ và dữ liệu dân cư trên địa bàn Thành phố là mô hình mới, Thành phố đăng ký thí điểm ngoài 17 nhiệm vụ trọng tâm được Tổ công tác Chính phủ giao, đạt tỷ lệ nhập liệu đến nay là 96,03%. Đồng thời, Hà Nội đi đầu trong ứng dụng các mô hình chuyển đổi số, góp phần xây dựng Thành phố thông minh, là địa phương đầu tiên hoàn thành Đề án thí điểm và thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công theo Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

(7). Phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần củng cố niềm tin trong nhân dân. Chính trị, xã hội duy trì ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, uy tín, vị thế Thủ đô được nâng lên.

2. Một số tồn tại, hạn chế:

(1) *Về chỉ tiêu:* Thành phố đang tập trung quyết liệt để hoàn thành, hoàn thành mức cao nhất các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024; dự kiến 01 chỉ tiêu còn khó khăn là “Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng”, ước đạt 20% (KH là 22-25%). Nguyên nhân khách quan chủ yếu do hệ thống xe buýt vẫn còn nhiều bất cập; mặc dù đã có sự gia tăng về số lượng tuyến nhưng chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng nhu cầu người dân; ùn tắc giao thông phổ biến tại nhiều tuyến đường đã làm giảm hiệu quả hoạt động của các phương tiện công cộng, gây khó khăn cho việc thu hút người dân sử dụng dịch vụ. Hiện Thành phố đã tập trung cải thiện hệ thống giao thông công cộng để đáp ứng nhu cầu của người dân và giảm áp lực giao thông.

(2) Về kinh tế

- GRDP quý 3/2024 tăng 6,06% - thấp hơn 0,64 điểm % cận dưới của kịch bản đầu năm (6,7-7,6%); Lũy kế 9 tháng đầu năm, GRDP tăng 6,12% - thấp hơn cả nước (6,82%) và Tp. Hồ Chí Minh (6,85%). Nguyên nhân khách quan chủ yếu là do sản xuất, kinh doanh bị ảnh hưởng lâu dài của đại dịch COVID-19, ảnh hưởng thị trường thế giới suy giảm cầu và đứt gãy các chuỗi cung ứng do xung đột vũ trang²⁸.

- Giải ngân đầu tư công năm 2024 chưa đạt mục tiêu đã đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là vướng mắc trong công tác GPMB, tái định cư (*việc xác định nguồn gốc đất, xác định giá đất, người dân chưa đồng thuận với phương án bồi thường, tái định cư... trong đó có những dự án kéo dài nhiều năm chưa được khắc phục. Tại một số địa phương, người dân đang có tâm lý chờ đợi các hướng dẫn, chính sách mới của Thành phố liên quan đến Luật Đất đai năm 2024 và công tác giải phóng mặt bằng để được hưởng mức giá bồi thường, hỗ trợ cao hơn, phù hợp với thị trường*); Kế hoạch vốn năm 2024 lớn, gấp 1,64 lần so với năm 2023, trong đó chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 36.100 tỷ đồng (*cao gấp 2,1 lần năm 2023*), trong đó cấp huyện là 25.454 tỷ đồng (*cao hơn 2,2 lần so với năm 2023*)²⁹. Nguồn thu tiền sử

²⁸ Các ngành đều tăng thấp hơn kịch bản: Nông nghiệp chỉ tăng 0,66% (thấp hơn cận dưới 1,64 điểm %); Xây dựng tăng 6,12% (thấp hơn cận dưới 1,28 điểm %); Dịch vụ tăng 6,48% (thấp hơn cận dưới 0,62 điểm %); Công nghiệp tăng 6,28% (thấp hơn cận dưới 0,42 điểm %)

²⁹ Năm 2023: chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất toàn TP 17.100 tỷ đồng, trong đó cấp huyện là 11.721 tỷ đồng

dụng đất tại một số quận, huyện hiện đạt thấp, ảnh hưởng đến khả năng cân đối cho chi đầu tư công và khả năng đối ứng cho các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu và kết quả giải ngân.

- Doanh nghiệp tiếp tục khó khăn như tình trạng chung của cả nước. Số doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký giảm so với cùng kỳ; doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động tăng³⁰. Nguyên nhân chính của tình hình là doanh nghiệp còn bị ảnh hưởng lâu dài của đại dịch COVID-19, suy giảm nhu cầu thị trường thế giới do lạm phát tăng cao, đứt gãy các chuỗi cung ứng do xung đột vũ trang... trong bối cảnh nền kinh tế có độ mở lớn; ngoài ra, doanh nghiệp còn đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của hàng hoá Trung Quốc giá rẻ...

(3) Về phát triển đô thị, bảo vệ môi trường

- Tình trạng ô nhiễm môi trường diễn biến phức tạp. Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn gây ô nhiễm không khí tại chỗ từ các phương tiện giao thông đường bộ (xe máy, xe tải, taxi) và bụi đường. Tại 11 điểm khảo sát trên địa bàn Thủ đô, mức độ bụi PM2.5 từ phương tiện giao thông (bao gồm cả bụi đường) chiếm 58-74% tùy thời điểm. Theo WHO, Hà Nội là một trong những thành phố có mức độ ô nhiễm không khí cao tại khu vực châu Á. Thành phố đang triển khai nghiên cứu xây dựng và ban hành các quy định về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xây dựng “**vùng phát thải thấp**” theo quy định của Luật Thủ đô để các quận, huyện, thị xã xác định các khu vực, triển khai giải pháp phù hợp với đặc thù, điều kiện, năng lực nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, trong đó giảm thiểu nồng độ bụi mịn.

- Ùn tắc giao thông gây ảnh hưởng đến môi trường và chất lượng cuộc sống của người dân. Nguyên nhân chủ yếu do sự gia tăng nhanh chóng của dân số và phương tiện cá nhân, đặc biệt là xe máy và ô tô (gần 1,2 triệu ô tô và gần 7 triệu xe máy) đã vượt quá khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng giao thông hiện có, nhất là hệ thống giao thông tại các cửa ngõ chưa được quan tâm đầu tư mở rộng đúng tiến độ. Việc quy hoạch giao thông thiếu đồng bộ, các công trình xây dựng và sửa chữa đường phố cũng góp phần làm gia tăng tình trạng ùn tắc. Nguyên nhân chủ quan là do một số người dân chưa thực sự tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông như chen lấn, vượt đèn đỏ, đi sai làn đường,...

- *Phát triển nhà ở tái định cư gặp nhiều khó khăn; các dự án sử dụng vốn đầu tư công thường xuyên trì hoãn tiến độ; việc thực hiện thí điểm cơ chế xây dựng nhà ở thương mại phục vụ tái định cư theo phương thức đặt hàng cũng gặp khó khăn.* Nguyên nhân chủ quan chủ yếu do công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của người đứng đầu thiếu quyết liệt; nhiều quận vẫn chưa hoàn thành việc di dời các hộ dân ra khỏi nhà nguy hiểm cấp D, đồng thời chưa đề xuất được danh mục các nhà chung cư có điều kiện thuận lợi cho triển khai cải tạo, xây dựng lại; tiến độ thực hiện quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 và kiểm định nhà/cụm chung cư chậm. Ngoài ra, các quy định pháp luật chưa cụ thể, gây khó khăn cho các nhà đầu tư.

- Đầu tư hệ thống mạng lưới cấp nước khu vực nông thôn vẫn khó khăn, tiến độ chậm. Nguyên nhân chủ yếu do các doanh nghiệp khó khăn về vốn, chi phí đầu

³⁰ 10 tháng đầu năm 2024, số doanh nghiệp rời khỏi thị trường tăng so với cùng kỳ: 3.876 DN thực hiện thủ tục giải thể (tăng 28%), 21.464 DN đăng ký tạm ngừng hoạt động (tăng 19%), 4.801 DN chờ làm thủ tục giải thể (tăng 27,1%). Số DN rời khỏi thị trường tập trung ở ngành nghề: Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy (36,4%); Xây dựng (10,9%); Công nghiệp chế biến, chế tạo (9,8%) Khoa học, công nghệ; dịch vụ tư vấn, thiết kế; quảng cáo (9,6%); Dịch vụ việc làm; du lịch; cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác (6,9%)...

tư lớn nhưng người dân sử dụng ít, hiệu quả đầu tư thấp... nên nhà đầu tư chưa quyết liệt đẩy nhanh tiến độ.

(4) Lĩnh vực văn hoá, xã hội

- Một số phường trong quận nội thành (ví dụ Hoàng Mai, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Bắc Từ Liêm) còn thiếu trường công lập, thiếu lớp học, thiếu chỗ học do quỹ đất hạn chế không thể mở rộng, một số phường đã có trường nhưng không đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh do dân số trên địa bàn quá đông, số học sinh/lớp đông ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học; việc huy động và sử dụng nguồn kinh phí để giải phóng mặt bằng bàn giao quỹ đất sạch cho các dự án xây dựng trường ngoài công lập còn nhiều vướng mắc về thủ tục pháp lý.

- Việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực: Lao động, Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Khoa học và công nghệ, Y tế.... còn chậm. Thành phố đã ban hành 41/224 định mức kinh tế kỹ thuật; còn 183 định mức cần ban hành (trong đó: 30 định mức thuộc thẩm quyền ban hành của Trung ương); ban hành 08/252 đơn giá; 244 đơn giá cần ban hành (trong đó: 26 đơn giá thuộc thẩm quyền ban hành của Trung ương). Nguyên nhân chủ quan: Phần lớn các định mức kinh tế - kỹ thuật chưa có các định mức tương đương hiện hành nên phải xây dựng dựa trên hoạt động thực tế và tổ chức thực nghiệm để phân tích, tính toán các yếu tố cấu thành định mức; do vậy, các đơn vị mất nhiều thời gian trong việc khảo sát, đánh giá để xác định quy trình, trình tự thực hiện và tiêu chí chất lượng các dịch vụ sự nghiệp công để triển khai xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật của ngành; Việc xây dựng đơn giá cần thời gian rà soát, nghiên cứu, đặc biệt là việc xác định các khoản chi phí cấu thành đơn giá đối với các yếu tố gián tiếp như tiền lương, chi phí quản lý, khấu hao tài sản cố định; đồng thời giá cả vật tư, vật liệu thường xuyên biến động nên việc xác định đơn giá ổn định gặp nhiều khó khăn.

(5) Lĩnh vực nội chính

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) giảm bậc xếp hạng, có 05/10 chỉ số thành phần PCI giảm bậc là: “Chi phí thời gian”, giảm sâu 32 bậc, xếp thứ 47/63; “Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự” giảm sâu 18 bậc, xếp thứ 62/63; “Cạnh tranh bình đẳng” giảm 10 bậc, xếp thứ 28/63; “Tiếp cận đất đai” giảm 02 bậc, xếp thứ 61/63; “Tính minh bạch” giảm 01 bậc, xếp thứ 19/63. Nguyên nhân là còn mất nhiều thời gian thực hiện một số thủ tục gia nhập thị trường như cấp phép kinh doanh có điều kiện, khó khăn trong tiếp cận đất đai... và các thông tin về quy hoạch, thông tin cung cấp trên website của các cơ quan,... chưa đầy đủ, chưa hữu ích, dẫn đến sự không hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Ngoài ra, môi trường đầu tư, kinh doanh của Hà Nội đang phải cạnh tranh quyết liệt đến từ các địa phương khác.

(6) Lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy: Tình trạng cháy, nổ trên địa bàn còn nguy cơ tiềm ẩn, nhất là các vụ cháy tại các khu dân cư, chung cư cao tầng, cơ sở sản xuất, kinh doanh... Nguyên nhân chủ yếu do ý thức của một bộ phận người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn chưa tuân thủ các quy định của Nhà nước về phòng, chống cháy nổ, sự buông lỏng quản lý của chính quyền địa phương khi để những cơ sở chưa đủ điều kiện phòng cháy, chữa cháy hoạt động. Nguyên nhân khách quan là do cơ sở hạ tầng phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy còn chưa đồng bộ và nhiều bất cập.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

I. DỰ BÁO BỐI CẢNH NĂM 2025

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2021-2025, năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; kỷ niệm 95 năm Ngày Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 50 năm Ngày Giải phóng Miền nam thống nhất đất nước; 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 80 năm Ngày Cách mạng Tháng tám và Quốc khánh 2/9;...

Thế giới đang trong thời kỳ thay đổi có tính thời đại, bước vào giai đoạn thiết lập trật tự thế giới mới. Sự biến chuyển đem đến thời cơ, thuận lợi mới, đồng thời cũng có nhiều thách thức, trong đó thách thức nhiều hơn. Cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các quốc gia; xung đột leo thang ở Ukraina, Trung Đông, Biển Đỏ, căng thẳng gia tăng ở bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan;... giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản, cước vận tải có thể biến động mạnh; kinh tế, thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc; sức ép lạm phát và lãi suất ở một số nền kinh tế dự báo có thể tiếp tục duy trì ở mức cao. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là trí tuệ nhân tạo và công nghệ số đem đến cơ hội mà những quốc gia đang phát triển có thể đi tắt, đón đầu nắm bắt để phát triển vượt bậc.

Nền kinh tế trong nước tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực nhưng khó khăn, thách thức còn rất lớn; các yếu tố bất lợi bên ngoài cùng những hạn chế, bất cập nội tại tiếp tục ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH của nước ta.

Thủ đô Hà Nội có nhiều điều kiện để phát triển; Năm 2025 cũng là năm Luật Thủ đô (sửa đổi) bắt đầu có hiệu lực thi hành, có nhiều quy định mới, mang tính đột phá. Thời gian qua, kinh tế Thủ đô đang dần phục hồi rõ nét, sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, đầu tư, du lịch, tiêu dùng đang có những bứt phá mạnh mẽ, đóng góp nhiều hơn vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên còn những trở ngại, thách thức như: Giá cả tăng cao; doanh nghiệp còn khó khăn; tai nạn giao thông và cháy, nổ phức tạp; quá tải về hạ tầng, ô nhiễm môi trường; thiên tai, dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp... là những khó khăn nội tại ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển KTXH của Thủ đô.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Quán triệt sâu sắc tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong nhận thức và hành động về “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”; nhận thức đầy đủ, đúng đắn và sâu sắc về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng, tiềm năng đặc thù, lợi thế vượt trội của Hà Nội trong sự nghiệp đổi mới; tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm để đưa Thủ đô Hà Nội phát triển mạnh mẽ, toàn diện, xứng đáng với vai trò, vị thế Thủ đô của một đất nước đang bước vào Kỷ nguyên mới.

Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Thủ đô (sửa đổi); Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. Chuẩn bị các cơ chế, chính sách phát triển tăng tốc, đột phá cho giai đoạn phát triển 2026-2030 và năm 2025; Xây dựng các kế hoạch phát triển KTXH, đầu tư công và các chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực 5 năm 2026-2030 gắn với “*tầm nhìn mới - tư duy mới toàn cầu, tư duy Thủ đô và hành động Hà Nội*”.

Quyết tâm hoàn thành và thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, thực hiện 3 chuyển đổi (chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng). Tiếp tục xây dựng hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có tính kết nối cao; đầu tư hạ tầng số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh. Phát triển văn hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống người dân; công tác quốc phòng địa phương và trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

Tiếp tục thực hiện năm chủ đề “**Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo và phát triển**”.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2025

Trên cơ sở xây dựng 5 phương án tăng trưởng: 6%; 6,5%; 7%; 7,5%; 8%. Lựa chọn kịch bản tăng trưởng như sau:

Kịch bản 1 dựa trên giả định thế giới tiềm ẩn nhiều bất ổn, khó dự báo và tình hình trong nước như hiện nay; các yếu tố đầu vào cho tăng trưởng không có yếu tố bất ngờ; đầu tư xã hội tăng 9,5-10,5%, hệ số ICOR khoảng 5 lần (giá hiện hành); GRDP sẽ tăng 6-6,5%; GRDP/người đạt 171,5-172,4 triệu đồng.

Kịch bản 2 (cơ sở) dựa trên giả định năm 2025, tình hình thế giới và khu vực vẫn diễn biến như hiện nay. Các giải pháp về cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy được thực hiện đạt kết quả nhanh, gọn và có hiệu lực, hiệu quả ngay; các động lực tăng trưởng trong nước được đẩy mạnh, tuy nhiên cần thời gian để có đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng; các dự án đầu tư được rà soát, khó khăn dần được tháo gỡ, doanh nghiệp bắt đầu phát triển từ quý 2/2025; niềm tin của doanh nghiệp nâng lên; đầu tư xã hội đạt mức tăng 10,5-12,5% đồng thời hiệu quả đầu tư cao hơn, ICOR đạt dưới 4,4 lần (giá hiện hành); GRDP sẽ đạt mức tăng 6,5-7,5%; GRDP/người đạt 172,4-174 triệu đồng.

Nếu tăng trưởng năm 2024 và 2025 đạt 6,5% thì trung bình 5 năm 2021-2025 GRDP tăng 6,27%.

Kịch bản 3 (cao) giả định tình hình thế giới và khu vực rất thuận lợi, đi vào ổn định; thương mại và đầu tư toàn cầu tăng trưởng cao; sản xuất, kinh doanh trong nước phục hồi mạnh; cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy được thực hiện nhanh, gọn và có hiệu lực, hiệu quả ngay; các động lực tăng trưởng được đẩy mạnh và đóng góp ngay cho tăng trưởng; các dự án đầu tư được rà soát, khó khăn được tháo gỡ và tiến độ thực hiện nhanh và giải ngân đạt tỷ lệ cao; doanh nghiệp phát triển và tỷ lệ dừng hoạt động, giải thể giảm; đầu tư xã hội tăng trên 13,5% đi liền với hiệu quả đầu tư nâng cao, ICOR

đạt dưới 4,1 lần (giá hiện hành); GRDP sẽ tăng trên 8,0%; GRDP/người đạt trên 175 triệu đồng.

Nếu tăng trưởng 2024 đạt 6,5% và 2025 đạt 8% thì trung bình 5 năm 2021-2025 GRDP tăng 6,56%.

Trên cơ sở phân tích như trên, kịch bản 2 được lựa chọn. GRDP năm 2025 tăng từ 6,5% trở lên; GRDP/người từ 172,4 triệu đồng trở lên; Vốn đầu tư thực hiện tăng từ 10,5% trở lên; Kim ngạch xuất khẩu tăng từ 5% trở lên; Kiểm soát chỉ số giá dưới 4,5%; đến cuối năm 2025 không còn hộ nghèo....

Với chỉ tiêu KH 2025 như vậy, dự kiến có 04 chỉ tiêu KTXH 5 năm 2021-2025 không đạt (*xem Phụ lục 05*).

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tập trung phát triển kinh tế, phấn đấu đạt cao nhất các mục tiêu tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và đảm bảo các cân đối lớn của kinh tế Thủ đô

1.1. Làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống:

Thúc đẩy, tạo đột phá cho các động lực tăng trưởng mới: Tiếp tục đẩy nhanh chuyển đổi số một cách sâu rộng, toàn diện, bứt phá, nhất là xây dựng thể chế số thông thoáng, hạ tầng số hiện đại; thúc đẩy chuyển đổi xanh và triển khai hiệu quả trong các ngành, lĩnh vực như năng lượng, giao thông, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp,... Xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể để hỗ trợ, khuyến khích nhằm tăng cường thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực mới, công nghệ cao như chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật,... Đẩy mạnh phát triển kinh tế đô thị, liên kết vùng; phát huy hơn nữa vai trò thành viên Tổ điều phối vùng Đồng bằng sông Hồng.

Nâng cao hiệu quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc, tập trung các dự án ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; các ngành công nghiệp như chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi năng lượng, điện tử - tin học, chế tạo và lắp ráp ô tô, công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghệ cao,... Thực hiện hiệu quả các giải pháp kích cầu tiêu dùng trong nước, đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên tiêu dùng hàng Việt Nam”, trong đó đẩy mạnh thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến, phát triển các sản phẩm OCOP...

1.2. Thực hiện hiệu quả chính sách tiền tệ và tài khóa của Trung ương: Triển khai hiệu quả, kịp thời chính sách của Trung ương về lãi suất, tín dụng để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và các lĩnh vực ưu tiên đủ nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục chỉ đạo các TCTD trên địa bàn đẩy mạnh thực hiện Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay ưu đãi phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; Chương trình tín dụng 15.000 tỷ đồng cho lĩnh vực lâm sản, thủy sản; Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.3. Đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách: Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính – NSNN; Kiểm soát chặt chẽ nguồn thu, mở rộng, bao quát nguồn thu bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, khai thác nguồn thu còn dư địa, tiềm năng; tăng tỷ trọng các khoản thu mang tính bền vững. Triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng NSNN.

1.4. Kiểm soát lạm phát: Đảm bảo cân đối cung - cầu, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Kiểm soát tốt giá cả, thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; tuyên truyền sử dụng tiết kiệm điện; thực hiện các giải pháp kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng dưới 4,5%.

1.5. Quyết liệt tập trung cơ cấu lại nền kinh tế của Thủ đô gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; ưu tiên nguồn lực để thực hiện thành công các đột phá chiến lược, tháo gỡ những ách tắc, điểm nghẽn về thể chế, kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực

Tập trung thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động nhanh, cao và bền vững: Thúc đẩy mạnh mẽ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế giữa các ngành và nội ngành. Thúc đẩy và nâng cao chất lượng phát triển các ngành kinh tế có nhiều lợi thế, tiềm năng của Thành phố như: công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, công nghệ sinh học, dịch vụ logistics, thương mại điện tử, du lịch; hình thành mạng lưới kinh doanh thương mại hiện đại khu vực ngoại thành; phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp và tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, đặc biệt là du lịch văn hóa.

a) Phát triển thương mại, dịch vụ

Nâng cao năng lực nội tại của ngành; hoàn thiện cơ chế thúc đẩy xúc tiến, thương mại, kêu gọi đầu tư phát triển các loại hình thương mại - dịch vụ văn minh, hiện đại như mô hình Outlet, Hệ thống máy bán hàng tự động. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư các loại hình thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án xây dựng mới, xây dựng lại, cải tạo chợ, trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn, với mục tiêu xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế của vùng và cả nước. Phấn đấu năm 2025, phát triển thêm 01 trung tâm thương mại, 06 siêu thị, 15 chợ trên địa bàn.

Nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm và tìm kiếm đối tác đẩy mạnh cơ hội hợp tác, xuất khẩu. Hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin thị trường, về đăng ký, bảo hộ và phát triển thương hiệu, về áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Thúc đẩy Doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài đến năm 2030” nhằm tăng cường các đơn hàng sản xuất phục vụ xuất khẩu, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu tăng từ 5% trở lên.

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, mở rộng hệ sinh thái số các dịch vụ ngân hàng kết nối các ngành, lĩnh vực. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tái cơ cấu sản xuất, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, trong đó chú trọng sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghiệp chủ lực; đẩy mạnh lưu thông các sản phẩm hàng hoá của Hà Nội, nhất là sản phẩm OCOP. Phát triển mạng lưới kinh doanh thương mại hiện đại khu vực ngoại thành. Phát triển mạnh thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến, không dùng tiền mặt. Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội tăng 9-10%.

Tăng cường truyền thông, quảng bá hình ảnh du lịch, các điểm, sản phẩm du lịch mới của Thủ đô trên các kênh truyền thông, truyền hình trong nước và quốc tế, các nền tảng mạng xã hội với thông điệp xuyên suốt là "Hà Nội – Đến để yêu" và "Hà Nội – Điểm đến du lịch an toàn, hấp dẫn". Phần đầu năm 2025 thu hút 7 triệu lượt khách du lịch quốc tế và 23 triệu lượt khách du lịch nội địa. Tiếp tục phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, các tuyến du lịch văn hóa - làng nghề; mô hình du lịch cộng đồng tại các huyện: Mỹ Đức, Quốc Oai, Thạch Thất; mô hình thí điểm phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; nghiên cứu phát triển điểm đến Bảo tàng Bia Hà Nội,... Đẩy mạnh triển khai kế hoạch xúc tiến du lịch tại các thị trường trong nước và tổ chức các chương trình giới thiệu du lịch Hà Nội (Roadshow) tại một số thị trường du lịch quốc tế trọng điểm như: Ấn Độ, EU,... theo hướng chuyên nghiệp, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm tạo dựng hình ảnh điểm đến Hà Nội có chất lượng cao. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh thành phố phát triển tuyến, sản phẩm du lịch liên kết theo từng nhóm sản phẩm thể mạnh, có tính bổ trợ lẫn nhau³¹.

b) Phát triển công nghiệp, xây dựng

Tổ chức triển khai có hiệu quả, phần đầu hoàn thành các mục tiêu đến năm 2025 Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hà Nội giai đoạn 2020-2025. Tăng cường công tác xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ tại các khu, cụm công nghiệp, trong đó ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; tập trung vào các ngành công nghiệp bán dẫn, cơ khí, chế tạo, dệt may – da giày, điện tử - tin học, chế tạo và lắp ráp ô tô, công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghệ cao ...

Hoàn thành triển khai thực hiện Đề án phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực (SPCNCL) giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất SPCNCL phát triển khoa học công nghệ; Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất SPCNCL. Năm 2025, phần đầu thu hút sự tham gia của 20-25 doanh nghiệp với khoảng 30-35 sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp chủ lực, trong đó có 10-15 sản phẩm được công nhận lần đầu; phần đầu 100% các doanh nghiệp sản xuất SPCNCL thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của Thành phố.

Quản lý cụm công nghiệp gắn với thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý cụm công nghiệp đang hoạt động và chuyển đổi số cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thành khởi công, động thổ các cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập. Phần đầu tăng thêm 05 CCN được đưa vào hoạt động nâng tổng số CCN đang hoạt động lên 80 CCN; Thực hiện giám sát, kiểm tra tình hình đầu tư 15-20 CCN trên địa bàn.

Hoàn thành Bộ tiêu chí đánh giá, hướng dẫn xây dựng, phát triển mô hình Trung tâm thiết kế sáng tạo, phần đầu đến hết năm 2025 mỗi huyện, thị xã phát triển được ít nhất 01 Trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch. Đẩy mạnh xây dựng mô hình điển hình chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến hiện đại vào sản xuất công nghiệp -

³¹ Tuyến du lịch văn hóa tâm linh Hà Nội - Hà Nam - Ninh Bình, tuyến du lịch khám phá, trải nghiệm Hà Nội - Sơn La, Hà Nội - Lào Cai - Lai Châu...

tiêu thủ công nghiệp; phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, phát triển sản phẩm mới.

Tổ chức triển khai có hiệu quả Quy hoạch điện VIII; phát triển hệ thống điện Thành phố theo Quy hoạch. Thực hiện các giải pháp an toàn điện, quản lý nhu cầu điện, tiết kiệm điện, thúc đẩy phát triển năng lượng mới và tái tạo. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thực hiện quyết liệt các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các công trình điện trên địa bàn theo đúng Quy hoạch. Hoàn thành và ứng dụng Đề tài khoa học “Nghiên cứu đánh giá tác động và đề xuất giải pháp quản lý hệ thống điện mặt trời mái nhà trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Khuyến khích, hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện dự án điện rác, điện sinh khối; các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển các dự án điện mặt trời mái nhà.

c) Phát triển nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyên canh tập trung, giá trị cao, bền vững và an toàn về sinh thực phẩm gắn với nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, hiện đại hóa nông thôn và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nội ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Giảm diện tích trồng lúa, chuyển đổi diện tích lúa tại các vùng khó khăn về tưới tiêu sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn; đồng thời tăng diện tích lúa chất lượng cao từ 75% trở lên. Mở rộng diện tích trồng rau, hoa, cây cảnh, cây ăn quả; tăng các vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình GAP, VietGAP, rau hữu cơ.

Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu nội ngành chăn nuôi, tăng tỷ trọng sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản; khuyến khích nuôi công nghiệp trên cả diện rộng và quy mô nhỏ, áp dụng nuôi thâm canh, công nghệ cao, thực hành nuôi tốt (GAP). Đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm góp phần đưa ngành chăn nuôi phát triển bền vững, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Phát triển thủy sản theo hướng bền vững, có năng suất, chất lượng cao, gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường sinh thái. Phân đầu diện tích trồng trọt, diện tích nuôi thủy sản, số cơ sở chăn nuôi được chứng nhận GAP tăng 15%/năm.

Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có theo hướng kinh doanh rừng bền vững, tăng giá trị kinh tế đất trồng rừng. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” của Thủ tướng Chính phủ, hoàn thành mục tiêu tỷ lệ cây xanh 8-10m²/người và tỷ lệ độ che phủ rừng 5,6-6,2% vào năm 2025.

Tập trung phát triển các mô hình khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ theo chuỗi giá trị, phân đầu tỷ lệ thực phẩm nông lâm thủy sản được sản xuất, kinh doanh theo chuỗi chiếm 70% tổng sản lượng được tiêu thụ trên địa bàn. Tiếp tục quan tâm đào tạo, cấy nghề, chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn; Phát triển thêm các sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP, phân đầu năm 2025 tăng thêm 400 sản phẩm OCOP. Tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi liên kết, chuỗi giá trị. Thực hiện hiệu quả “Liên kết 4 nhà”, tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng.... Phân đầu đến hết năm 2025, công nhận thêm 35 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 29 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

d) Phát triển mô hình kinh tế mới.

Đẩy mạnh phát triển các loại hình kinh tế đêm thông qua các loại hình dịch vụ văn hóa, vui chơi, giải trí... Thúc đẩy phát triển kinh tế số, thực hiện hiệu quả Chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; quyết tâm phấn đấu tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt 30%; Khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh sử dụng các dịch vụ số trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ... Thường xuyên rà soát, sửa đổi kịp thời các quy định không còn phù hợp, tạo hành lang cho phát triển các mô hình kinh tế mới như: kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế sáng tạo, trí tuệ nhân tạo gắn liền với phát triển công nghệ, kinh tế số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Xây dựng nền quản trị chính quyền địa phương hiện đại, gắn với chuyển đổi số; Thể chế hoá, cụ thể hoá các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước sát với tình hình, điều kiện cụ thể của Thành phố; Xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức

2.1. Tăng cường, nâng cao năng lực và chất lượng công tác thể chế hoá, cụ thể hoá các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước sát với tình hình, điều kiện cụ thể của Thành phố. Vận dụng có hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù mà Bộ Chính trị và Quốc hội đã ưu tiên dành cho Thành phố (như Luật Thủ đô 2024) để cải thiện mạnh mẽ hơn môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần thu hút, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Luật Thủ đô (sửa đổi); nghiên cứu xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để cụ thể hóa Luật Thủ đô, nhất là việc phân cấp, ủy quyền và cơ chế vận hành, triển khai nhiệm vụ để tạo điều kiện phát huy được tiềm năng, thế mạnh cũng như vị trí của Thủ đô và chủ động kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả của các cơ chế, chính sách mới ban hành theo Luật Thủ đô. Bám sát tiến độ triển khai thực hiện Luật Thủ đô đối với 6 nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ; tích cực, chủ động đảm bảo tiến độ đối với 32 nội dung thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố và 11 nội dung thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố.

- Thực hiện công bố Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch Thủ đô, Chương trình phát triển đô thị theo Quy hoạch chung ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt; trong đó, đặc biệt chú trọng các giải pháp cụ thể và tiến độ thực hiện các quy hoạch, nhất là việc ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức làm căn cứ để thực hiện, danh mục các dự án đề kêu gọi nhà đầu tư trong và ngoài nước...

2.2. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số

Thực hiện tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm: tiếp tục *thực hiện cuộc cách mạng chuyển đổi số* với những cải cách mạnh mẽ, toàn diện để điều chỉnh quan hệ sản xuất, tạo động lực mới cho phát triển. Khẩn trương rà soát, sửa đổi kịp thời các quy định không còn phù hợp, tạo hành lang cho các mô hình kinh tế mới như: kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, trí tuệ nhân tạo... đảm bảo khung pháp lý không trở thành rào cản của sự phát triển, đồng thời bảo đảm an ninh quốc gia,

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. *Có cơ chế đột phá thu hút nhân tài*; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền tảng số kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức. Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn. *Tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước*, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính thực chất; phát triển kinh tế số, xây dựng công dân số. Hà Nội quyết tâm phấn đấu đi đầu về chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và hệ thống chính trị.

Thành phố tiếp tục kiên định các quan điểm: (i) Người dân và doanh nghiệp vừa là trung tâm để phục vụ, vừa là chủ thể tham gia sáng tạo trong CCHC, chuyển đổi số và đóng góp sáng kiến xây dựng thủ đô; (ii) Lấy phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích; minh bạch hóa, nâng cao trách nhiệm giải trình và tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào hoạt động của cơ quan nhà nước thông qua ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số; (iii) “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra giám sát, dân thụ hưởng”, kết quả sản phẩm phải hiệu quả thực chất, đem lại giá trị, tiện ích, lợi ích cho người dân, từ đó nâng cao niềm tin của người dân với chính quyền.

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 07/8/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về “Tăng cường kỷ cương, kỷ luật và trách nhiệm giải quyết công việc trong hệ thống chính trị Thành phố Hà Nội”, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; công tác đào tạo, nâng cao kỹ năng xử lý công việc sát với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và kỷ cương hành chính, trách nhiệm công vụ.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thông suốt, nhất quán, đồng thời tăng cường phân cấp, ủy quyền trong từng ngành, lĩnh vực đảm bảo đồng bộ, đầy đủ nhằm tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án (trong ngân sách và ngoài ngân sách), chú trọng đến các công trình lớn, trọng điểm, có tính lan tỏa cao. Khẩn trương rà soát, tổng hợp và tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy trình, thủ tục hành chính, đề xuất phương án thực hiện phân cấp, phân quyền trong giải quyết thủ tục hành chính, nhất là các nhóm có thủ tục hồ sơ hành chính nhiều giao dịch như: tư pháp; đất đai; xây dựng; lao động - thương binh và xã hội; bảo hiểm; thuế...

Tiếp tục thực hiện với các nhiệm vụ được cập nhật và cụ thể hóa tại: Kế hoạch số 57/KH-UBND và Kế hoạch số 239/KH-UBND về công tác chuyển đổi số; Đề án 06; Đề án tổng thể về quản lý hệ thống Camera giám sát; Đề án Thành phố thông minh; Đề án giao thông thông minh; Chiến lược dữ liệu; Hệ thống giám sát an ninh an toàn thông tin SOC... Nâng cao chất lượng hoạt động của “Tổ chuyển đổi số cộng đồng”.

2.3 Xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Thông nhất trong nhận thức và hành động về “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”, tập trung thực hiện sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và đầy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, xác định rõ trách nhiệm giữa các cấp chính quyền Thành phố, giữa người quản lý và người lao động. Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, bảo đảm sự thống nhất trong quản lý nhà nước và phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao khả năng tự chủ, tự cường. Làm tốt công tác chính trị tư tưởng, tạo sự đồng thuận trong thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy. Thành phố phấn đấu gương mẫu trong thực hiện chủ trương lớn quan trọng này của Trung ương.

Thực hiện hiệu quả Đề án sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023-2025. Xây dựng và triển khai thực hiện phương án biên chế, kế hoạch biên chế năm 2025 phù hợp quy định và đáp ứng yêu cầu thực tiễn; chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; cơ chế chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức bộ máy một số cơ quan, đơn vị ở quận, huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thiện bộ máy và triển khai hiệu quả Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao khả năng tự lực, tự cường, trách nhiệm quản trị địa phương. Thực hiện đánh giá kết quả 03 năm triển khai Đề án phân cấp quản lý nhà nước, ủy quyền trên địa bàn Thành phố. Thực hiện rà soát, đánh giá khối lượng công việc sẽ thay đổi (tăng/giảm) khi Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành; đề xuất quan điểm, định hướng về việc phân cấp, phân quyền trong thời gian tới khi Luật Thủ đô hiệu lực; xây dựng quy định phân cấp các ngành, lĩnh vực giai đoạn 2026-2030, trình Thành ủy cho chủ trương (trong quý IV/2025) để kịp thời cho việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2026-2030, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi trong thời kỳ ổn định ngân sách mới.

2.4. Nâng cao thứ hạng các chỉ số PAPI, PCI, PARIndex, SIPAS đo lường chất lượng điều hành, quản trị Thành phố và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao các chỉ số PAPI, SIPAS, PAR Index. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp; thực hiện hiệu quả các giải pháp nâng cao Chỉ số PCI và PGI, tập trung vào các chỉ số thành phần còn thấp. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các thủ tục về quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng và giải phóng mặt bằng. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện xử lý các dự án có sử dụng đất chậm tiến độ trên địa bàn. Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tập trung của Thành phố. Tổ chức vận hành thông suốt Hệ thống quản lý chỉ tiêu kinh tế xã hội và Hệ thống quản lý thông tin dự án đầu tư trên địa bàn thành phố.

Triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương trên địa bàn Thành phố (DDCI).

3. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế; hạ tầng số và công nghệ số, ứng dụng khoa học và công nghệ trong xây dựng thành phố thông minh

Thành phố quyết tâm thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân; củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế từ Thành phố đến cơ sở. Coi trọng phát triển y tế dự phòng, giải quyết căn bản tình trạng “quá tải” các bệnh viện. Lãnh đạo công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm, nhất là đối với nhân lực ở nông thôn, vùng triển khai nhiều dự án đầu tư mới. Quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công, vấn đề an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững; từng bước giảm dần khoảng cách về mức hưởng thụ văn hoá giữa đô thị và nông thôn.

3.1. Phát triển văn hóa, thể thao

Thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển công nghiệp văn hóa Thủ đô theo Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 22/02/2022 của Thành ủy. Tăng cường công tác bảo tồn và phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống, các giá trị văn hóa, di sản gắn với du lịch, xây dựng hình ảnh Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, “Thành phố vì hòa bình”; Thực hiện các cam kết với UNESCO về “Thành phố sáng tạo”. Đánh giá việc triển khai thực hiện “*Quy tắc ứng xử của cán bộ, công nhân viên chức người lao động cơ quan Hà Nội*” và “*Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội*”; Phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống trong việc xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Đẩy mạnh công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, hoàn thành cơ chế quản lý, hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tập trung khai thác hiệu quả thiết chế văn hóa cơ sở thông qua phát triển các mô hình, câu lạc bộ, tổ chức các liên hoan, hội thi, hội diễn, sự kiện giao lưu văn hóa nghệ thuật, thể thao góp phần lan tỏa phong trào, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần từ thành phố tới cơ sở.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 26/8/2022 của Thành ủy triển khai thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị; tập trung xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài trong đó có đội ngũ quản lý, trí thức, chuyên gia, các nhà khoa học hàng đầu, văn nghệ sĩ, nghệ nhân... trong nước và quốc tế tham gia các hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa để phát triển Thủ đô. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa các di sản văn hóa, di sản văn hóa; phong trào thể thao quần chúng và đầu tư cơ sở vật chất, phát triển thể thao thành tích cao.

Đầu tư xây dựng các công trình văn hóa mang tính biểu tượng của thời đại, xứng tầm với Kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Xây dựng và triển khai các sản phẩm văn hóa tiêu biểu, mang thương hiệu của Thủ đô; tiếp tục nâng cấp và phát triển các sản phẩm, hoạt động dịch vụ văn hóa, nghệ thuật tại các di tích như: Tinh hoa Đạo học tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Đêm thiêng liêng tại Nhà tù Hỏa Lò,...

Tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm năm chấn quan trọng của Đất nước và Thủ đô: 95 năm Ngày Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 50 năm Ngày Giải

phóng Miền nam thống nhất đất nước; 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 80 năm Ngày Cách mạng Tháng tám và Quốc khánh 2/9;....

3.2. Phát triển giáo dục, đào tạo

Rà soát sắp xếp mạng lưới trường lớp và hoàn thiện quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên của Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục và đào tạo, thực hiện chương trình giáo dục toàn diện với việc xây dựng mạng lưới hỗ trợ phát triển giáo dục giữa cộng đồng với nhà trường.

Phát triển đội ngũ giáo nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng; Đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng giáo viên theo hướng linh hoạt để các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định; Đa dạng hóa các loại hình bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 06/5/2022 về Kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập để đủ điều kiện đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo; phấn đấu thực hiện công nhận mới 117 trường và công nhận lại 426 trường nhằm đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu 80-85% trường công lập đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục phát triển, giữ vững vị thế dẫn đầu cả nước về sự nghiệp giáo dục - đào tạo, tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của ngành giáo dục; nhân rộng trường chất lượng cao ở tất cả các bậc học, cấp học. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, gắn đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, thị trường lao động.

Phát triển thị trường lao động bền vững, hiệu quả; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động. Khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, gắn đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, thị trường lao động. Thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đem lại từ hợp tác quốc tế cho công tác giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Mở rộng các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài; khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đầu tư, tài trợ, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ và xây dựng một số cơ sở giáo dục trên địa bàn.

3.3. Phát triển y tế

Duy trì tốt hệ thống giám sát, phát hiện bệnh truyền nhiễm. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, giảm tình trạng quá tải bệnh viện. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Phấn đấu: Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa đạt trên 85%; Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt 50%; Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 100%; Thực hiện mục tiêu khám sức khỏe định kỳ cho tất cả người dân Thành phố.

Nâng cao chất lượng công tác dân số; trong đó, chuyên trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; bảo đảm mức sinh thay thế, đưa tỷ lệ giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên. Phấn đấu giảm 0,15% tỷ

lệ sinh con thứ 3 trở lên so với năm 2024. Phát triển các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm các tật, bệnh bẩm sinh, hỗ trợ sinh sản. Phát triển chuyên ngành lão khoa tại các cơ sở y tế; khuyến khích phát triển các cơ sở nuôi dưỡng, chăm sóc người già, người cao tuổi và triển khai các giải pháp nâng cao thể lực, tầm vóc thanh niên Hà Nội.

Tiếp tục quan tâm công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; duy trì hoạt động tuyên truyền, kiểm tra giám sát an toàn thực phẩm bếp ăn tập thể trường học tại 20 trường tiểu học/10 quận, huyện và tiếp tục nhân rộng mô hình kiểm soát an toàn thực phẩm trường tiểu học tại 15 quận, huyện, thị xã với tổng số 324 trường.

Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị y tế cho các trạm Y tế xã/phường/thị trấn nhằm đạt mục tiêu đến hết năm 2025 100% xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã.

3.4. Phát triển hạ tầng số và công nghệ số, ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) trong xây dựng thành phố thông minh

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng cho công nghiệp công nghệ số làm nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số thành phố Hà Nội góp phần xây dựng và hoàn thành 3 trụ cột phát triển: Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển Trung tâm dữ liệu chính, Trung tâm dữ liệu dự phòng, hướng tới hình thành trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung của Thành phố.

Tập trung nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển công nghệ lõi, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, công nghệ chuỗi khối, Internet vạn vật;...

Thành lập và đưa vào vận hành “Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội”, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Hỗ trợ một số doanh nghiệp triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo có hiệu quả để định hướng, dẫn dắt hoạt động đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp; Phấn đấu năm 2025, tỷ lệ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo đạt trên 50%. Ưu tiên thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng và chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý tiên tiến, các công cụ nâng cao năng suất, chất lượng, hỗ trợ áp dụng chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, xây dựng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, nhãn hiệu sản phẩm chủ lực... Hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ đối với các sản phẩm gắn với chương trình OCOP.

Tiếp tục nâng cao chất lượng tuyển chọn các nhiệm vụ KH&CN, phấn đấu mở mới 70 nhiệm vụ KH&CN. Đẩy nhanh phát triển các doanh nghiệp KH&CN, phấn đấu có 200 đơn vị được chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

4. Thực hiện tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách bảo trợ xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng; duy trì 100% hộ gia đình chính sách, người có công có mức sống bằng và cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “*đền ơn đáp nghĩa*”; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, dự án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Thực hiện hiệu quả Chương trình

mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, phấn đấu đến hết năm 2025 hoàn thành mục tiêu cơ bản không còn hộ nghèo.

Phát triển thị trường lao động, hiện đại hóa nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống Sàn giao dịch việc làm. Năm 2025, phấn đấu giải quyết việc làm cho 167.000 lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3%.

Đẩy mạnh đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động, của người sử dụng lao động; Gắn chất lượng đào tạo nghề với ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, đổi mới chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55%.

Mở rộng diện bao phủ và nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phấn đấu tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95,5% dân số và 51% số người tham gia bảo hiểm xã hội trong độ tuổi lao động. Thực hiện hiệu quả, kịp thời các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với đối tượng yếu thế. Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội.

5. Tập trung ưu tiên xây dựng, tạo bước đột phá mạnh hơn nữa về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ và hiện đại; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác quy hoạch, thiết kế đô thị, quản lý quy hoạch kiến trúc, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quản lý đô thị gắn với kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

Tập trung nguồn lực, chủ động phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương và các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng tập trung xây dựng hệ thống giao thông công cộng, nhất là hệ thống đường sắt đô thị; phát triển đường vành đai, đường trên cao, đường cao tốc tạo sự kết nối thông suốt để phát huy tối đa các tiềm lực kinh tế của cả Vùng; sớm hoàn thành đường vành đai 4, triển khai xây dựng đường vành đai 5. Tập trung đầu tư xây dựng các cầu lớn qua sông Hồng (trong đó có cầu Tứ Liên, Ngọc Hồi, Trần Hưng Đạo); xác định sông Hồng là trục cảnh quan chính của Hà Nội, nghiên cứu phát triển về mặt văn hóa, giao thông hai bên sông. Khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông ở Thành phố và các tỉnh lân cận. Phát huy hơn nữa vị trí địa kinh tế, quan tâm đến công tác quy hoạch và ưu tiên đầu tư cho hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông của Thủ đô; Hà Nội cần đẩy mạnh hợp tác, liên kết chặt chẽ với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và các địa phương khác nói chung trong việc hoạch định chiến lược, huy động nguồn lực, cùng chia sẻ thành quả phát triển. Cụ thể:

Đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm; đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội: phấn đấu thông xe Dự án thành phần 2.1 trong quý IV/2025 và khởi công dự án thành phần 3; cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai; dự án đường Vành đai 1, đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục (giai đoạn 1); hầm chui Nút giao đường Vành đai 2,5 với đường Giải Phóng; tuyến đường kết nối đường Pháp Vân - Cầu Giẽ và đường Vành đai 3... và các dự án đường sắt đô thị: đoạn ngầm Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - ga Hà Nội; Tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội số 2, đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo; Công tác chuẩn bị đầu tư các dự án: Tuyến đường sắt đô thị số 2A kéo dài đoạn Hà Đông - Xuân Mai, Tuyến đường sắt đô thị số 3, đoạn ga Hà Nội - Hoàng Mai, Tuyến đường

sắt đô thị số 5 (Văn Cao - Hoà Lạc); Tập trung đầu tư xây dựng các cầu lớn qua sông Hồng: cầu Tứ Liên, Ngọc Hồi, Trần Hưng Đạo,... Nâng cao chất lượng, mở rộng mạng lưới các tuyến xe buýt, từng bước đưa các phương tiện vận tải hành khách công cộng sử dụng năng lượng sạch; Phân đầu nâng tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 20% và xử lý 7-10 điểm thường xuyên ùn, tắc giao thông.

Tăng cường kiểm tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch. Hoàn thiện Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Hà Nội; Chương trình phát triển đô thị; Đề án phân loại đô thị; Quy hoạch phân khu đô thị vệ tinh, Quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn Thành phố; Lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị xây dựng trước năm 1954.... Thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị phải gắn với bảo tồn, phát huy giá trị và khai thác hiệu quả, bền vững các công trình, không gian văn hoá lịch sử đô thị và xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, phát triển; bảo tồn, phục hồi không gian kiến trúc cảnh quan đô thị một số khu vực, tuyến phố có đặc trưng văn hoá.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 – 2030; Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 – 2025;... Phân đầu năm 2025 hoàn thành 4.670 căn nhà ở xã hội với tổng diện tích là 264.000 m².

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ: thực hiện khởi công xây dựng, cải tạo lại 1-2 khu chung cư cũ trong năm 2025; Hoàn thành các dự án phát triển nguồn tập trung và các dự án phát triển mạng cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố cho 108 xã tập trung tại 11 huyện³² đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu 100% hộ dân được cung cấp nước sạch. Đảm bảo duy trì và vận hành ổn định hệ thống thoát nước và các nhà máy/trạm xử lý nước thải hiện có và đẩy nhanh tiến độ để khởi công một số dự án³³ thoát nước, xây dựng hệ thống thu gom, nhà máy xử lý nước thải. Tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư Dự án đầu tư xây dựng chống úng ngập cục bộ cho các quận nội đô và một số huyện ven đô. Hoàn thành kế hoạch trồng mới 500.000 cây xanh đô thị giai đoạn 2021-2025; xây dựng, cải tạo công viên, vườn hoa, trong đó đẩy nhanh tiến độ xây dựng công viên hồ Phùng Khoang, hoàn thành vào đầu năm 2025.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Tập trung giải quyết vấn đề môi trường bằng các giải pháp căn cơ hơn nữa để xử lý các vấn đề về ứng phó với biến đổi khí hậu; cấp, thoát nước, chống úng ngập; xử lý chất thải, xây dựng các nhà máy điện rác; xử lý tận gốc nguồn gây ra ô nhiễm, hồi sinh các dòng sông (như: sông Tô Lịch, sông Tích, sông Bùi, sông Đáy); bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị của hồ Tây và vùng phụ cận.

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tăng nguồn vốn đầu tư (từ nguồn thu về đất) cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; xây dựng cơ chế tăng cường, đa dạng hóa các nguồn vốn để tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất; Khai thác hiệu quả quỹ đất các dự án hạ tầng kỹ thuật và hai bên tuyến đường Vành đai 4 –

³² Sóc Sơn, Thường Tín, Thanh Oai, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Thạch Thất, Quốc Oai, Phúc Thọ, Ba Vì, Đan Phượng

³³ Xây dựng hệ thống thu gom, nhà máy XLNT: Kiến Hưng, Sơn Tây, Tây sông Nhuệ; Hệ thống thu gom về nhà máy XLNT Yên Sở; Xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực Tả sông Nhuệ; Xây dựng thoát nước quận Hà Đông thuộc lưu vực Hữu Nhuệ

Vùng Thủ đô để đấu giá nguồn đất tạo nguồn thu cho ngân sách. Thực hiện xây dựng bảng giá đất; cơ sở dữ liệu về giá đất, bản đồ giá đất Thành phố; hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; có biện pháp kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm trong đấu giá quyền sử dụng đất. Ngăn chặn các trường hợp đã vi phạm quy định về đấu giá không được tiếp tục tham gia đấu giá, các trường hợp tham gia đấu giá, trả giá cao bất thường để trúng đấu giá nhưng không nộp tiền theo quy định.

Lập quy hoạch bảo vệ môi trường Thủ đô đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050; Rà soát, hoàn chỉnh nội dung điều chỉnh quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Hoàn thành xây dựng các Đề án: Phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn Thành phố; Bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - Đáy giai đoạn 2021-2025; Phục hồi chất lượng môi trường và phát triển hệ thống 04 sông nội đô Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét nhằm xử lý tận gốc nguồn gây ra ô nhiễm, hồi sinh các dòng sông, ưu tiên **xử lý môi trường sông Tô lịch**, đảm bảo xanh, sạch, sáng. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm, xử lý ô nhiễm nguồn nước hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải và Đề án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn Thành phố. Bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị của hồ Tây và vùng phụ cận.

Vận hành ổn định hệ thống quan trắc môi trường tự động; ứng dụng công nghệ hiện đại tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát và dự báo, xây dựng kịch bản phòng, chống, xử lý ô nhiễm môi trường. Ứng dụng công nghệ hiện đại, tăng cường năng lực quản lý để kiểm soát và dự báo, xây dựng kịch bản phòng, chống, xử lý ô nhiễm môi trường, an ninh nguồn nước. Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện chất lượng không khí, hạn chế bụi từ các công trình xây dựng, chấm dứt tình trạng đốt chất thải không đúng nơi quy định; phòng, chống rác thải nhựa. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường ở các làng nghề, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Xử lý dứt điểm các điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật. Thực hiện di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường không phù hợp quy hoạch. củng cố hệ thống thủy lợi, các công trình phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tăng cường tổ chức kiểm tra, xử lý các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng, lấn chiếm đất công. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 02/3/2022 của Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác quản lý đất đai và quản lý, khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nghiên cứu xây dựng và ban hành các quy định về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xây dựng “**vùng phát thải thấp**” theo quy định của Luật Thủ đô để các quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố xác định các khu vực phù hợp, xây dựng và triển khai phù hợp với đặc thù, điều kiện, năng lực của địa phương.³⁴

³⁴ Hiện nguồn gây ô nhiễm không khí tại chỗ cho Hà Nội chủ yếu là các nguồn phát thải từ các phương tiện giao thông đường bộ (phương tiện phát thải chính trong giao thông là xe máy, tiếp đến là xe tải và xe taxi) và nguồn bụi đường. Về tỷ lệ đóng góp của các nguồn thải vào nồng độ bụi sơ cấp PM2.5 tại 11 điểm trên địa bàn Thủ đô, mức độ đóng góp của nguồn giao thông (bao gồm cả bụi đường) là cao nhất, trong khoảng từ **58% - 74%** tùy từng thời điểm. Theo số liệu của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Hà Nội là một trong những thành phố có mức độ ô nhiễm không khí cao tại khu vực châu Á.

Qua thống kê, vùng phát thải thấp LEZ đã được triển khai tại **320** thành phố của Châu Âu và con số này sẽ tăng lên **507** vào năm 2025. Tại châu Á, thủ đô các nước và các thành phố cũng đã bắt đầu triển khai LEZ như Bắc Kinh, Tây Ninh, Ngạc Châu (Trung Quốc), Seoul (Hàn Quốc), Jakarta (Indonesia)... Các chính sách của Bắc Kinh, Trung Quốc đối với các

Hà Nội phấn đấu là địa phương đi đầu cả nước trong xây dựng nền kinh tế có mức phát thải thấp, sử dụng tiết kiệm năng lượng; thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển gắn với 3 chuyển đổi (chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng); trước mắt thí điểm sử dụng năng lượng xanh trong các cơ quan Thành phố bắt đầu từ năm 2025, phấn đấu hoàn thành trước năm 2030.

Đặc biệt, để nâng cao ý thức của Nhân dân Thủ đô, trách nhiệm của các cơ quan trong hệ thống chính trị về bảo vệ môi trường, trong đầu tháng 12/2024, Thành phố sẽ phát động **Phong trào thi đua “Hà Nội sạch”**. Đây sẽ là phong trào thi đua **lần đầu** thực hiện ở Hà Nội, **thực hiện đồng bộ các biện pháp**: thu gom, xử lý rác thải, nước thải; cải thiện môi trường không khí; giữ gìn văn minh trật tự đô thị; nâng cao ý thức của nhân dân về bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp tại khu dân cư.

Nghiên cứu **tiêu chí** xác định vùng phát thải thấp (như thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải; Khu vực thường xuyên xảy ra ùn tắc giao thông từ mức độ D đến F theo TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế; Chất lượng không khí trung bình năm đánh giá trong tối thiểu một (01) năm gần nhất không đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí đối với các thông số chính: SO₂, NO₂, Tổng bụi lơ lửng (TSP); Bụi PM₁₀, Bụi PM_{2,5}...). Các **biện pháp** dự kiến áp dụng trong vùng phát thải thấp: 1) Cho phép các phương tiện giao thông không phát thải, phát thải thấp, xe ưu tiên và phương tiện giao thông có giấy phép lưu thông của cơ quan có thẩm quyền được lưu thông trong vùng phát thải thấp; 2) Các xe tải hạng nặng chạy bằng dầu diesel không được lưu thông trong vùng phát thải thấp; 3) Hạn chế hoặc cấm xe ô tô không đáp ứng tiêu chuẩn khí thải mức 4 và xe mô tô, xe gắn máy không đáp ứng tiêu chuẩn mức 2 lưu thông vào vùng phát thải thấp theo khung giờ/ thời điểm hoặc khu vực; 4) Ban hành các loại phí và lệ phí đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có phát thải lưu thông trong vùng phát thải thấp; 5) Thực hiện di dời các trường đại học, bệnh viện, cơ sở sản xuất không phù hợp ra khỏi khu vực nội đô, bố trí tại khu vực thành phố phía Tây (với khu công nghệ cao Hòa Lạc là hạt nhân) theo định hướng tại Nghị quyết số 15 của Bộ Chính trị và định hướng Quy hoạch của Thủ đô nhằm tạo **lợi ích kép** (vừa giảm ùn tắc giao thông, giảm tải lưu lượng học sinh, sinh viên (gần 1 triệu người) tham gia giao thông, giảm ô nhiễm môi trường không khí, vừa tạo điều kiện thực hiện khâu đột phá về nguồn nhân lực chất lượng cao); 6) Thực hiện nghiêm ngặt các quy chuẩn, tiêu chuẩn về phát thải trong xây dựng các công trình trên địa bàn Thành phố, có biện pháp chống ô nhiễm bụi vật liệu xây dựng, bụi công trình.

7. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

Bám sát các nhiệm vụ đối ngoại trọng tâm của Đảng và Nhà nước; xác định rõ các mục tiêu đối ngoại trong từng lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa để chủ động xây dựng kế hoạch tích hợp, lồng ghép trong các sự kiện đối ngoại; tổ chức các hoạt động đối ngoại có chọn lọc, ưu tiên, phù hợp với đối tác, tiềm năng và nhu cầu của Thành phố.

khu vực phát thải thấp chủ yếu bao gồm việc loại bỏ và nâng cấp các xe tải cũ cũng như xe buýt cỡ lớn và vừa đáp ứng tiêu chuẩn khí thải Quốc gia IV trở xuống; đẩy mạnh các phương tiện sử dụng năng lượng mới, đồng thời cung cấp các khoản trợ cấp tương ứng cho việc loại bỏ các loại xe tải cũ và nâng cấp xe tải chạy năng lượng mới. Đồng thời, Thành phố Bắc Kinh xác định khu vực cấm sử dụng phương tiện phi đường bộ phát thải cao bao gồm: nâng cao tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện máy móc mới được sản xuất và tiêu thụ, mã hóa và đăng ký thông tin phương tiện phi đường bộ, khoanh vùng cấm sử dụng phương tiện phi đường bộ phát thải cao, tăng cường kiểm tra, giám sát, xử phạt...

Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại kinh tế, tạo môi trường đầu tư thuận lợi. Duy trì tăng cường, phối hợp với các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài thiết lập cơ chế cung cấp thông tin hai chiều, nắm bắt cơ hội và thúc đẩy các hoạt động xúc tiến song phương, đa phương. Tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các cấp các ngành để tạo bước tiến mạnh mẽ về thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh, phát triển văn hóa - xã hội, từng bước tạo dấu ấn riêng của thành phố Hà Nội. Chủ động lồng ghép các hoạt động đối ngoại văn hóa với các đoàn công tác, xúc tiến và hoạt động đón đoàn nước ngoài vào Hà Nội.

Tăng cường hội nhập quốc tế, thực hiện đồng bộ và hiệu quả các FTA đã có hiệu lực, các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP) các cam kết trong WTO và Cộng đồng kinh tế ASEAN.

8. Quyết liệt phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

Tập trung giải quyết triệt để các nguyên nhân dẫn đến ***lãng phí tài sản công***, tài nguyên thiên nhiên trên tinh thần người dân Thủ đô và mỗi cán bộ, công chức, viên chức, các cấp chính quyền thành phố Hà Nội cùng đồng lòng chống lãng phí với trách nhiệm cao nhất, thúc đẩy đưa các tài nguyên, tiềm năng của Thành phố trở thành động lực và nguồn lực phát triển Thủ đô Hà Nội, thực sự mang lại lợi ích cho xã hội. ***Xây dựng văn hóa phòng, chống lãng phí***; đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành “tự giác”, “tự nguyện”, “com ăn nước uống, áo mặc hàng ngày”. Xây dựng văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí trong các cơ quan, tổ chức; khuyến khích Nhân dân tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo thói quen quý trọng tài sản của Nhà nước, của xã hội; coi việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ hằng ngày. Thực hiện đồng bộ các giải pháp xây dựng văn hóa tiết kiệm, ý thức tiết kiệm; tư duy làm việc khoa học, quản lý thời gian hiệu quả, hình thành trách nhiệm đạo đức xã hội gắn với thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật.

UBND Thành phố đã chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch chống lãng phí của Thành phố gồm **4 vấn đề lớn với 26 nhiệm vụ** cụ thể trong năm 2025 và các năm tiếp theo; coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu; thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra công tác phòng chống lãng phí trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội: dự án đầu tư, quản lý tài sản công, đất đai, tài nguyên, thể chế, tinh gọn bộ máy trong hệ thống chính trị...

Thành phố phấn đấu gương mẫu đi đầu trong triển khai thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về công tác phòng chống lãng phí, đảm bảo đồng bộ, thiết thực, có kết quả cụ thể, đưa công tác này trở thành ***nhiệm vụ thường xuyên của cả hệ thống chính trị, có sự tham gia tích cực của nhân dân*** (như phản ánh trên ứng dụng công dân số Thủ đô iHanoi, Cổng thông tin điện tử Thành phố) để giải quyết triệt để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các nguồn lực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

Thực hiện tốt Luật Tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc phức tạp, kéo dài.

Triển khai hiệu quả các hoạt động của “Ban chỉ đạo phòng chống lãng phí của Thành phố”; tiếp tục triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các giải pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc quản lý và sử dụng vốn

của các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm, thu hồi triệt để tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục ý thức chấp hành, thực thi pháp luật và triển khai đồng bộ các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Xây dựng văn hóa phòng chống lãng phí. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan thông tin, truyền thông và Nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực.

9. Đảm bảo quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Đảm bảo các phương án, kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, sự kiện chính trị, quốc tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại quan trọng, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến Việt Nam diễn ra trên địa bàn Thủ đô. Phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động lợi dụng khiêu khích đông người, các sự kiện chính trị, xã hội nhạy cảm để kích động biểu tình, chống đối chính quyền, gây rối an ninh, trật tự.

Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ tại các sở, ban, ngành và quận, huyện, thị xã theo kế hoạch. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh gắn với phát triển KTXH và KTXH gắn với quốc phòng, an ninh; các chính sách hậu phương quân đội, đền ơn đáp nghĩa, giáo dục quốc phòng - an ninh, đối ngoại quân sự...

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự. Đẩy mạnh phòng, chống tỷ lệ tội phạm về tín dụng đen, lừa đảo qua mạng; đảm bảo an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước, nhất là trên môi trường mạng. Phát huy, khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác an ninh và thực hiện dịch vụ công tại cơ sở. Đấu tranh hiệu quả với tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng vũ khí, vật liệu nổ gây án, tội phạm liên quan đến “tín dụng đen”, “núp bóng” doanh nghiệp cho vay nặng lãi. Tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm chế, giảm tai nạn và ùn tắc giao thông. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, khắc phục các vi phạm về phòng cháy, chữa cháy. Chủ động các phương án, kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, đơn vị tăng cường công tác phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, cứu nạn, cứu hộ.

10. Tăng cường công tác phối hợp giữa UBND Thành phố với Thường trực HĐND, Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố, các Ban của HĐND, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội; nâng cao vai trò của mỗi cơ quan trong việc phối hợp công tác, giám sát thực hiện nhiệm vụ chính trị, thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, đột xuất; nâng cao hiệu quả công tác tiếp xúc cử tri theo quy định; công tác phản biện xã hội đối với những quyết định lớn của HĐND, UBND Thành phố. Quan tâm tiến độ, chất lượng trả lời và phối hợp giải quyết những vấn đề dân sinh bức xúc. Phối hợp tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện nếp sống văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Phối hợp triển khai công tác đảm bảo an sinh xã hội, vận động ủng hộ người nghèo,... phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2025 và những năm tiếp theo.

11. Chuẩn bị văn kiện Đại hội Đảng bộ Thành phố khóa XVIII nhiệm kỳ 2026-2030; công tác xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 đảm bảo chất lượng.

Trên đây là Báo cáo “*Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025*”. UBND Thành phố kính báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Các phòng chuyên môn,
- Lưu: VT, KTTH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Minh Hải

Phụ lục 01: Kịch bản tăng trưởng năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Hà Nội)

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2021	2022	2023	2024		2021- 2024	PA1		PA2		PA3		PA4		PA5	
							9 T	Ư TH Năm		2025	2021- 2025	2025	2021- 2025	2025	2021- 2025	2025	2021- 2025	2025	2021- 2025
1	GRDP (giá hh) cuối kỳ	1.000 tỷ đ.	1.017,6	1.069,1	1.190,5	1.291		1.401,9		1.520,8		1.528,0		1.535,2		1.542,3		1.553,2	
2	GRDP (giá ss) cuối kỳ	1.000 tỷ đ.	689,3	709,5	773,1	823,5		877,0		929,6		934,0		938,4		942,7		947,1	
3	Tăng trưởng GRDP	%	4,11	2,94	8,96	6,52	6,12	6,50	6,21	6,00	6,17	6,50	6,27	7,00	6,36	7,50	6,46	8,00	6,56
4	Vốn đầu tư phát triển	1.000 tỷ đ.	414,7	408,9	454,4	496,5	351,8	548,65	1.909	600,5	2.509	606,3	2.515	611,7	2.520	617,2	2.526	622,7	2.531
	- Tăng trưởng	%	9,32	-1,39	11,13	9,26	9,70	10,50	7,25	9,5	7,69	10,5	7,89	11,5	8,09	12,5	8,28	13,5	8,47
	- Tỷ trọng trong GDP	%	40,75	38,25	38,17	38,5		39,1	38,5	39,5	38,8	39,7	38,8	39,8	38,8	40,0	38,9	40,1	38,9
5	Hệ số ICOR (giá h.h.)	-	8,89	7,94	3,74	4,96		4,93	4,97	5,05	4,99	4,81	4,93	4,59	4,87	4,40	4,81	4,12	4,73
6	Dân số	1.000 tỷ đ.	8.246,5	8.330,8	8.435,6	8.587,1		8.723,2		8.865,3									
7	GRDP/người (giá h.h.)	Triệu đ.	123,4	128,3	141,1	150,3		160,7		171,5		172,4		173,2		174,0		175,2	
8	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	15.159,0	15.489,0	17.040,0	16.656	14.447	19.577		20.458		20.556		20.654		20.752		20.850	
9	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	29.029,0	35.009,0	40.260,0	37.527	30.465	40.529		43.900		43.960		44.050		44.200		44.300	
10	Chỉ số giá tiêu dùng	%	2,67	1,77	3,40	2,04	4,88	<4,0		<4,5		<4,5		<4,5		<4,5		<4,5	

Kịch bản 1 dựa trên giả định tình hình thế giới vẫn tiềm ẩn bất ổn, khó dự báo và trong nước như hiện nay; các yếu tố đầu vào cho tăng trưởng không có yếu tố bất ngờ; đầu tư xã hội tăng 9,5-10,5%; ICOR khoảng 5 lần (giá hiện hành); GRDP tăng 6-6,5%; GRDP/người 171,5-172,4 triệu đồng.

Kịch bản 2 (cơ sở) giả định tình hình thế giới và khu vực như hiện nay; cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy được thực hiện nhanh, gọn và có hiệu lực, hiệu quả ngay; các động lực tăng trưởng trong nước được đẩy mạnh, tuy nhiên cần thời gian để đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng; các dự án đầu tư được rà soát, khó khăn dần được tháo gỡ, doanh nghiệp bắt đầu phát triển từ quý 2/2025; đầu tư xã hội tăng 10,5-12,5%; hiệu quả đầu tư cao hơn, ICOR đạt dưới 4,4 lần (giá hiện hành); GRDP tăng 6,5-7,5%; GRDP/người đạt 172,4-174 triệu đồng.

Kịch bản 3 (cao) giả định tình hình thế giới và khu vực rất thuận lợi, đi vào ổn định; thương mại và đầu tư toàn cầu tăng trưởng cao; sản xuất, kinh doanh trong nước phục hồi mạnh; cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy được thực hiện nhanh, gọn và có hiệu lực, hiệu quả ngay; các động lực tăng trưởng được đẩy mạnh và đóng góp ngay cho tăng trưởng; các dự án đầu tư được rà soát, khó khăn được tháo gỡ và tiến độ thực hiện nhanh và giải ngân đạt tỷ lệ cao; doanh nghiệp phát triển và tỷ lệ dừng hoạt động, giải thể giảm; đầu tư xã hội tăng trên 13,5% đi liền với hiệu quả đầu tư nâng cao, ICOR đạt dưới 4,1 lần (giá hiện hành); GRDP tăng trên 8,0%; GRDP/người đạt trên 175 triệu đồng.

Nếu tăng trưởng 2024, 2025 đạt 6,5% (PA2) thì trung bình 5 năm 2021-2025 GRDP tăng 6,27%.

Nếu tăng trưởng 2024 đạt 6,5% và 2025 đạt 8% (PA5) thì trung bình 5 năm 2021-2025 GRDP tăng 6,56%.

Phụ lục 02: Tăng trưởng GRDP theo quý

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Hà Nội)

T T	Chỉ tiêu	Kết quả tăng trưởng năm 2023				
		Năm 2023	Q I	Q II	Q III	Q IV
1	GRDP	6,27	5,81	5,91	6,22	7,01
-	Dịch vụ	7,26	7,66	6,51	6,92	7,84
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	3,13	1,44	3,18	4,59	3,31
-	Công nghiệp, xây dựng	5,29	2,39	5,75	5,32	6,64
+	<i>Công nghiệp</i>	<i>4,57</i>	<i>1,75</i>	<i>5,52</i>	<i>4,48</i>	<i>5,93</i>
+	<i>Xây dựng</i>	<i>6,49</i>	<i>3,85</i>	<i>6,13</i>	<i>6,81</i>	<i>7,6</i>
-	Nông nghiệp	2,74	2,14	3,04	2,27	3,33
2	Vốn đầu tư xã hội, tỷ đồng	496.518	79.744	110.841	130.069	175.864
-	<i>Vốn đầu tư xã hội, tăng %</i>	<i>9,26</i>	<i>8,6</i>	<i>8,8</i>	<i>9,5</i>	<i>9,7</i>
3	Kim ngạch xuất khẩu, triệu USD	16.656	3.795	4.212	4.358	4.348
-	<i>Kim ngạch xuất khẩu, tăng %</i>	<i>-2,8</i>	<i>-2,7</i>	<i>-4,4</i>	<i>-0,1</i>	<i>-2,6</i>
4	Doanh nghiệp thành lập mới, DN	31.660	7.496	8.388	6.658	7.888
-	<i>Doanh nghiệp thành lập mới, tăng %</i>	<i>7,1</i>	<i>15</i>	<i>-6,8</i>	<i>-4,8</i>	<i>11,1</i>

T T	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Quý I/2024		Quý II/2024		Q III/2024		Q IV/2024	
			Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	ƯTH
1	GRDP tăng, %	6,5-7,0	5,8-6,3	5,44	6,2-6,7	6,81	6,7-7,6	6,06	7,2-8,1	7,47
-	Dịch vụ	6,9-7,4	6,3-6,8	5,98	6,5-7,1	7,81	7,1-7,9	6,48	7,4-8,3	7,82

T T	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Quý I/2024		Quý II/2024		Q III/2024		Q IV/2024	
			Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	ƯTH
-	Công nghiệp, xây dựng	6,6-7,5	5,9-6,4	5,12	6,9-7,3	5,71	7,4-8,4	6,22	8,0-9,3	7,35
+	<i>Công nghiệp</i>	6,4-7,3	5,5-6,0	5,09	6,5-6,9	5,63	6,7-8,4	6,28	7,6-9,0	7,68
+	<i>Xây dựng</i>	6,9-7,8	6,8-7,3	5,17	7,5-7,8	5,8	7,4-8,5	6,12	8,1-9,7	6,90
-	Nông, lâm nghiệp và Thủy sản	2,6-3,0	2,4-3,0	4,27	2,2-2,2	2,31	2,3-3,3	0,66	2,3-3,0	2,61
-	Thuế sản phẩm	4,4-4,5	3,5	2,,92	4,20	3,70	4,2-4,5	3,99	4,7-4,8	6,33
2	Vốn đầu tư xã hội, tỷ đồng	548.640	-	86.550	122.234	121.161	143.819	143.928	196.037	197.000
-	<i>Vốn đầu tư xã hội, tăng %</i>	10,50	-	8,53	10,28	9,31	10,57	10,66	11,47	12,02
3	Kim ngạch xuất khẩu, triệu USD	17.489	-	4.212	4.400	4.624	4.680	5.611	4.550	5.130
-	<i>Kim ngạch xuất khẩu, tăng %</i>	5,0	-	11,0	4,5	9,8	7,4	28,8	4,6	18,0
5	Doanh nghiệp thành lập mới, DN	32.500	-	6.886	7.651	7.651	8.076	7.303	9.280	8.600
-	<i>Doanh nghiệp thành lập mới, tăng %</i>	5,0	-	-8,1	-8,7	-8,78	21,2	9,69	17,6	9,03

Phụ lục 03: Chỉ tiêu phát triển KTXH của Thành phố Hà Nội (Quyết định 4380/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của UBND Thành phố)
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Hà Nội)

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ															
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)		Quý, năm	Cục Thống kê HN											Sở KH&ĐT
-	GRDP theo giá so sánh	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	661,43	689,05		709,49	772,98	821,485	876,81		871,67		Sở KH&ĐT
+	Dịch vụ	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	422,86	439,07		455,32	502,12	538,499	576,22		572,91		Sở KH&ĐT
+	Thuế sản phẩm	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	77,41	78,65		79,60	83,86	86,482	90,37		90,78		Cục Thống kê HN
+	CN-XD	1.000 tỷ đ.		Cục Thống kê HN	146,91	156,43		159,19	171,21	180,274			191,25		
-	Công nghiệp	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	92,20	96,98		98,87	106,67	111,551	119,36		118,24		Sở CT
-	Xây dựng	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	54,72	59,45		60,32	64,54	68,72	74,22		73,02		Sở XD
+	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	14,25	14,89		15,38	15,80	16,230	16,64		16,73		Sở NN&PT NT
-	GRDP theo giá hiện hành	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	973,36	1.181,40		1.069,08	1.194,91	1.297,134			1.415,03		Sở KH&ĐT
+	Dịch vụ	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	621,69	643,16		677,36	755,40	830,94			918,79		Sở KH&ĐT
+	Thuế sản phẩm	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	109,69	112,41		116,86	127,54	133,85			144,25		Cục Thống kê HN
+	Công nghiệp	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	150,21	161,40		166,67	190,54	200,83			207,17		Sở CT
+	Xây dựng	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	72,17	241,58		84,01	96,61	105,97			116,53		Sở XD

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	ƯTH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
+	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	19,61	22,85		24,17	24,83	25,542			28,30		Sở NN&PT NT
2	Cơ cấu GRDP	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN	192,6	179,6	100,0	100,0	100,0	100,0	-	100,0	100,0	-	Sở KH&ĐT
-	Dịch vụ	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN	63,87	54,44	65-65,5	63,36	63,22	64,06		66,91	64,93		Sở KH&ĐT
-	Thuế sản phẩm	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN	11,27	9,51	10,4- 10,6	10,93	10,67	10,32		10,61	10,19		Cục Thống kê HN
-	Công nghiệp	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN	15,43	13,66		15,59	15,95	15,48		13,6	14,64		Sở CT
-	Xây dựng	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN	100,00	100,00		7,86	8,09	8,17		6,7	8,23		Sở XD
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN	2,01	1,93	1,4-1,6	2,26	2,08	1,97		2,18	2,00		Sở NN&PT NT
3	Tốc độ tăng GRDP	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN	7,72	4,18	7,5-8,0	2,97	8,95	6,27	6,50	6,00	6,11	6,50	Sở KH&ĐT
-	Dịch vụ	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN		3,83	8,0-8,5	3,70	10,28	7,25	7,00	6,55	6,39		Sở KH&ĐT
-	Thuế sản phẩm	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN		1,61	3,5-4,0	1,21	5,35	3,13	4,50	4,38	4,97		Cục Thống kê HN
-	Công nghiệp	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN		5,19	7,5-8,0	1,95	7,89	4,57	7,00	5,33	5,99		Sở CT
-	Xây dựng	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN		8,66	10-10,5	1,46	6,99	6,49	8,00	5,45	6,25		Sở XD
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN		4,54	2,5-3,0	3,28	2,70	2,74	2,50	2,94	3,05		Sở NN&PT NT
4	GRDP bình quân đầu người	Tr.đồ ng	Năm	Cục Thống kê HN		143,3	192- 196	128,3	141,7	151,1	160,8		162,2	172,4	Sở KH&ĐT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
5	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	379,31	414,66	3.100-3.200	408,9	454,4	496,5	548,64	208,70	548,64	606,26	Sở KH&ĐT
-	Vốn khu vực Nhà nước	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	135,56	141,83		150,5	163,6	177,2			192,8		Sở KH&ĐT
	Tr.đó, Nguồn NSNN do ĐP quản lý	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN	-	-		43,4	46,5	52,1					Sở KH&ĐT
-	Vốn khu vực ngoài Nhà nước	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	201,18	246,29		229,4	261,4	286,9			319,978		Sở KH&ĐT
-	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	Cục Thống kê HN	42,58	26,55		29,0	29,5	32,5			35,911		Sở KH&ĐT
6	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP	%	Năm	Cục Thống kê HN	38,97	35,10		38,25	38,03	38,28	39,98		38,77	39,44	Sở KH&ĐT
7	Vốn đầu tư có yếu tố nước ngoài	Triệu USD	Tháng, quý, năm	Sở KH&ĐT		3837	10.173,1	1.524,6	1.774,5	2.943,0	2.000,0	-	2.015,2	2.100,0	Sở KH&ĐT
-	Cấp mới	Triệu USD	Tháng, quý, năm	Sở KH&ĐT		895	2.264,3	237,6	236,2	441,0	700,0		1.271,3	500,0	Sở KH&ĐT
-	Điều chỉnh	Triệu USD	Tháng, quý, năm	Sở KH&ĐT		1331	3.236,9	838,8	904,6	307,0	600,0		329,5	1.300,0	Sở KH&ĐT
-	Góp vốn, mua cổ phần	Triệu USD	Tháng, quý, năm	Sở KH&ĐT		1611	4.671,9	448,2	633,7	2.195,0	700,0		414,4	300,0	Sở KH&ĐT
8	Đầu tư trong nước vốn ngoài NSNN														
-	Số dự án đầu tư bằng nguồn vốn trong nước ngoài NSNN được cấp chủ trương đầu tư	Dự án	Tháng, quý, năm	Sở KH&ĐT					9	2					Sở KH&ĐT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
-	Số vốn đầu tư bằng nguồn vốn trong nước ngoài NSNN được cấp chủ trương đầu tư	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở KH&ĐT					3,383	1					Sở KH&ĐT
9	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	DN	Tháng, quý, năm	Sở KH&ĐT		26587	133.636	24.016	29.571	31.660	32.500	15.602	31.893	32.850	Sở KH&ĐT
10	Tổng vốn đăng ký của DN thành lập mới	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở KH&ĐT		409	1.741	345	330	354	380	143	323	333	Sở KH&ĐT
11	Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động	DN	Quý, năm	Cục Thuế HN	168.112	177.645	228.300	188.710	196.157	206.045	252.000	205.113	216.890	228.300	Sở KH&ĐT
-	Số DN đang hoạt động có kết quả SXKD tại thời điểm 31/12 hàng năm	DN	Quý, năm	Cục Thuế HN	116.253	133.131		141.423	147.004	152.652		151.508	158.510	164.600	Sở KH&ĐT
-	Số lao động trong DN đang hoạt động tại thời điểm 31/12 hàng năm	1.000 người	Quý, năm	Cục Thuế HN		3994		4.082	4.194	4.331					Sở KH&ĐT
12	Số doanh nghiệp giải thể	DN	Tháng, quý, năm	Sở KH&ĐT		2529	9.594	3.104	3.612	3.760		2.169	4.072	4.886	Sở KH&ĐT
13	Số DN đang chờ làm thủ tục giải thể	DN	Tháng, quý, năm	Sở KH&ĐT		2954		4.279	4.447	5.233		2.652	4.667	5.600	Sở KH&ĐT
14	Số DN đăng ký tạm ngừng hoạt động	DN	Tháng, quý, năm	Sở KH&ĐT		10201		11.858	16.361	19.894		16.485	24.526	29.431	Sở KH&ĐT
15	Số DN quay trở lại hoạt động	DN	Tháng, quý, năm	Sở KH&ĐT		6062		9.658	9.722	8.575		5.691	9.977	10.974	Sở KH&ĐT
16	HTX, liên hiệp HTX														
-	Số lượng hợp tác xã	HTX	Năm	Sở KH&ĐT		2164		2.277	2.375	2.538	2.608	2.606	2.628	2.698	Sở KH&ĐT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
-	Số lượng liên hiệp hợp tác xã	LH HTX	Năm	Sở KH&ĐT		17		18	22	23	24	24	24	26	Sở KH&ĐT
17	Số dư huy động vốn của tổ chức tín dụng	Tỷ đồng	Tháng, quý, năm	NHNN TP HN	3.543.239	3.869.780		4.241.521	4.963.103	5.335.560		5.692.190	5.752.801		Sở KH&ĐT
18	Dư nợ tín dụng của tổ chức tín dụng	Tỷ đồng	Tháng, quý, năm	NHNN TP HN	1.881.053	2.183.222		2.536.887	2.946.061	3.616.993		4.153.225	4.201.137		Sở KH&ĐT
19	Dư nợ cho vay của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội	Tỷ đồng	Quý, năm	Quỹ ĐTPT TP HN	713,25	1.004,55		724,62	595,71	1.304,70	1.864,94		910,16	1.658,04	Sở KH&ĐT
20	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở TC	270,02	287,57	1.405,02	324,13	333,76	411,50	408,55	259,01	492,31	505,44	Sở TC
-	Thu nội địa, tr.đó:	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở TC	247,76	266,75	1.300,59	299,55	303,91	381,26	378,53	244,94	461,92	473,90	Cục Thuế HN
+	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở TC	21,97	26,82	127,70	16,53	14,48	15,01	36,10	10,53	36,10	42,50	Sở TN&MT
+	<i>Thu từ xổ số kiến thiết</i>	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở TC	0,28	0,33	1,85	0,30	0,29	0,33	0,33	0,18	0,35	0,36	Sở TC
-	Thu từ dầu thô	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở TC	3,31	2,09	5,45	1,97	2,90	4,53	3,00	2,00	4,50	4,20	Cục Thuế HN
-	Thu từ xuất, nhập khẩu	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở TC	18,93	18,7	98,98	22,58	26,32	24,25	27,00	12,03	25,87	27,32	Cục Hải quan
-	Thu khác	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở TC	0,01	0,03		0,03	0,62	1,46	0,02	0,05	0,02	0,02	Sở TC
21	Chi ngân sách nhà nước	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở TC	79,71	87,9	613,72	84,55	92,92	110,49	146,43	44,46	125,45	165,99	Sở TC
-	Chi đầu tư phát triển	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở TC	33	42,59	299,19	37,64	44,37	57,05	81,03	19,48	67,00	87,13	Sở KH&ĐT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	ƯTH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
-	Chi thường xuyên	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở TC	46,18	45,00	272,49	46,90	48,18	53,37	57,25	24,94	58,39	70,77	Sở TC
22	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN	569,44	584,59		566,14	727,89	800,18	880,20	408,40	853,23		Sở CT
-	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN		2,66		-3,16	28,57	9,93	10,00	10,70	10,80	9-10	Sở CT
23	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN				377,6	442,0	486,3		260,926	538,74		Sở CT
24	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN				50,9	96,9	107,8		52,337	117,38		Sở Du lịch
25	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN	119,21	130,18		127,8	167,5	194,5	223,70	107,06	219,84		Sở GTVT
26	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN				3,4	14,1	20,7		13,144	28,23		Sở Du lịch
27	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN	5,28	-0,31		2,55	2,83	2,04	< 4,0	5,3	4,1-5,1	< 4,0	Sở CT
28	Tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Triệu USD	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN	47.331	44.188		50.498	58.191	54.183	57.851	48.635	60.106		Sở CT
-	Tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu	Triệu USD	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN	15.695	15.159		15.489	17.132	16.656	17.322	15.467	19.577		Sở CT
+	<i>Trong đó: Thủ tục XK tại Hải quan Hà Nội</i>	Triệu USD		Cục Hải quan HN				8.424	8.820	8.302					
-	Tổng trị giá hàng hóa nhập khẩu	Triệu USD	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN	31.636	29.029		35.009	41.059	37.527	40.529	33.168	40.529		Sở CT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
+	<i>Trong đó: Thủ tục NK tại Hải quan Hà Nội</i>	Triệu USD		Cục Hải quan HN				12.898	13.007	10.964					
29	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN	8,50	4,70		4,80	8,8	3,0	8,0	5,6			Sở CT
30	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	Năm	Cục Thống kê HN				13,67	13,98	13,53					Sở CT
-	Sản phẩm công nghiệp chủ yếu		Năm	Cục Thống kê HN											Sở CT
+	Bia các loại	Triệu lít	Năm	Cục Thống kê HN				342	389	369					Sở CT
+	Thuốc lá	Triệu bao	Năm	Cục Thống kê HN				1.679	1.752	1.871					Sở CT
+	Động cơ điện	Chiếc		Cục Thống kê HN				52.177	52.500						
+	Lắp ráp xe máy	Chiếc		Cục Thống kê HN				496.060	550.663						
															
31	Số lượng CCN đang hoạt động	Cụm	Năm	Sở CT	70	70	70	70	70	70	85	73	75	80	Sở CT
32	Cụm công nghiệp														
-	Tổng diện tích đất các CCN theo QH	Ha	Năm	Sở CT	3.204,31	3.204,31		3.220,04	3.220,04	3.220,04	3.220,04	3.220,04	3.220,04	3.220,04	Sở CT
-	Tổng diện tích đất các CCN đã thành lập	Ha	Năm	Sở CT		2.110		2.110	2.110	2.110	2.378	2.110	2.378	2.786	Sở CT
-	Tổng diện tích đất các CCN đang hoạt động	Ha	Năm	Sở CT		1.392		1.392	1.392	1.392		1.421	1.592	1.631	Sở CT
33	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các CCN	%	Năm	Sở CT		84		84	84	84	84	83	84	84	Sở CT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
34	Số lượng KCN đang hoạt động	Khu	Năm	BQL KCN-CX	10	10	12-15	10	10	10	11		10	10	BQL KCN-CX
35	Đất các KCN														
	Tổng diện tích đất các KCN theo QH	Ha	Năm	BQL KCN-CX	2.975	2.975	2.975	2.975	2.975	2.975	2.975		2.973	2.973	BQL KCN-CX
	Tổng diện tích đất các KCN đã thành lập	Ha	Năm	BQL KCN-CX	1.709	1.709	2.629	2.011	2.011	2.011	2.486		2.565	2.565	BQL KCN-CX
	Tổng diện tích đất các KCN đang hoạt động	Ha	Năm	BQL KCN-CX	1.348	1.348	2.000	1.348	1.348	1.348	1.408		1.348	1.348	BQL KCN-CX
36	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các KCN	%	Năm	BQL KCN-CX	91	91	70	91	93,7	97	92		97	97	BQL KCN-CX
37	Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại														
-	Số lượng chợ	Chợ	Năm	Sở CT	455	458	462	458	458	453	463	455	460	475	Sở CT
+	Loại 1	Chợ	Năm	Sở CT	15	15	15	15	15	15	15	15	16	16	Sở CT
+	Loại 2	Chợ	Năm	Sở CT	57	57	57	57	57	58	58	59	60	65	Sở CT
+	Loại 3	Chợ	Năm	Sở CT	351	354	366	354	354	349	366	350	356	366	Sở CT
+	Chưa phân hạng	Chợ		Sở CT	32	32	24	32	32	31	24	31	28	28	
-	Số lượng siêu thị	Siêu thị	Năm	Sở CT	141	130	0	123	134	143	146	130	134	140	Sở CT
+	Hạng 1	Siêu thị	Năm	Sở CT	30	22		21	21	22	23	18	18	20	Sở CT
+	Hạng 2	Siêu thị	Năm	Sở CT	43	42		39	42	45	48	42	42	45	Sở CT
+	Hạng 3	Siêu thị	Năm	Sở CT	57	55		53	63	69	75	61	65	67	Sở CT
+	Chưa phân hạng	Siêu thị		Sở CT	11	11		10	8	7	9	9	9	8	Sở CT
-	Số lượng trung tâm thương mại	TTT M	Năm	Sở CT	25	28		27	28	29	30	29	30	31	Sở CT
38	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	Tháng, năm	Sở NN&PTN T	139,6	54,0		34,3	-	24,1				50,0	Sở NN&PT NT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	ƯTH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
39	Diện tích rừng hiện có	Ha	Năm	Sở NN&PTN T	19.623,8	18.847,4		18.792,2	18.573,4	18.519,6	18.519,6	18.519,6	18.519,6	18.519,6	Sở NN&PT NT
40	Diện tích rừng được bảo vệ	Ha	6 tháng, năm	Sở NN&PTN T	5.160,9	5.160,9		5.131,9	5.106,2	6.012,4	-	-	6.012,4	6.012,4	Sở NN&PT NT
41	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Năm	Sở NN&PTN T	5,67	5,67		5,59	5,59	5,57	5,57	5,57	5,57		Sở NN&PT NT
42	Diện tích một số loại cây trồng	Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T											Sở NN&PT NT
-	Lúa	1.000 Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	171,7	165,6	140,0	162,1	158,5	155,0	151,6	153,05	153,05	140-145	Sở NN&PT NT
-	Ngô	1.000 Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	15,6	13,8		13,2	13,6	13,2	12,1	12,13	12,13	13,0	Sở NN&PT NT
-	Khoai lang	1.000 Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	2,3	1,9		1,6	1,6	1,3	1,2	1,23	1,23	1,3	Sở NN&PT NT
-	Đậu tương	1.000 Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	3,4	2,6		1,9	1,4	1,2	1,4	1,48	1,48	1,4	Sở NN&PT NT
-	Lạc	1.000 Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	2,4	2,3		2,4	2,3	2,2	2,0	2,07	2,07	2,2	Sở NN&PT NT
-	Rau các loại	1.000 Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	32,8	32,3	38,0	32,7	33,7	34,6	34,7	33,6	34,3	38,0	Sở NN&PT NT
-	Đậu các loại	1.000 Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	0,78	0,61		0,51	0,53	0,61	0,58	0,63	0,63	0,60	Sở NN&PT NT
-	Hoa các loại	1.000 Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	5,93	6,77	8-9	6,67	7,13	7,20	7,91	7,45	8,05	8-9	Sở NN&PT NT
-	Chè búp	1.000 Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	2,46	2,34	2,50	2,07	2,02	2,01	2,003		2,003	2,0	Sở NN&PT NT
-	Cây ăn quả (Cam, bưởi, chuối, nhãn, ôi)	1.000 Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	18,90	19,39	25,75	19,66	19,94	20,36	20,86		20,86	21,30	Sở NN&PT NT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
43	Năng suất một số loại cây trồng	Tấn/ Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T											Sở NN&PT NT
-	Lúa	Tấn/ Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	56,5	58,8	-	60,7	60,1	60,5	60,9	59,69	59,69	61,8	Sở NN&PT NT
-	Ngô	Tấn/ Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	50,3	52,4	-	52,7	53,3	52,8	53,2	53,26	53,2	52,8	Sở NN&PT NT
-	Khoai lang	Tấn/ Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	104,2	95,2	-	94,9	92,8	92,2	94,0	99,20	94,0	94,0	Sở NN&PT NT
-	Đậu tương	Tấn/ Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	17,4	17,3	-	18,9	18,8	18,0	19,5	18,93	19,5	19,0	Sở NN&PT NT
-	Lạc	Tấn/ Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	25,0	23,1	-	23,2	23,0	23,4	22,2	22,29	22,2	22,5	Sở NN&PT NT
-	Rau các loại	Tấn/ Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	217,2	219,1	-	220,8	219,1	221,2	207,6	213,26	207,6	210,7	Sở NN&PT NT
-	Đậu các loại	Tấn/ Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T		17,0	-	17,0	15,7	16,1	16,5	15,5	16,5	16,5	Sở NN&PT NT
-	Hoa các loại	Tấn/ Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T									-	-	Sở NN&PT NT
-	Chè búp	Tấn/ Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	79,60	84,20	-	84,00	85,31	87,66	-		87,00	87,00	Sở NN&PT NT
-	Cây ăn quả (Cam, bưởi, chuối, nhãn, ôi)	Tấn/ Ha	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Sở NN&PT NT
44	Sản lượng một số loại cây trồng	Tấn	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T											Sở NN&PT NT
-	Lúa	1.000 Tấn	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	969,32	973,48	900,00	983,78	952,70	937,70	917,40	913,56	913,56		Sở NN&PT NT
-	Ngô	1.000 Tấn	Tháng, vụ, năm	Sở NN&PTN T	78,44	71,18	-	69,52	72,65	64,20	64,60	34,81	64,53	68,64	Sở NN&PT NT

[illegible]

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	ƯTH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
	...	%	5 năm	Sở NN&PTN T											Sở NN&PT NT
46	Diện tích chuyển đổi cơ cây trồng trên đất trồng lúa	Ha	Năm	Sở NN&PTN T	1.467,1	1.284,3	-	1.146,7	557,6	3.838,5					Sở NN&PT NT
-	Sang cây hằng năm	Ha	Năm	Sở NN&PTN T	534,8	450,4	-	378,9	198,4	266,4	682,7	-	682,7	-	Sở NN&PT NT
-	Sang cây lâu năm	Ha	Năm	Sở NN&PTN T	603,7	654,2	-	472,3	267,6	518,9	1.327,6	-	1.327,6	-	Sở NN&PT NT
-	Sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	Ha	Năm	Sở NN&PTN T	328,7	179,7	-	531,6	91,6	113,9	1.233,9	-	1.233,9	-	Sở NN&PT NT
47	Số lượng gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi		Quý, năm	Sở NN&PTN T											Sở NN&PT NT
-	Trâu	1.000 con	Quý, năm	Sở NN&PTN T	24	25	25,3	27,5	28,7	29	28,8	29,4	29	28,8	Sở NN&PT NT
-	Bò	1.000 con	Quý, năm	Sở NN&PTN T	134,5	129,2	141,0	130,5	130,3	129,5	130,0	126 p	130	130	Sở NN&PT NT
-	Lợn	1.000 con	Quý, năm	Sở NN&PTN T	1,1	1,3	1,9	1,4	1,4	1,5	2 p	1.471	1,50	1,55	Sở NN&PT NT
-	Gia cầm	Triệu con	Quý, năm	Sở NN&PTN T	40,1	42,3	40,0	39,9	40,3	41,6	40	41	40-41	40-42	Sở NN&PT NT
48	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi		Quý, năm	Sở NN&PTN T											Sở NN&PT NT
-	Thịt trâu hơi xuất chuồng	1.000 tấn	Quý, năm	Sở NN&PTN T	1,58	1,73	1.730	1,87	2,00	2,10	21.000	1.057	21.000	21.000	Sở NN&PT NT
-	Thịt bò hơi xuất chuồng	1.000 tấn	Quý, năm	Sở NN&PTN T	10,5	10,6	12,5	10,6	10,6	10,6	10,7	5.397,0	10,7	10,7	Sở NN&PT NT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	ƯTH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
-	Thịt lợn hơi xuất chuồng	1.000 tấn	Quý, năm	Sở NN&PTN T	267	210,6	301	228,3	235,8	254,0	254,0	128,6 p	254,0	254,0	Sở NN&PT NT
-	Thịt gia cầm hơi xuất chuồng	1.000 tấn	Quý, năm	Sở NN&PTN T	118,0	155,7	160	164,6	160,9	162,0	162	83,3	162	162	Sở NN&PT NT
-	Trứng gia cầm	Triệu quả	Quý, năm	Sở NN&PTN T	2.023	2.378		2.564	2.728	2.820	2.780	1.455	2.820	2.820	Sở NN&PT NT
-	Sữa bò tươi	1.000 tấn	Quý, năm	Sở NN&PTN T	35,9	34	37	38,7	39,6	39,5	39,5	22	40	40	Sở NN&PT NT
49	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi được chứng nhận thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) và tương đương	%	5 năm	Sở NN&PTN T	8	12	50	10	10	15	10	5	10	5	Sở NN&PT NT
50	Diện tích nuôi trồng thủy sản	1.000 Ha	Tháng, quý, năm	Sở NN&PTN T	23,271	23,482		23,202	23,300	24,500	24,5	22,6	24.500	24.700	Sở NN&PT NT
51	Sản lượng thủy sản nuôi trồng	1.000 tấn	Tháng, quý, năm	Sở NN&PTN T	110.882	114.363		117.891	121.400	133,47	133,47	58,80	130,00	136,5	Sở NN&PT NT
52	Diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận VietGAP và tương đương	Ha	5 năm	Sở NN&PTN T	87	87		90,3	187,4	190	190	428	450	490	Sở NN&PT NT
53	Tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC trên tổng sản phẩm nông nghiệp	%	Năm	Sở NN&PTN T			70	38	40	46	60	-	60	70	Sở NN&PT NT
54	Tỷ trọng kinh tế sở trong GRDP	%	Năm	Sở TT&TT			30	-	17	-			16,0	30,0	Sở TT&TT
II. PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ - XÃ HỘI															
1	Năng suất lao động xã hội (ICLS19, giá HH)	Tr.đ./ l.đôn g	Năm	Cục Thống kê HN	249,7	302,6		278,4	304,1	320,9			329,5		Sở LĐ TB XH

[illegible]

[illegible]

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
-	Nông thôn	Hộ	Năm	Sở VH&TT											Sở VH&TT
21	Chỉ tiêu về văn hóa														
-	Số hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa"	Hộ	Năm	Sở VH&TT	1.626.679	1.652.499		1.763.326	1.760.967	1.768.788	1.768.788	1.768.788	1.769.680	1.769.680	Sở VH&TT
+	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa"	%	Năm	Sở VH&TT	87,5	88,0	86-88	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	Sở VH&TT
+	Số thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu "Làng văn hóa"	Thôn (làng)	Năm	Sở VH&TT	1.548	1.484		1.461	1.360	1.512	1.523	1.512	1.523	1.517	Sở VH&TT
+	Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu "Làng văn hóa"	%	Năm	Sở VH&TT	61	62	65	62	63	64	64,5	64	64,5	65	Sở VH&TT
-	Số tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa"	Tổ	Năm	Sở VH&TT	3.877	2.941		2.190	2.356	2.248	2.250	2.248	2.310	2.341	Sở VH&TT
+	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa"	%	Năm	Sở VH&TT	71,5	72,0	75,0	72,0	72,5	73,5	74,0	73,5	74,0	75,0	Sở VH&TT
22	Số hoạt động nghệ thuật quần chúng	Hoạt động	Năm	Sở VH&TT					5	5	5	1	10	5	Sở VH&TT
23	Số hoạt động lễ hội	Hoạt động	Năm	Sở VH&TT					10	1.206	1.206				Sở VH&TT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	ƯTH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
24	Số hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp	Hoạt động	Tháng, quý, năm	Sở VH&TT							9	2	9	7	Sở VH&TT
25	Doanh thu của các đơn vị nghệ thuật TP quản lý	1.000 tỷ đ.	Tháng, quý, năm	Sở VH&TT	65.000	15.200		1.900	14.800	35.000	48.400	25.290	48.400	49.000	Sở VH&TT
26	Văn hoá, thể thao														
-	Số thiết chế văn hóa	Thiết chế	Năm	Sở VH&TT	3.666	4.469	30	4.469	4.507	5.248	5.248	5.248	5.248	5.288	Sở VH&TT
+	Cấp Thành phố quản lý	Thiết chế	Năm	Sở VH&TT	37	37		37	37	383	383	383	383	383	Sở VH&TT
+	Cấp huyện quản lý	Thiết chế	Năm	Sở VH&TT	3.629	4.432	30	4.432	4.470	4.865	4.865	4.865	4.865	4.905	Sở VH&TT
-	Số thiết chế thể thao	Thiết chế	Năm	Sở VH&TT	10.107	10.107	10.107	10.107	10.107	10.107	10.107	10.107	10.107	10.107	Sở VH&TT
+	Cấp Thành phố quản lý	Thiết chế	Năm	Sở VH&TT	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	Sở VH&TT
+	Cấp huyện quản lý	Thiết chế	Năm	Sở VH&TT	10.101	10.101	10.101	10.101	10.101	10.101	10.101	10.101	10.101	10.101	Sở VH&TT
27	Diện tích đất thiết chế thể thao	Ha	Năm	Sở VH&TT	180,6	180,6	180,6	180,6	180,6	180,6	180,6	180,6	180,6	180,6	Sở VH&TT
28	Tỷ trọng giá trị gia tăng các ngành công nghiệp văn hóa trong GRDP	%	Năm	Sở VH&TT											Sở VH&TT
29	Tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên	%	Năm	Sở VH&TT	40	42	43	42	42	43	43	43	43	43	Sở VH&TT
30	Tỷ lệ gia đình thể thao	%	Năm	Sở VH&TT	30	30	32	30	30	31	32	32	32,50	33	Sở VH&TT
31	Tỷ lệ cộng tác viên thể dục, thể thao	%	Năm	Sở VH&TT	1,13	1,15	1,15	1,15	1,15	1,15	1,15	1,15	1,15	1,16	Sở VH&TT
32	Số câu lạc bộ thể thao	CLB	Năm	Sở VH&TT	7.110	7.665	7.665	7.665	7.665	7.665	7.665	7.665	7.665	7.695	Sở VH&TT
33	Số vận động viên, trọng tài, huấn luyện viên		Năm	Sở VH&TT											Sở VH&TT
-	Số vận động viên	VĐV	Năm	Sở VH&TT	3.000	2.918		2.988	2.911	2.988	3.167	2.801	3.167	3.167	Sở VH&TT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
-	Số trọng tài	TT	Năm	Sở VH&TT	185	186		192	198	220	250	250	250	250	Sở VH&TT
-	Số huấn luyện viên	HLV	Năm	Sở VH&TT	474	492		494	501	518	528	453	528	528	Sở VH&TT
34	Số giải thể thao được tổ chức tại Hà Nội		Năm	Sở VH&TT											Sở VH&TT
-	Cấp Thành phố	Giải	Năm	Sở VH&TT	56	28	65	13	40	63	65	32	66	66	Sở VH&TT
-	Cấp huyện	Giải	Năm	Sở VH&TT	772	210	780	101	775	778	780	371	780	785	Sở VH&TT
35	Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	%	Năm	Sở Y tế	Chưa thống kê	Chưa thống kê		Chưa thống kê	Chưa thống kê	Chưa thống kê	≥ 70	Chưa thống kê	≥ 80	≥ 85	Sở Y tế
36	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa	%	Năm	Sở Y tế	Chưa thống kê	Chưa thống kê		Chưa thống kê	Chưa thống kê	Chưa thống kê	45	+	45	50	Sở Y tế
37	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	Năm	Sở Y tế	82,5	82,5	100,0	82,5	82,5	82,5	90,0	82,5	95	100	Sở Y tế
38	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Gi.bệ nh	Năm	Sở Y tế	25,6	26,5	30-35	27,1	27,5	36,2	35,8	36,4	36,2	35,9	Sở Y tế
-	Tổng số giường bệnh	Gi.bệ nh	Năm	Sở Y tế	20.224	21.465	27.000	22.493	23.375	31.354	31.614	31.614	31.614	31.814	Sở Y tế
39	Nhân lực y tế														
-	Số nhân lực y tế trên 10.000 dân	BS, DS, DD	Năm	Sở Y tế	46,0	46,9	48,4	48,1	48,6	50,9	50,8	50,7	51,1	50,9	Sở Y tế
+	Bác sỹ	BS	Năm	Sở Y tế	13,4	13,5	15,0	13,7	14,0	16,3	15,8	16,2	16,2	16,1	Sở Y tế
+	Dược sỹ đại học	DS	Năm	Sở Y tế	7,6	8,4	8,4	8,4	8,4	8,4	8,4	8,3	8,3	8,3	Sở Y tế
+	Điều dưỡng	ĐD	Năm	Sở Y tế	25,0	25,0	25,0	26,0	26,2	26,2	26,6	26,2	26,6	26,5	Sở Y tế
-	Số nhân lực y tế	BS, DS, DD	Năm	Sở Y tế	36.340	37.989	43.560	39.923	41.310	43.696	45.468	44.060	45.468	46.375	Sở Y tế

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
+	Bác sỹ	BS	Năm	Sở Y tế	10.586	10.935	13.500	11.371	11.900	14.116	13.782	14.116	14.116	14.316	Sở Y tế
+	Dược sỹ đại học	DS	Năm	Sở Y tế	6.004	6.804	7.560	6.972	7.140	7.140	7.235	7.235	7.235	7.235	Sở Y tế
+	Điều dưỡng	ĐD	Năm	Sở Y tế	19.750	20.250	22.500	21.580	22.270	22.440	22.973	22.673	22.973	23.480	Sở Y tế
40	Số lượt khám bệnh trên 10.000 dân	Lượt khám	Năm	Sở Y tế	Chưa thống kê	Chưa thống kê		Chưa thống kê	Chưa thống kê	1.300	9.765	4.806	7.300	7.500	Sở Y tế
41	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	Quý, năm	BHXX HN	88,3	90,1	95,15	91,8	92,9	94,0	94,5	94,9	95,25	95,5	BHXX HN
-	Số người tham gia bảo hiểm y tế	1.000 người	Quý, năm	BHXX HN	6.992,95	7.256,35	8.026,44	7.482,13	7.738,21	7.988,83	8.370,00	8.082	8.170,0	8.350,0	BHXX HN
42	Tỷ lệ lao động tham gia BHTN trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	Quý, năm	BHXX HN	35,9	36,04	40,0	37,7	38,5	39,8	40,0	44,10	44,2	45,0	BHXX HN
-	Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	1.000 người	Quý, năm	BHXX HN	1.696,00	1.732,78	1.975,62	1.798,17	1.903,59	1.990,23	2.243,70	2.064,80	2.069,5	2.106,96	BHXX HN
43	BHXX														
-	Tỷ lệ lao động tham gia BHXX trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	Quý, năm	BHXX HN	36,8	38,41	50	40,3	41,9	46,2	47,5	48,4	48,90	51	BHXX HN
+	Bắt buộc	%	Quý, năm	BHXX HN	36,1	37,6	47,0	39,0	40,4	43,9	45,0	45,6	46,0	47,5	BHXX HN
+	Tự nguyện	%	Quý, năm	BHXX HN	0,7	0,81	3,0	1,3	1,5	2,3	2,5	2,8	2,90	3,5	BHXX HN
-	Số người tham gia bảo hiểm xã hội	1.000 người	Quý, năm	BHXX HN	1.798,94	1.846,01	2.469,52	1.926,38	2.057,78	2.164,04	2.457,70	2.232,50	2.253,10	2.344,40	BHXX HN
+	Bắt buộc	1.000 người	Quý, năm	BHXX HN	1.763,87	1.797,34	2.321,35	1.863,07	1.982,76	2.057,70	2.316,10	2.132,00	2.150,80	2.220,93	BHXX HN
+	Tự nguyện	1.000 người	Quý, năm	BHXX HN	35,07	48,67	148,17	63,30	75,02	106,34	141,60	100,50	102,3	123,47	BHXX HN
44	Thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	BHXX HN	43,30	47,20	69,60	49,12	54,21	61,46	67,10	56,00	70,04		BHXX HN

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
45	Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.000 tỷ đ.	Quý, năm	BHXXH HN	57,10	59,70	-	55,43	63,80	70,38		36,78	77,23		BHXXH HN
46	Số trường học	Trườ ng	Năm	Sở GD&ĐT		2.748	2.912	2.797	2.800	2.815	2.880	2.868	2.870	2.960	Sở GD&ĐT
-	Công lập	Trườ ng	Năm	Sở GD&ĐT		2.215	2.316	2.247	2.256	2.273	2.315	2.305	2.310	2.360	Sở GD&ĐT
-	Ngoài công lập	Trườ ng	Năm	Sở GD&ĐT		533	596	550	544	542	565	563	560	600	Sở GD&ĐT
47	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trườ ng	Năm	Sở GD&ĐT		122	625								Sở GD&ĐT
-	Công lập	Trườ ng	Năm	Sở GD&ĐT		122	625								Sở GD&ĐT
	Công nhận mới (lần đầu)	Trườ ng	Năm	Sở GD&ĐT		122	625	73	142	167	114	6	114	123	Sở GD&ĐT
	Công nhận lại	Trườ ng	Năm	Sở GD&ĐT		345	1.320	139	130	224	300	6	300	428	Sở GD&ĐT
-	Ngoài công lập	Trườ ng	Năm	Sở GD&ĐT		1		4	4						Sở GD&ĐT
48	Số học sinh	Học sinh	Năm	Sở GD&ĐT		2.012.067	2.298.16 9	2.082.417	2.093.070	2.143.528	2.236.676	2.186.775	2.231.000	2.277.000	Sở GD&ĐT
-	Mầm non	Học sinh	Năm	Sở GD&ĐT		535.407	524.221	525.395	482.636	513.108	528.775	503.796	525.000	519.000	Sở GD&ĐT
-	Tiểu học	Học sinh	Năm	Sở GD&ĐT		765.485	781.719	791.240	822.808	778.199	784.783	779.091	765.000	768.000	Sở GD&ĐT
-	Trung học cơ sở	Học sinh	Năm	Sở GD&ĐT		475.409	626.334	508.226	525.318	600.833	601.851	601.388	628.000	670.000	Sở GD&ĐT
-	Trung học phổ thông	Học sinh	Năm	Sở GD&ĐT		235.766	365.895	257.556	262.308	294.086	321.267	302.500	313.000	320.000	Sở GD&ĐT
49	Tỷ lệ trường học có Internet dùng cho mục đích giảng dạy, học tập	%	Năm	Sở GD&ĐT		100	100	100	100	100	100				Sở GD&ĐT
50	Lực lượng lao động	1.000 người	Năm	Cục Thống kê HN											Sở LĐ TB XH
-	Theo ICLS 13	1.000 người		Cục Thống kê HN	4.122,0	4.125,0		4.134,0	4.200,0	4.282,0					
-	Theo ICLS 19	1.000 người		Cục Thống kê HN	3.961,0	3.984,0		3.940,0	4.012,0	4.090,0					

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
51	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế (ICLS 13)	1.000 người	Năm	Cục Thống kê HN	4.049,0	4.043,0		4.032,0	4.106,0	4.201,0					Sở LĐ TB XH
52	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế (ICLS 19)	1.000 người	Quý, năm	Cục Thống kê HN	3.898,0	3.904,0		3.840,0	3.929,0	4.042,0					Sở LĐ TB XH
-	Dịch vụ	1.000 người	Quý, năm	Cục Thống kê HN	2.269,0	2.259,0		2.242,0	2.338,0	2.421,0					Sở LĐ TB XH
-	Công nghiệp và xây dựng	1.000 người	Quý, năm	Cục Thống kê HN	1.314,0	1.315,0		1.284,0	1.301,0	1.338,0					Sở LĐ TB XH
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1.000 người	Quý, năm	Cục Thống kê HN	315,0	330,0		314,0	290,0	283,0					Sở LĐ TB XH
53	Cơ cấu lao động có việc làm	%	Năm	Cục Thống kê HN	98,41	97,99		97,46	97,93	98,83					Sở LĐ TB XH
54	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	Năm	Cục Thống kê HN		70,2	75-80	71,1	72,2	73,2	74,2				Sở LĐ TB XH
-	Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ	%	Năm	Cục Thống kê HN		48,5	55-60	50,3	50,3	52,5	54,0				Sở LĐ TB XH
55	Số người lao động có việc làm tăng thêm (ICLS 19)	1.000 người	Năm	Sở LĐTB&X H	191	181	160	179,648	203,027	214,258	165	124,92	165	167	Sở LĐ TB XH
56	Tỷ lệ người lao động tìm được việc làm qua Trung tâm dịch vụ việc làm	%	Năm	Sở LĐTB&X H	25,0	16,4		16,6	21,6	21,0	20,0	9,0	20,0	20,0	Sở LĐ TB XH
57	Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm	1.000 người	Năm	Sở LĐTB&X H	49,20	60,68		72,94	85,30	61	66,00	37,30	50,00	40,00	Sở LĐ TB XH
58	Tỷ lệ thất nghiệp	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN		2,11		2,68	2,22	1,89					Sở LĐ TB XH

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	Ư' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
-	Thành thị	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN		3,44	< 3	3,97	3,33	2,97	< 3,0				Sở LĐ TB XH
-	Nông thôn	%	Quý, năm	Cục Thống kê HN		1,08		1,35	1,21	1,01					Sở LĐ TB XH
59	Số hộ nghèo	Hộ	Năm	Sở LĐTB&X H	8.754	4.463	2025cơ bảnkhôn g cònhộ nghèo	956	2.134	690	380	Không đánh giá 6 tháng	490	200	Sở LĐ TB XH
-	Thành thị	Hộ	Năm	Sở LĐTB&X H	494	76		3	6	0	0		0		Sở LĐ TB XH
-	Nông thôn	Hộ	Năm	Sở LĐTB&X H	8.260	4.387		953	2.128	690	380		490		Sở LĐ TB XH
60	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Năm	Sở LĐTB&X H	0,21	0,21		0,04	0,095	0,031	0,014		0,021	-	Sở LĐ TB XH
-	Thành thị	%	Năm	Sở LĐTB&X H	0,06	0,01		0,0003	0,001	0	0		0	0	Sở LĐ TB XH
-	Nông thôn	%	Năm	Sở LĐTB&X H	0,69	0,37		0,08	0,17	0,12	0,08		0,02	0,00	Sở LĐ TB XH
61	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet	%	Năm	Sở TT&TT			100	87	90	92	95	95	97	100	Sở TT&TT
62	Tỷ lệ người dân có danh tính số	%	Năm	Công an TP HN				96,93	99,41	99,8	100	100			Công an TP HN
III. PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN, TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG															
1	Diện tích, cơ cấu đất		Năm	Sở TN&MT											Sở TN&MT
-	Hiện trạng sử dụng đất	1.000 ha	Năm	Sở TN&MT	335,98	335,98	335,98	335,98	335,98	335,98	335,98	335,98	335,98	335,98	Sở TN&MT
+	Đất nông nghiệp	1.000 ha	Năm	Sở TN&MT	198,45	198,08	185,94	197,79	197,43	186,38	184,84	184,84	184,84	184,84	Sở TN&MT
+	Đất phi nông nghiệp	1.000 ha	Năm	Sở TN&MT	134,84	135,19	148,36	135,67	136,04	147,43	148,97	148,97	148,97	148,97	Sở TN&MT
+	Đất chưa sử dụng	1.000 ha	Năm	Sở TN&MT	2,69	2,71	1,68	2,52	2,51	2,18	2,18	2,18	2,18	2,18	Sở TN&MT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
-	Cơ cấu sử dụng đất	%	Năm	Sở TN&MT	100,00	100,00	100	100	100	100	100	100	100	100	Sở TN&MT
+	Đất nông nghiệp	%	Năm	Sở TN&MT	59,07	58,96	55,34	58,87	58,76	55,47	55,01	55,01	55,01	55,01	Sở TN&MT
+	Đất phi nông nghiệp	%	Năm	Sở TN&MT	40,13	40,24	44,16	40,38	40,49	43,88	44,34	55,01	44,34	44,34	Sở TN&MT
+	Đất chưa sử dụng	%	Năm	Sở TN&MT	0,80	0,81	0,50	0,75	0,75	0,65	0,65	0,65	0,65	0,65	Sở TN&MT
2	Kết quả thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất	Ha	Năm	Sở TN&MT											Sở TN&MT
-	Theo loại đất, đối tượng sử dụng đất	Ha	Năm	Sở TN&MT											Sở TN&MT
+	...	Ha	Năm	Sở TN&MT											Sở TN&MT
+	...	Ha	Năm	Sở TN&MT											Sở TN&MT
-	Theo hình thức bồi thường	Ha	Năm	Sở TN&MT											Sở TN&MT
+	...	Ha	Năm	Sở TN&MT											Sở TN&MT
+	...	Ha	Năm	Sở TN&MT											Sở TN&MT
3	Kết quả đấu giá QSD đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất	Ha	Năm	Sở TN&MT	51,16	41,44	253,49	24,58	38,12	48,55	45,55	23,80	211,16	344,05	Sở TN&MT
4	Tổng số giấy phép xây dựng được cấp	Giấy phép	Năm	Sở XD	105	92	230	72	50	43	30	34	40	45	Sở XD
5	Số công trình vi phạm quy định trật tự xây dựng trên địa bàn	Công trình	Năm	Sở XD	605	402	1.919	323	320	416	430	230	350	400	Sở XD
6	Tỷ lệ đô thị hoá	%	Năm	Sở QHKT			60-62	49,2	49,2	49,2	60		49,2	60	Sở QHKT
7	Tỷ lệ diện tích phủ kín các quy hoạch	%	Năm	Sở QHKT			100				95		96	100	Sở QHKT

[illegible]

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
	gồm chất thải rắn sinh hoạt														
15	Xử lý chất thải rắn (CTR)														
-	Tỷ lệ CTR sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định	%	Năm	Sở TN&MT	99-100	99-100	100	99-100	100	100	100	100	100	100	Sở TN&MT
-	Tỷ lệ CTR sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định	%	Năm	Sở TN&MT	90-98	91-99	100	91-99	95-100	95-100	95-100	95-100	95-100	95-100	Sở TN&MT
16	Khối lượng chất thải rắn xây dựng được thu gom, tái chế hoặc tái sử dụng	1.000 tấn	Năm	Sở TN&MT		205.758	3.565,33	387,58	577,76	1.050	1.200	650	1.200	1.500	Sở TN&MT
17	Số CCN có hệ thống XLNT tập trung	Cụm	Năm	Sở CT			100	92,5	95	100	100				Sở CT
18	Tổng chiều dài đường đô thị	Km	Năm	Sở GTVT		883,89		985,91	1.048,14	1.114,30	1.170,02		1.170	1.200	Sở GTVT
19	Tổng số nhà ở hoàn thành trong năm	Căn	Năm	Sở XD	60.223	61.305	152.803	4.563	8.692	10.312	16.500	10.162	15.610	47.280	Sở XD
-	Căn hộ	Căn hộ	Năm	Sở XD	-	-	126.950	4.094	7.317	5.889	10.700	6.593	11.500	41.135	Sở XD
-	Căn nhà	Căn nhà	Năm	Sở XD	-	-	25.853	469	1.375	4.423	5.800	3.569	4.110	6.145	Sở XD
20	Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm	1.000 m2	Năm	Sở XD	7.153,11	7.303,05	21.500	470	1.480,17	2.465	2.680	1.685	2.365	6.777	Sở XD
21	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm		Năm	Sở XD											Sở XD
-	Tổng số nhà ở xã hội	Nhà ở	Năm	Sở XD	2.047	4.803		1.234	2.934	495	1.180	5.077	6.330	4.670	Sở XD

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
	hoàn thành trong năm														
-	Tổng số diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	1.000 m ²	Năm	Sở XD	173,82	567,6	1.215	88,21	257,27	32	78	298	379	264	Sở XD
22	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ² /ng ười	Năm	Sở XD		27,3	29,5	27,30	27,6	28,6	28,8	28,7	28,8	29,5	Sở XD
23	Chiều dài đường bộ hiện có và năng lực tăng thêm đường bộ		Năm	Sở GTVT											Sở GTVT
-	Chiều dài đường bộ hiện có	Km	Năm	Sở GTVT	23.273	23.395		23.395,00	23.420,37	23.445,77			23.500	23.550	Sở GTVT
-	Năng lực tăng thêm đường bộ	Km	Năm	Sở GTVT					25,37	25,40			30	50	Sở GTVT
24	Vận tải hành khách														
-	Số lượt hành khách vận chuyên	Triệu Hành khách	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN	366,5	274,3		218,8	303,4	372,5	428				Sở GTVT
-	Số lượt hành khách luân chuyên	Triệu HK.K m	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN	9.485	9.749		6.478	9.187	11.315	13.012				Sở GTVT
25	Vận chuyển hàng hoá														
-	Khối lượng hàng hóa vận chuyên	Triệu tấn	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN	943	852,1		857,6	1.216,8	1.428,5	1.643				Sở GTVT
-	Khối lượng hàng hóa luân chuyên	Triệu tấn.K m	Tháng, quý, năm	Cục Thống kê HN	76.495	82.350		81.389	118.203	141.133	162.303				Sở GTVT
26	Vận tải hành khách bằng xe buýt công cộng	Triệu lượt	Quý, năm	Sở GTVT	482,6	368,5		202,7	339,9	479,5	491,6		405,20	424,40	Sở GTVT
27	Vận tải HK trên tuyến đường sắt đô thị	Triệu lượt	Quý, năm	Sở GTVT				0,87	8,2	10,7	11,3		15,10	16,80	Sở GTVT

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
28	Số lượng xe ô tô tham gia giao thông	1.000 xe	Năm	Sở GTVT				996,22	1.062,42	1.115,54	1.171,32		1.171,32	1.229,89	Sở GTVT
29	Số lượng xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông	1.000 xe	Theo Ch. trình điều tra t.kê	Cục Thống kê HN				6.360,49	6.566,82	6.895,16	7.239,92				Sở GTVT
30	Số xã NTM nâng cao lũy kế	Xã	Năm	Sở NN&PTN T	8	18	156	19	63	77	40	-	40	35	Sở NN&PT NT
31	Số xã NTM kiểu mẫu lũy kế	Xã	Năm	Sở NN&PTN T	-	-	80	5	15	56	35	-	35	29	Sở NN&PT NT
32	An toàn giao thông														
-	Số vụ tai nạn giao thông	Vụ	6 tháng, năm	Sở GTVT	1.272	1.024		827	812		732		1.500	1.350	Sở GTVT
-	Số người chết do tai nạn giao thông	Người	6 tháng, năm	Sở GTVT	508	447		350	410		369		680	612	Sở GTVT
-	Số người bị thương do tai nạn giao thông	Người	6 tháng, năm	Sở GTVT	847	664		547	574		517		1.200	1.080	Sở GTVT
33	Số vụ cháy, nổ	Vụ	Tháng, quý, năm	Công an TP HN	543	412		356	575	644	Giám so 2023	1.035			Công an TP HN
-	Số thiệt hại về tài sản do cháy, nổ	Tỷ đồng	Tháng, quý, năm	Công an TP HN	237	30		26,5	23	18,4	Giám so 2023	9,5			Công an TP HN
-	Số người chết do cháy, nổ	Người	Tháng, quý, năm	Công an TP HN	20	6		14	23	71	Giám so 2023	26			Công an TP HN
-	Số người bị thương do cháy, nổ	Người	Tháng, quý, năm	Công an TP HN	34	25		24	17	59	Giám so 2023	14			Công an TP HN
IV. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH															
1	Tỷ lệ dịch vụ công được áp dụng trực tuyến toàn trình	%	Quý, năm	VP UBND TP							100				VP UBND TP

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
2	Tỷ lệ số dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến	%	Quý, năm	VP UBND TP							90				VP UBND TP
3	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	Năm	VP UBND TP							20				VP UBND TP
4	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ áp dụng trực tuyến toàn trình	%	Quý, năm	VP UBND TP							≥ 50				VP UBND TP
5	Số đoàn ra của Thành phố	Đoàn	Tháng, quý, năm	Sở Ngoại vụ	25	1	50	0	12	10	13	5	19	18	Sở Ngoại vụ
6	Số đoàn vào của Thành phố	Đoàn	Tháng, quý, năm	Sở Ngoại vụ	8	0	40	0	2	10	10	4	5	10	Sở Ngoại vụ
7	Số thỏa thuận quốc tế đã ký kết	Văn bản	06 tháng, năm	Sở Ngoại vụ	27	11	21	1	3	7	7	1	7	5	Sở Ngoại vụ
8	Số hội nghị, hội thảo quốc tế Thành phố cấp phép tổ chức	Cuộc	06 tháng, năm	Sở Ngoại vụ	229	34	876	24	202	200	135	60	135	130	Sở Ngoại vụ
9	Cấp phép hoạt động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài	Hồ sơ	06 tháng, năm	Sở Ngoại vụ	118	61	600	38	102	150	52	34	52	50	Sở Ngoại vụ
10	Chỉ số PCI	/63	Cập nhật theo BC VCCI	Sở KH&ĐT	9	10		10	20	28	Tăng 10 bậc trở lên		Tăng 10 bậc trở lên	Top 10	Sở KH&ĐT
11	Chỉ số PAPI	/63	Cập nhật BC UNDP tại VN	Sở Nội vụ	59	48	Tăng 5 bậc/năm	9	12	15	Trong nhóm 1	Trong nhóm 1	Trong nhóm 1	Trong nhóm 1	Sở Nội vụ
12	Chỉ số SIPAS	/63	Cập nhật theo BC Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	48	33		87,11% 30/63	80,16% 30/63	83,57% 21/63	>85%	>85%	>85%	>85%	Sở Nội vụ
13	Chỉ số PAR Index	/63	Cập nhật theo BC	Sở Nội vụ	2	8	Top 10	10	3	3	Trong Top 5	Trong Top 5	Trong Top 5	Trong Top 5	Sở Nội vụ

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kỳ báo cáo	BC kết quả thực hiện	TH 2019	TH 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	KH 2024 *	TH 10T 2024	U' TH 2024	KH 2025	XD chỉ tiêu, tham mưu TH
			Bộ Nội vụ												
14	Thanh tra hành chính	Cuộc	Tháng, quý, năm	Thanh tra TP	355	343		352	339	158	340				Thanh tra TP
15	Thanh, kiểm tra chuyên ngành	Cuộc	Tháng, quý, năm	Thanh tra TP	22.456	18.025		19.788	19.942	8.924	18.500				Thanh tra TP
16	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Đơn	Tháng, quý, năm	Thanh tra TP	9.646	16.271		11.340	7.242	5.664	11.500				Thanh tra TP
17	Kết quả xử lý đơn khiếu nại	Đơn	Tháng, quý, năm	Thanh tra TP	2.589	2.610		2.019	2.217	1.140	2.250				Thanh tra TP
18	Kết quả xử lý đơn tố cáo	Đơn	Tháng, quý, năm	Thanh tra TP	854	1.260		1.498	1.145	700	1.200				Thanh tra TP
19	Số vụ tội phạm về trật tự xã hội	Vụ	Tháng, quý, năm	Công an TP HN	4800	4153		3.873	3.929	8.274	Giảm 5%	4.761			Công an TP HN
20	Tỷ lệ điều tra khám phá án	%	Tháng, quý, năm	Công an TP HN	85,4	84		87,1	87,3	61,1	≥ 75	67,3			Công an TP HN
21	Số vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng	Vụ	Tháng, quý, năm	Công an TP HN	183	240		225	276	425	Đề xuất lược bỏ				Công an TP HN
22	Tỷ lệ điều tra, khám phá vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng	%	Tháng, quý, năm	Công an TP HN	100	95		98,6	96	96,4	Đề xuất lược bỏ				Công an TP HN

Phụ lục 04: Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của Thành phố Hà Nội

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH2023	Kế hoạch năm 2024	ƯTH 2024	KH2025	Chủ trì	Ghi chú (Kết quả 2024)
A	NHÓM CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP							
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)*	%	6,27	6,5-7,0	6,50	6,50	Sở KH&ĐT	Đạt KH
	Trong đó:							
	- Dịch vụ	%	7,26	6,65-7,23			Cục TK	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	3,13	4,50				
	- Công nghiệp và xây dựng	%	5,29	7,4-7,9				
	+ Công nghiệp	%	4,57	7,0-7,5			Sở CT	
	+ Xây dựng	%	6,49	8,0-8,5			Sở XD	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,74	2,5-3,0			Sở NN&PTNT	
2	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng	151,1	160,8-162	162,2	172,4	Sở KH&ĐT	Đạt KH
3	Tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện	%	9,1	10,5-11,5	10,5	10,5		Đạt KH
4	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	-2,4	4,0-5,0	11,0	5,0	Sở CT	Vượt KH
5	Chỉ số giá tiêu dùng	%	2,04	<4,0	< 4,0	< 4,5		Đạt KH
B	NHÓM CHỈ TIÊU XÃ HỘI							
6	Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên so với năm trước	%	0,1	0,15	0,15	0,15	Sở Y tế	Đạt KH
7	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân so với năm trước	%	0,1	0,1	0,1	0,1		Đạt KH
8	Duy trì tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	84,5	100	100	100		Đạt KH
9	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	93,5	94,5	95,25	95,5	BHXH TP HN	Vượt KH
10	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	43,0	45,0	46,0	47,5		Vượt KH
11	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH tự nguyện trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	2,0	2,5	2,9	3,5		Vượt KH
12	Tỷ lệ đối tượng tham gia Bảo hiểm thất nghiệp trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	39,5	40,0	44,2	45,0		Vượt KH

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH2023	Kế hoạch năm 2024	U' TH 2024	KH2025	Chủ trì	Ghi chú (Kết quả 2024)
13	Giảm số hộ nghèo so với đầu năm	hộ	734	380	490	Duy trì không có hộ nghèo	Sở LĐ-TB&XH	Vượt KH
14	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	3,0	< 3	< 3	< 4		Đạt KH
15	Tỷ lệ lao động (đang làm việc) qua đào tạo	%	73,2	74,2	74,2	75,0		Đạt KH
-	<i>Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	52,5	54,0	54,0	55,0		Đạt KH
16	Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia	%					Sở GD&ĐT	
-	<i>Số trường công lập đạt CQG công nhận mới (lần đầu)</i>	<i>Trường</i>	167	114	114	123		<i>Đạt KH</i>
-	<i>Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia được công nhận lại</i>	<i>Trường</i>	224	300	300	428		<i>Đạt KH</i>
17	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa"	%	88,0	88,0	88,0	88,0	Sở VH&TT	Đạt KH
18	Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu "Làng văn hóa"	%	64,0	64,5	64,5	65,0		Đạt KH
19	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa"	%	73,5	74,0	74,0	75,0		Đạt KH
C	NHÓM CHỈ TIÊU ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN, MÔI TRƯỜNG							
20	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch	%					Sở XD	
	<i>Trong đó: + Khu vực đô thị</i>	%	100	100	100	100		Đạt KH
	<i>+ Khu vực nông thôn</i>	%	90	95	95	100		Đạt KH
21	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển trong ngày						Sở TNMT	
	<i>Trong đó: + Khu vực đô thị</i>	%	100	100	100	100		Đạt KH
	<i>+ Khu vực nông thôn</i>	%	95-100	95-100	95-100	95-100		Đạt KH
22	Xử lý ô nhiễm môi trường							
22.1	Tỷ lệ cụm công nghiệp có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng						Sở CT	
-	<i>Đối với CCN xây dựng mới</i>	%	95	100	100	100		Đạt KH
-	<i>Đối với CCN, CCN làng nghề đã đi vào hoạt động</i>	%	100	100	100	100		Đạt KH

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH2023	Kế hoạch năm 2024	ƯTH 2024	KH2025	Chủ trì	Ghi chú (Kết quả 2024)
22.2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100	99	100	100	Sở TNMT	Đạt KH
22.3	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	100	Sở Y tế	Đạt KH
22.4	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	30,9	40,0	40,0	50-55	Sở Xây dựng	Đạt KH
23	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng			22-25	20,0	20,0	Sở GTVT	Không đạt KH
24	Xã nông thôn mới:						Sở NN&PTNT	
-	Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM nâng cao tăng thêm	Xã	61	40	40	35		Đạt KH
-	Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM kiểu mẫu tăng thêm	Xã	33	35	35	29		Đạt KH
25	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm**						Sở Xây dựng	
-	Tổng số nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	Nhà ở	495	1180	6330	4670		
-	Tổng số diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	1.000 m2	32	78	379	264		

Ghi chú:

* Theo Tổng cục Thống kê dự kiến lần 1 (tháng 5/2024), GRDP Hà Nội năm 2024 đạt 6,11%. Tuy nhiên, kết quả 9 tháng GRDP Hà Nội đạt 6,12%; quý IV dự kiến tăng cao - ước đạt trên 7%, dự kiến cả năm ước đạt 6,5%.

** Chỉ tiêu bổ sung mới năm 2025 theo Quyết định số 927/QĐ-TTg ngày 30/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ tại và Văn bản số 2988/UBND-ĐT ngày 10/9/2024 của UBND Thành phố

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2016- 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	2021- 2023	KH 2024	NV 2025	Ghi chú
-	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hóa	%	72	75	72	72,5	73,5		74		
-	Tỷ lệ thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn, Làng văn hoá	%	62	65	62	63	64		64,5		
-	Tỷ lệ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa	%	88	86-88	88	88	88		88		
8	Tỷ lệ trường công lập (MN, TH, THCS, THPT) đạt chuẩn quốc gia năm cuối kỳ	%	76,9	80-85	-	72,2	79,3				2024: Thêm 114 tr. Dự kiến đạt KH
9	Chỉ tiêu về y tế năm cuối kỳ										
-	Số giường bệnh/vạn dân	gi.b./v.dân	27,1	30-35	27,5	27,5	36,4				Vượt KH
-	Số bác sỹ/vạn dân	b.sỹ/v.dân	13,5	15	13,7	14	16,2				
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (chuẩn mới)	%	100	100	100	100	84,3		100		
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm cuối kỳ	%	70,25	75-80	71,1	72,2	73,2		74,2		
	Tr.đó: Tỷ lệ LĐ có bằng cấp, chứng chỉ năm cuối kỳ	%	48,5	55-60	50,2	51,2	52,5		54		
11	Tỷ lệ thất nghiệp thành thị năm cuối kỳ	%	3,22	< 3	3,97	3,33	2,97		< 3,0		
12	Tỷ lệ hộ nghèo cuối kỳ (tiêu chuẩn của Thành phố)	%	0,21	Cơ bản không còn hộ nghèo	0,16	0,095	0,031		0,014		
13	Xây dựng nông thôn mới (NTM) năm cuối kỳ										Dự kiến vượt
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM	%	96,3	100	100	100	100		100		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM nâng cao	%	-	40	12,6	29,1	48,7		51,8		2023: Có 186 xã
-	Tỷ lệ xã đạt NTM kiểu mẫu	%	-	20	1,3	5,2	17,8		25,4		2023: Có 68 xã
-	Hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM cấp TP		-	Hoàn thành	-	-	-				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2016- 2020	KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	2021- 2023	KH 2024	NV 2025	Ghi chú
14	Phát triển đô thị										
-	Tỷ lệ đô thị hóa năm cuối kỳ	%	49,2	60-62	-	49,2	49,2		-		Chỉ tiêu thách thức
-	Tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu năm cuối kỳ	%	83	100	100	100	100		-		
15	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch năm cuối kỳ										
-	Tỷ lệ hộ dân thành thị được cung cấp nước sạch	%	~100	100	100	100	100		100		
-	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được cung cấp nước sạch	%	78	100	80	85	90		95		Chỉ tiêu thách thức
16	Tỷ lệ các chất thải và nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn về môi trường năm cuối kỳ										
-	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	~100	100	100	100	100		100		
-	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100	100	100	100	100		100		
-	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	100	100		100		
-	Tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (đang hoạt động và xây dựng mới) có trạm xử lý nước thải	%	-	100	92,5	95	95		100		
-	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	-	50-55	28,8	28,8	30,9		40		Chỉ tiêu thách thức
17	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng năm cuối kỳ	%	-	30-35	-	18,5	19,8		22-25		Chỉ tiêu thách thức

Ghi chú: Số liệu được tính toán dựa trên kết quả thực hiện trong giai đoạn 2021-2023. Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục cập nhật kết quả sau khi có số liệu chính thức của năm 2024

Phụ lục 06: So sánh một số chỉ tiêu chủ yếu 10 tháng năm 2024 của Tp. Hà Nội và 4 Tp. Trung ương

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Hà Nội)

Chỉ tiêu	ĐVT	Hà Nội		Cả nước		TP. Hồ Chí Minh		Hải Phòng		Đã Nẵng		Cần Thơ	
		Giá trị	% so với cùng kỳ	Giá trị	% so với cùng kỳ	Giá trị	% so với cùng kỳ	Giá trị	% so với cùng kỳ	Giá trị	% so với cùng kỳ	Giá trị	% so với cùng kỳ
Tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm	%	6,12		6,82		6,85		9,77		6,47		6,25	
1. Chỉ số phát triển SX công nghiệp (IIP)	%	105,6		108,3		106,9		114,5		106,0		107,0	
- Khai khoáng	%	99,7		92,8		144,3		68,6		64,1			
- Chế biến, chế tạo	%	105,0		109,6		106,8		115,2		106,1		107,3	
- Sản xuất và phân phối điện	%	109,6		110,3		105,6		100,3		111,8		106,0	
- Cung cấp nước và xử lý rác, nước thải	%	110,9		109,5		100,2		100,4		102,8		101,8	
2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) BQ 10T/2024	%	104,61		103,78		103,16		103,26		103,00		103,55	
- CPI T10 so với tháng trước	%	100,28		100,33		100,72		119,00		100,19		100,17	
- CPI T10 so với T12/2023	%	102,24		102,52		102,94		102,99		103,32		102,87	
- CPI T10 so với cùng kỳ	%	102,20		102,89		103,07		103,28		102,86		102,89	
3. Vốn đầu tư thực hiện từ NSNN	Tỷ đồng	53.157	135,1	495.900	101,8	34.868	97,7	13.950	90,38	5.429	112,9	6.221	103,2
4. Tổng mức bán lẻ, doanh thu DV	Tỷ đồng	699.148	110,7	5.246.225	108,5	979.052	110,1	185.560	113,5	114.267	114,1	109.110	112,0
5. DT vận tải, kho bãi và DV hỗ trợ	Tỷ đồng	181.626	113,0			371.413	134,8	53.747	113,7	19.630	123,2	5.685	112,8
6. Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	425.160	121,8	1.654.200	117,3	408.468	110,0	96.214	129,1	21.064	129,5	13.169	112,7
<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	Tỷ đồng	<i>398.725</i>	<i>82,1</i>	<i>1.377.600</i>	<i>118,1</i>	<i>288.374</i>	<i>115,8</i>	<i>41.551</i>	<i>159,6</i>	<i>16.638</i>	<i>133,6</i>	<i>9.276</i>	<i>114,4</i>
7. Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	79.049	120,9	1.399.700	104,1	60.799	92,1	24.446	105,7	24.626	114,3	13.365	93,7
<i>Trong đó: Chi thường xuyên</i>		<i>42.485</i>	<i>115,5</i>	<i>956.300</i>	<i>109,5</i>	<i>41.761</i>	<i>112,8</i>	<i>11.818</i>	<i>113,9</i>	<i>16.366</i>	<i>114,7</i>	<i>5.461</i>	<i>109,4</i>

Phụ lục 07: Kết quả các chỉ số PCI và PAPI của Hà Nội năm 2023

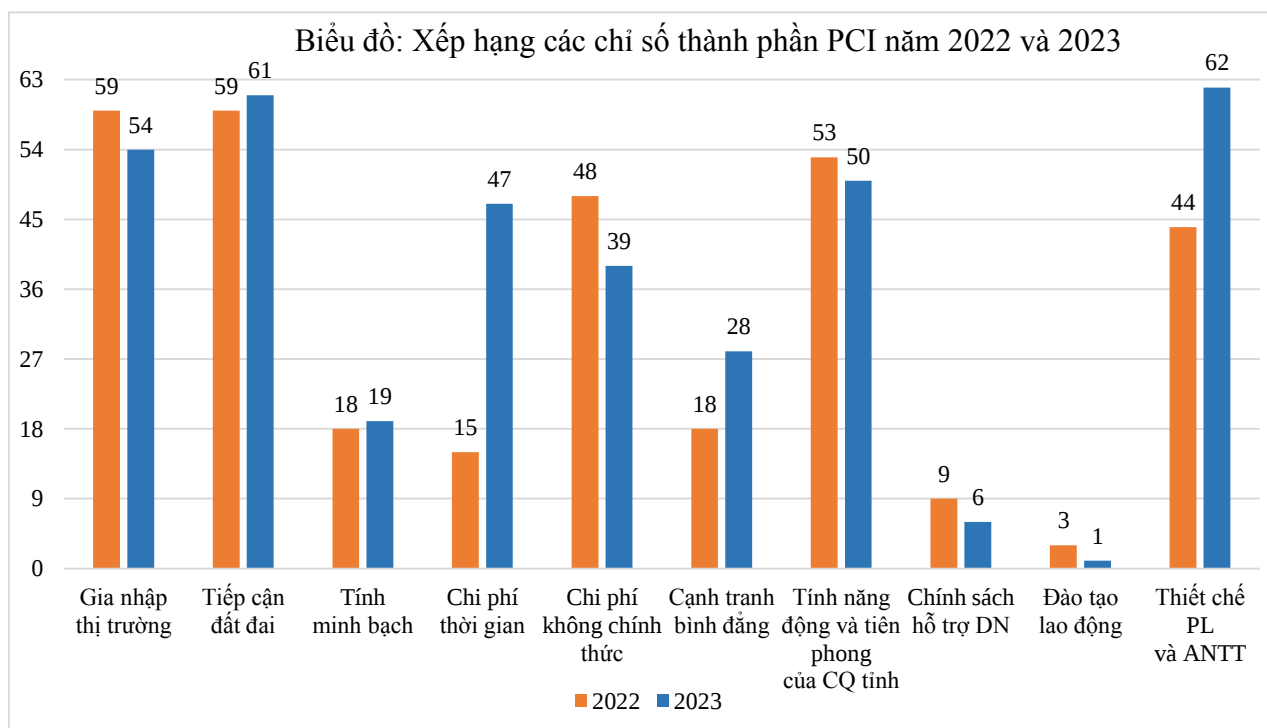
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Hà Nội)

1. Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Môi trường đầu tư, kinh doanh do cộng đồng doanh nghiệp đánh giá hàng năm được phản ánh rõ nhất qua chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). PCI gồm 10 chỉ số thành phần, được khảo sát với sự tham gia của trên 10.000 doanh nghiệp đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp trên 63 tỉnh, thành phố.

Chỉ số PCI của Hà Nội tăng hạng và giữ vị trí thứ 9/63 tỉnh, thành phố trong các năm 2018, 2019, 2020 nhưng lại giảm sau đó. Năm 2021 giảm 1 bậc (xếp thứ 10/63); Năm 2022 giảm sâu 10 bậc (xếp thứ 20/63); Năm 2023, tiếp tục giảm 08 bậc (xếp thứ 28/63), trong đó: 05 chỉ số tăng bậc, có 02 chỉ số thuộc top 10 cả nước; 05 chỉ số giảm hạng so với năm 2022 (xem Biểu đồ dưới đây):

- (1) Tiếp cận đất đai giảm 02 bậc (xếp thứ 61/63);
- (2) Tính minh bạch giảm 01 bậc (xếp thứ 19/63);
- (3) Chi phí thời gian giảm 32 bậc (xếp thứ 47/63);
- (4) Cạnh tranh bình đẳng giảm 10 bậc (xếp thứ 28/63);
- (5) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự giảm 18 bậc (xếp thứ 62/63).

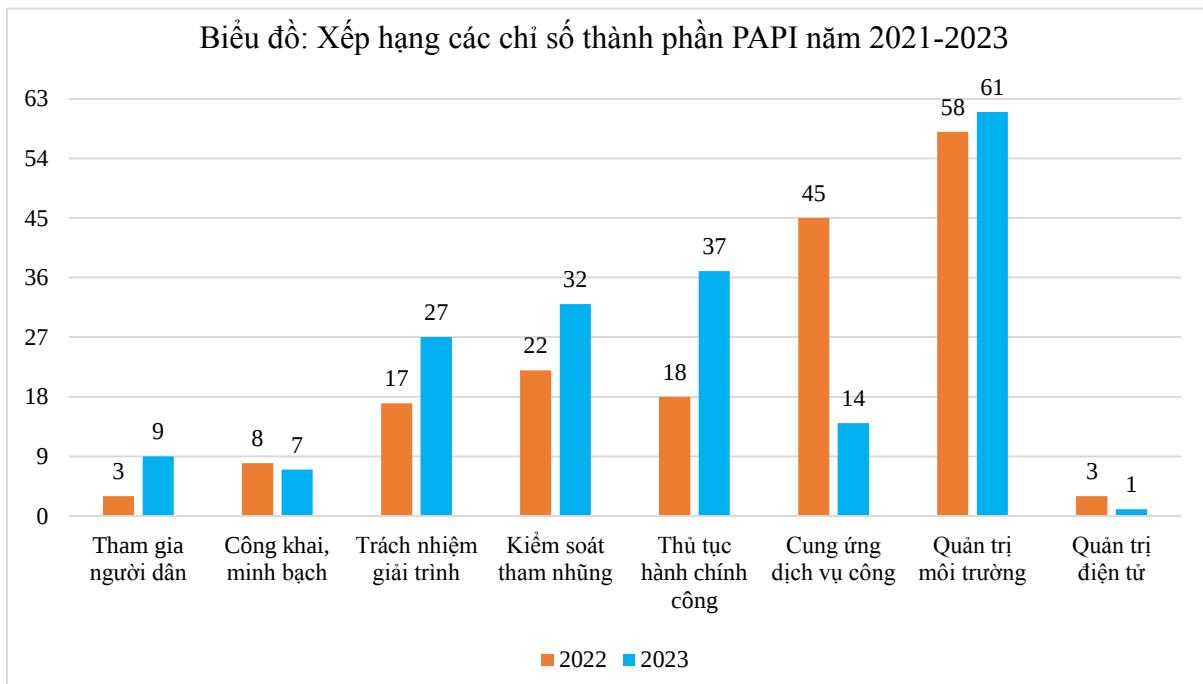


2. Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)

Mức độ hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công của chính quyền các cấp được phản ánh tổng hợp qua Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). PAPI gồm 8 chỉ số thành phần, được khảo sát với quy mô mẫu trên 16.000 người dân từ 18 tuổi trở lên tại 63 tỉnh, thành phố.

Chỉ số PAPI của Hà Nội tăng hạng từ vị trí thứ 58 (năm 2016) lên vị trí thứ 9 (năm 2021) nhưng năm 2022 lại giảm 3 bậc (xếp thứ 12/63) và năm 2023 tiếp tục giảm 03 bậc (xếp thứ 15/63) (tuy nhiên vẫn trong nhóm dẫn đầu cả nước); trong đó: có 03 chỉ số trong top 10 cả nước, 05 chỉ số giảm hạng so với năm 2022 (*xem Biểu đồ dưới đây*):

- (1) Tham gia của người dân cấp cơ sở giảm 06 bậc (xếp thứ 09/63);
- (2) Trách nhiệm giải trình với người dân giảm 10 bậc (xếp thứ 27/63);
- (3) Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công giảm 10 bậc (xếp thứ 32/63);
- (4) Thủ tục hành chính công giảm 19 bậc (xếp thứ 37/63);
- (5) Quản trị môi trường giảm 03 bậc (xếp thứ 61/63).



**Phụ lục 08: Tình hình thực hiện nhiệm vụ tại Chương trình hành động
số 04/CTr-UBND ngày 14/3/2024 của UBND Thành phố**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Sở, Ban, ngành	Tổng số nhiệm vụ	Kết quả đến nay				
			Đang TH theo tiến độ	Đang TH (quá hạn)	Xin hoãn/thôi thực hiện	Đang trình	Hoàn thành
1	Bộ Tư lệnh Thủ đô	1					1
2	Công an Thành phố	2			2		
3	Sở Công thương	3	1	1			1
4	Sở Du lịch	5	3				2
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	6					6
6	Sở Giao thông Vận tải	6	3			3	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2					2
8	Sở Khoa học và Công nghệ	4	2				2
9	Sở Lao động TB&XH	2			1		1
10	Sở Nội vụ	5	2				3
11	Sở Nông nghiệp và PTNT	5	1		1		3
12	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	7	6				1
13	Sở Tài chính	4	1		2		1
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	9	4			4	1
15	Sở Thông tin và Truyền thông	4				1	3
16	Sở Tư pháp	1					1
17	Sở Văn hóa và Thể thao	6	2	1			3
18	Sở Xây dựng	5		2	2		1
19	Sở Y tế	4		2			2
20	Bảo hiểm xã hội Thành phố	1					1
21	Viện Nghiên cứu PT KTXH	2					2
22	Viện Quy hoạch - Xây dựng	1					1
23	Ban Quản lý các KCN & CX	3	1	1			1
24	Ban Quản lý đường sắt đô thị	4	1	1		1	1
25	Quỹ đầu tư phát triển Thành phố	2	1				1
TỔNG SỐ		94	28	8	8	9	41

Đến hết tháng 9/2024: Có 41/94 nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ; 08/94 nhiệm vụ quá hạn (8,5%), trong đó, nhiều nhiệm vụ quá thời hạn rất lâu; nhiệm vụ xác định hoàn thành Quý I-II/2024 nhưng đến nay chưa hoàn thành như: Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của UBND Thành phố về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội; Đề án Quản lý, khai thác, sử dụng lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố (Sở Xây dựng chủ trì); Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2024 (Sở Công thương chủ trì)...

Phụ lục 09: Công trình trọng điểm

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Hà Nội)

1. Tiến độ triển khai các công trình trọng điểm đến thời điểm hiện nay

Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố, Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 15/11/2023 của UBND Thành phố, Thành phố có 42 công trình trọng điểm, gồm: 35 dự án sử dụng nguồn vốn NSNN; 01 dự án sử dụng vốn PPP; 06 dự án sử dụng nguồn xã hội hóa.

Tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 (kỳ họp lần thứ 18), HĐND Thành phố đã thống nhất và quyết nghị đưa 05 dự án (gồm 03 dự án dự kiến sử dụng ngân sách nhà nước và 02 dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách) ra khỏi danh mục các công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025 của Thành phố do không đảm bảo tính khả thi của dự án.

Sau kỳ họp HĐND Thành phố lần thứ 18, danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025 của Thành phố gồm 37 dự án với tổng mức đầu tư dự kiến là 342.234 tỷ đồng, trong đó: 32 dự án có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước; 01 dự án đầu tư theo hình thức PPP và 04 dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách. Thành phố phân đầu hoàn thành 09 dự án trong giai đoạn 2021-2025.

(Đơn vị: Triệu đồng)

STT	Tên dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến	Hoàn thành GD 2021-2025	Triển khai trong 02 GD: 2021-2025 và 2026-2030
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	37	342.234.051	9	28
A	Các dự án sử dụng ngân sách nhà nước	32	284.905.238	8	24
1	Lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội	2	3.805.000	2	
2	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo	1	980.000		1
3	Lĩnh vực y tế	3	2.322.035	1	2
4	Lĩnh vực Văn hóa xã hội	4	2.603.878	1	3
5	Lĩnh vực môi trường	3	20.378.717	1	2
6	Lĩnh vực thủy lợi (kết hợp thoát nước đô thị)	2	8.669.931	1	1
7	Lĩnh vực giao thông	15	243.230.726	2	13
8	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	2	2.914.951		2
B	Các dự án đầu tư theo hình thức PPP	1	9.997.873	1	
1	Lĩnh vực giao thông	1	9.997.873	1	

STT	Tên dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến	Hoàn thành GD 2021-2025	Triển khai trong 02 GD: 2021-2025 và 2026-2030
C	Các dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách	4	47.330.940		4
1	Lĩnh vực Văn hóa xã hội	2	16.964.700		2
2	Lĩnh vực thương mại	2	30.366.240		2

2. Về tiến độ triển khai theo nguồn vốn

(1) Đối với 32 dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

- 03 dự án lĩnh vực giao thông (Cầu Trần Hưng Đạo; Cầu Tứ Liên và Tuyến đường sắt đô thị số 5) chưa được phê chủ trương đầu tư;
- 09 dự án đã phê chủ trương đầu tư chưa phê dự án;
- 16 dự án đã được phê duyệt dự án, đang triển khai thực hiện;
- 04 dự án chuyển tiếp đã hoàn thành hoặc cơ bản hoàn, đưa vào sử dụng (dự án Cầu Vĩnh Tuy - giai đoạn 2; Bệnh viện Nhi; Cung thiếu nhi và 01 dự án GPMB trụ sở Bộ Công an);

(2) Đối với 01 dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (Tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai 2 đoạn từ Cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở, kết hợp với mở rộng theo quy hoạch đoạn từ Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng): Đã được triển khai từ giai đoạn trước và hoàn thành cuối năm 2022.

(3) Đối với 04 dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa:

- 03³⁵ dự án đã được UBND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư.
- 01 dự án (Nhà hát Opera và Khu văn hóa đa năng Quảng An): Sở Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến của các sở, ngành, đơn vị có liên quan trước khi tham mưu UBND Thành phố ban hành Quyết định.

3. Về bố trí kế hoạch vốn năm 2023 và giải ngân

Năm 2024, Thành phố đã bố trí vốn cho 17 dự án trọng điểm với số vốn kế hoạch là 15.590,86 tỷ đồng. Trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ là 7.106 tỷ đồng; Vốn ODA cấp phát là 2.315 tỷ đồng; ODA vay lại là 1.545 tỷ đồng; Ngân sách Thành phố là 4.636 tỷ đồng.

- Lũy kế giải ngân của các công trình trọng điểm đến ngày 15/11/2024 là 4.755,36 tỷ đồng đạt 40,5% kế hoạch.

³⁵ (1) Công viên văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí Kim Quy; (2) Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc gia; (3) Tháp tài chính hỗn hợp đa năng (nằm trong dự án Thành phố thông minh);

Phụ lục 10: So sánh một số chỉ tiêu phát triển, chỉ số xếp hạng của Hà Nội và một số Thành phố, Thủ đô

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Hà Nội)

T T	Chỉ tiêu	Hà Nội	Seoul	Singapore	Bắc Kinh	Madrid	Berlin	Nguồn số liệu
1	Dân số, triệu người	8,6	9,4	5,9	21,5	3,2	3,7	wikipedia.org
2	Diện tích, Km2	3.360,0	605,2	728,0	16.801,3	604,3	891,7	
3	GDP/Người, USD	6.350	39.558	87.884	21.261	40.000	45.200	
4	Xếp hạng/Số đô thị được xếp hạng (năm)							
-	Nhận diện đô thị/100 (2023)	92	42	6	58	23	18	brandirectory.com
-	Điểm đến du lịch và lễ hành/100 (2023)	98	14	11	59	3	6	www.euromonitor.com
-	Thành phố sáng tạo/500 (2023)	403	8	5	28	19	11	innovation-cities.com
-	Phát triển bền vững/100 (2022)	85	26	35	73	28	5	www.arcadis.com
-	Thành phố thông minh/142 (2024)	97	17	5	12	35	37	imd.cld.bz
-	Chất lượng sống/122 (2023)	106	61	35	100	14	34	www.numbeo.com
-	Sức mua/122 (2023)	102	35	15	45	39	18	www.numbeo.com
-	Trật tự, an toàn xã hội/122 (2023)	62	19	16	32	29	83	www.numbeo.com
-	Chăm sóc sức khỏe/122 (2023)	91	2	44	51	5	54	www.numbeo.com
-	Chi phí cuộc sống/122 (2023)	99	12	4	84	47	25	www.numbeo.com
-	Chi tài sản/Tổng thu nhập/122 (2023)	15	12	34	8	105	69	www.numbeo.com
-	Mức độ ùn tắc giao thông/122 (2023)	95	23	39	18	108	69	www.numbeo.com
-	Mức độ ô nhiễm môi trường/122 (2023)	7	61	98	19	91	86	www.numbeo.com
-	Thời tiết dễ chịu/122 (2023)	58	88	110	109	31	47	www.numbeo.com